



SỐ 11. THÁNG 11/2019

TỔNG BIÊN TẬP

Ths. LS Nguyễn Minh Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Ths. LS Liêu Chí Trung

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. LS. Nhà báo Phan Trung Hoài

Ths. LS. Nhà báo Nguyễn Minh Tâm

GS. TS. Trung tướng Nguyễn Ngọc Anh

GS. TS Phạm Văn Đức

PGS. TS. Trung tướng Trần Văn Độ

PGS. TS. LS. Nhà báo Nguyễn Văn Huyền

GS. TS Nguyễn Hữu Khiển

PGS. TS Vĩnh Quang Lê

PGS. TS Nguyễn Minh Mẫn

PGS. TS Nguyễn Như Phát

GS. TS. NGUYỄN Lê Minh Tâm

PGS. TS. LS. NGUYỄN Chu Hồng Thanh

TS Lê Hữu Thế

Ths. LS. Nhà báo Liêu Chí Trung

---***---

THIẾT KẾ

Hoàng Việt

TÒA SOẠN

Tầng 1-2, Tòa nhà CT13B KĐT Nam Thăng Long,

đường Võ Chí Công, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.35574888 / 37765686

Fax: 024.37765689

Email: toasoanlsvn@gmail.com

Website: www.lsvn.vn / baoveconglyn.vn

CQĐD tại TP. Hồ Chí Minh

171 Cao Thắng, P.12, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.22531999

Email: toasoanlsvn.hcm@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

Số: 56/GP-BTTTT, ngày 27/1/2014

của Bộ Thông tin và Truyền thông

In tại: Công ty cổ phần Quảng cáo và in Thuận Phát

Ảnh bìa 1: Hội nghị triển khai Nghị định 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV tại Vĩnh Phúc, tháng 11/2019.

TRONG SỐ NÀY

- 2** Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, từ góc độ pháp luật đến nhu cầu thực tiễn
TS Tô Hoài Nam
- 5** Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP
ThS Đỗ Thị Thanh Hương
- 8** Tạo bước chuyển biến mới trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
Ths Trần Minh Sơn
- 11** Nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên
ThS Nguyễn Thị Thanh Bình
- 15** Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp
Nguyễn Việt Đức
- 17** Bắc Giang đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị định số 55/2019/NĐ-CP để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
TS Phùng Văn Minh
- 20** Hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp khởi nghiệp hiện nay thực trạng và giải pháp
Phạm Thị Hà My
- 25** Tăng cường vai trò của luật sư vào công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
LS Trần Minh Trị
- 28** Doanh nghiệp nhỏ và vừa làm gì để vượt cái khó nội tại?
Luật gia Phan Văn Tân
- 32** Luật sư trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp
LS Trần Văn Chương

TABLE OF CONTENTS

- 37.** There are unreasonable points when applying Article 260 of the Criminal Code
LLM. Lawyer Le Van Sua
- 43.** Parking causes a fatal accident: Bases for determining fault factors and consideration of vehicle owners' responsibilities
Lawyer Hoang Doanh Trung
- 54.** Do not allow renaming affects the rights of citizens
LLM. Pham Van Chung
- 56.** Strengthening the observance of administrative procedure law and enforcement of administrative judgments
Mai Ha
- 63.** It is necessary to clarify the provisions of Point b, Clause 2, Article 193 of the Law on Administrative Procedures
Duong Tan Thanh

HỘI NGHỊ

VAI TRÒ CỦA CHUYÊN VIÊN PHÁP LÝ TRẺ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP

(Hoạt động được thực hiện với sự hỗ trợ kinh phí của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành
dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020-Bộ Tư pháp)

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2017



Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020

Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp (Chương trình 585) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; tạo lập các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động thực thi pháp luật để giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả; phòng chống rủi ro pháp lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp.

Ban Quản lý Chương trình 585:

Trưởng ban: Thứ trưởng Bộ Tư pháp Phan Chí Hiếu.

Các Phó trưởng ban: ông Nguyễn Hồng Tuyên - Vụ trưởng Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp; ông Nguyễn Thanh Tú - Vụ trưởng Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp.

Các thành viên Ban Quản lý: lãnh đạo Vụ Pháp luật quốc tế, Bộ Tư pháp; lãnh đạo Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp.

Tổ Thư ký Chương trình 585:
ông Nguyễn Thanh Tú - Vụ trưởng

Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp phụ trách Tổ Thư ký; Phó tổ trưởng Tổ Thư ký: ông Trần Minh Sơn - Trưởng phòng, Vụ Pháp luật Dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp.

Các thành viên Tổ Thư ký: lãnh đạo, đại diện các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tư pháp; Bộ Công thương; Bộ Thông tin và truyền thông; Liên đoàn Luật sư Việt Nam; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, Vĩnh Phúc và Đồng Nai. ♦

Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, từ góc độ pháp luật đến nhu cầu thực tiễn



Hội nghị triển khai Nghị định 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho DNNV tại Vinh Phúc, tháng 11/2019.

2

TS TÔ HOÀI NAM - Phó chủ tịch Thường trực kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

Tổng quan về chế định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Nghiên cứu văn bản của Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa từ giai đoạn trước năm 2017, chúng ta thấy, trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV); Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 05/5/2010 về việc triển khai thực hiện

Nghị định số 56/2009/NĐ-CP nhằm triển khai thực hiện tích cực, đồng bộ các chính sách trợ giúp phát triển và phát huy mọi khả năng và nguồn lực đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV.

Ngày 07/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1231/QĐ-TTg về phê duyệt Kế hoạch phát triển DNNVV giai đoạn 2011-2015, xác định quan điểm, mục tiêu, giải pháp hỗ trợ DNNVV: mục tiêu tổng quát của kế hoạch là đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực

cạnh tranh của DNNVV, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và lành mạnh để các DNNVV đóng góp ngày càng cao vào phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hội nhập kinh tế quốc tế.

Để thực hiện mục tiêu tổng quát đó, Chính phủ đã đề ra 8 nhóm giải pháp thực hiện kế hoạch, gồm: 1) hoàn thiện khung pháp lý về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp; 2) hỗ trợ tiếp cận tài chính, tín dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho

DNNVV; 3) hỗ trợ đổi mới công nghệ và áp dụng công nghệ mới trong các DNNVV; 4) phát triển nguồn nhân lực cho các DNNVV, tập trung vào nâng cao năng lực quản trị cho các DNNVV; 5) đẩy mạnh hình thành các cụm liên kết, cụm ngành công nghiệp, tăng cường tiếp cận đất đai cho các DNNVV; 6) cung cấp thông tin hỗ trợ DNNVV và xúc tiến mở rộng thị trường cho DNNVV; 7) xây dựng hệ thống tổ chức trợ giúp phát triển DNNVV; 8) quản lý thực hiện kế hoạch phát triển DNNVV.

Mặc dù các giải pháp hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2011-2015, Chính phủ không quy định riêng giải pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, Chính phủ đã ban hành một nghị định riêng về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Theo đó, Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được ban hành, Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kèm theo Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05/5/2010 (giai đoạn 2010-2014) và Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 (giai đoạn 2015-2020). Những văn bản đó đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với vấn đề hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, để thực hiện mục tiêu nâng cao nhận thức pháp luật của doanh nghiệp, từng bước hình thành thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

Qua 11 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cho thấy, công tác

hỗ trợ bước đầu góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và sử dụng tư vấn pháp luật của doanh nghiệp. Đã tạo nên cách hiểu thống nhất trong cơ quan hành pháp từ trung ương đến địa phương về vị trí, vai trò của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Nhiều bộ ngành, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực tài chính, tổ chức, cán bộ cho công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp, gắn việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp với cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp.

Từ những tác động và hiệu quả của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và Chương trình 585, các cơ quan chủ trì soạn thảo và thẩm định Luật Hỗ trợ DNNVV nhận thấy, cần thiết phải đưa chế định hỗ trợ pháp lý cho DNNVV vào trong Luật, để tạo hành lang pháp lý cao hơn cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Ngày 12/6/2017, Quốc hội đã thông qua Luật Hỗ trợ DNNVV, trong đó tại khoản 3 Điều 14 Luật này quy định: “*Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:*

a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật”.

Cho đến nay, các chính sách hỗ trợ DNNVV đã được Chính phủ hướng dẫn đầy đủ, cụ thể tại nghị định về hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, riêng vấn đề hỗ trợ pháp lý cho DNNVV được quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hỗ trợ DNNVV và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Có thể nói, hành lang pháp lý để thực hiện hỗ trợ pháp lý cho DNNVV đã được ban hành đầy đủ từ góc độ luật, nghị định; tới đây Bộ Tư pháp và các bộ, ngành có liên quan sẽ tiếp tục hướng dẫn và chỉ đạo việc triển khai tại các bộ ngành, địa phương và các tổ chức đại diện doanh nghiệp.

Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa từ pháp luật đến nhu cầu thực tế

Trong thời gian gần đây, Chính phủ đã nỗ lực thực hiện những giải pháp để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp hướng tới đạt mục tiêu năm 2020 có 1 triệu doanh nghiệp, năm 2025 có 1,5 triệu doanh nghiệp và năm 2030 có 2 triệu doanh nghiệp hoạt động. Theo Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị TW 5 Khóa XII, Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết số 35, Nghị quyết số 19 năm 2016 - 2017 - 2018, Nghị quyết số 02 năm 2019 về cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, trong đó đưa ra các giải pháp đột phá để hỗ trợ doanh nghiệp, nhiều địa phương đã duy trì và nâng cao chất lượng cơ chế đổi thay chính sách để tháo gỡ khó khăn về chính sách liên quan đến lao

động, đất đai, vốn, thuế, hải quan...

Tuy nhiên, năng lực nội tại của các DNNVV vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, cụ thể: đa số các DNNVV có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, hoạt động sản xuất còn nhỏ lẻ manh mún; thiếu vắng sự liên kết, đặc biệt liên kết giữa doanh nghiệp nhỏ với doanh nghiệp vừa và lớn; năng xuất trong khu vực DNNVV thấp, năng lực cạnh tranh, thích nghi với thị trường còn yếu; máy móc, thiết bị, công nghệ lạc hậu...

Từ góc nhìn của tổ chức đại diện doanh nghiệp, chúng tôi nhận thấy, mặc dù cơ chế chính sách đã được ban hành nhiều, tương đối đầy đủ, nhưng chậm được triển khai đã làm mất đi tính cơ hội, lạc hậu so với tình hình thực tiễn, nên phải điều chỉnh bổ sung nhiều đã làm ảnh hưởng đến khu vực doanh nghiệp dân doanh. Bên cạnh đó, một số các cấp chính quyền địa phương vẫn còn lúng túng trong việc đưa ra chính sách, nguồn lực cụ thể để triển khai, mặc dù cơ chế đã có.

Để các quy định của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thực sự được triển khai trên thực tế, đi vào cuộc sống, trong phạm vi bài viết, chúng tôi kiến nghị một số giải pháp sau:

Thứ nhất: Phải xác định hỗ trợ pháp lý cho DNNVV là một hoạt động cơ bản, thường xuyên, liên tục, là trách nhiệm của các cấp, các ngành. Hoạt động này xuất phát từ bối cảnh thực tế hiện nay, khi nhận thức pháp luật của khu vực kinh tế dân doanh còn nhiều hạn chế, chủ sở hữu, người

quản lý trong doanh nghiệp chưa hình thành thói quen tuân thủ pháp luật, chế tài xử lý vi phạm pháp luật chưa nghiêm minh, chưa đảm bảo tính công khai, minh bạch, thực thi pháp luật chưa đạt hiệu quả.

Thứ hai: Nhu cầu hỗ trợ pháp lý và tư vấn pháp luật của khu vực DNNVV rất nhiều, phong phú và đa dạng, điều này, xuất phát từ quyền tự do kinh doanh được quy định trong Hiến pháp. Trong khi đó, nguồn lực Nhà nước lại có hạn, hỗ trợ pháp lý chỉ là một hoạt động trong tổng thể các hoạt động hỗ trợ DNNVV. Để tránh lãng phí, tràn lan, nhưng không đem lại hiệu quả thiết thực, Nhà nước cần xác định rõ các nội dung, hoạt động nào Nhà nước hỗ trợ, nội dung, hoạt động nào doanh nghiệp phải thực hiện thuê dịch vụ pháp lý để phòng ngừa rủi ro theo quy luật của thị trường.

Thứ ba: Trong khi cơ cấu, tổ chức, cán bộ làm công tác hỗ trợ pháp lý cho DNNVV trong các cơ quan Nhà nước hiện nay chưa ổn định, sự quan tâm của các cấp chính quyền chưa đồng đều, Nghị định 55/2019/NĐ-CP, Nghị định 39/2018/NĐ-CP đã quy định về cơ chế thiết lập mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ cho DNNVV. Vì vậy, các bộ ngành, địa phương cần sớm triển khai cơ chế này, đây có thể được coi là một cơ chế hữu hiệu để triển khai các hoạt động hỗ trợ cho DNNVV một cách hiệu quả. Tuy nhiên, để cơ chế này thực sự phát huy, Nhà nước cần chủ động hướng dẫn, xây dựng tiêu chí, công nhận tư cách của mạng lưới, bố trí kinh phí để duy trì,

khuyến khích bồi dưỡng, giám sát, kiểm tra mạng lưới tư vấn viên. Đây cũng được coi là cơ chế để đội ngũ luật sư, luật gia tham gia sâu rộng vào hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DNNVV.

Thứ tư: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, những thành quả của kỹ thuật số vào trong công tác hỗ trợ pháp lý cho DNNVV. Thực tế, những người quản lý, chủ sở hữu doanh nghiệp rất bận. Vì vậy, những cách thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo phương thức truyền thống cần có sự thay đổi mạnh mẽ, nắm sát đặc điểm tâm lý, đặc thù của doanh nghiệp, chủ động ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Thứ năm: Cần có phân loại, phân nhóm các loại hình DNNVV để có các chuyên đề, chương trình hỗ trợ cho phù hợp. Thực tế cho thấy, doanh nghiệp thuộc nhóm ngành sản xuất, chế biến, chế tạo có nhu cầu hỗ trợ khác với doanh nghiệp thuộc nhóm ngành thương mại dịch vụ.


Thứ sáu: Cần có sự vào cuộc mạnh mẽ của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đối với công tác hỗ trợ cho doanh nghiệp nói chung, công tác hỗ trợ pháp lý cho DNNVV nói riêng. Thực tế cho thấy, để thay đổi thói quen tuân thủ pháp luật của DNNVV, chúng ta phải nhìn tổng thể để có các giải pháp thay đổi trên các bình diện về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, minh bạch, ý thức phục vụ của tổ chức, cá nhân thừa hành công vụ, tính nghiêm minh bình đẳng của thi hành pháp luật. ♦



Tọa đàm: Duy trì mạng lưới tư vấn pháp luật cho DN tại Cần Thơ.



Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP

 **THS ĐỖ THỊ THANH HƯƠNG** - Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật - Bộ Tư pháp

Nhằm triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ

pháp luật của doanh nghiệp; tạo lập các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động thực thi pháp luật để giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả và góp phần nâng cao công tác quản

lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp, trên cơ sở Nghị định số 66/2008/NĐ-CP của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, ngày 05/5/2010, Thủ tướng Chính

phủ đã ban hành Quyết định số 585/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014 (viết tắt là Chương trình 585) và Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 về việc điều chỉnh các hoạt động và tiếp tục thực hiện Chương trình 585, thực hiện giai đoạn 2015-2020.

Việc tổ chức, triển khai Chương trình 585 trong thời gian qua đã tạo một “cú hích” trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tạo khung hoạt động quan trọng cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã xây dựng kế hoạch/chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để tổ chức một cách đồng bộ, có hệ thống các hoạt động hỗ trợ pháp lý nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật thông qua tiếp nhận và xử lý kịp thời các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực hoạt động đã được tiếp cận các thông tin pháp luật một cách nhanh chóng, chính thống và kịp thời hơn thông qua các hình thức hỗ trợ pháp lý của Nhà nước, góp phần tháo gỡ khó khăn pháp lý cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và góp phần phát triển kinh tế, xã hội.

Trên cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, đồng thời kế thừa các quy định hợp lý của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và thực tiễn xây dựng và tổ chức thực hiện

Chương trình 585, các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của một số bộ, cơ quan ngang bộ và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Nghị định 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ đã quy định chi tiết việc xây dựng, tổ chức thực hiện 3 loại chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, gồm: (i) Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (ii) Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi bộ, cơ quan ngang bộ; và (iii) Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương cấp tỉnh. Cụ thể:

1. Về căn cứ xây dựng và các hoạt động của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Căn cứ xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm: (i) Nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong từng thời kỳ, ngành, lĩnh vực, địa phương; (ii) Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và kế hoạch ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh; và (iii) Nguồn lực của bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp (khoản 1 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP).

Các hoạt động của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (khoản 2 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP) bao gồm:

- Hoạt động cung cấp thông tin, bao gồm thông tin pháp luật trong

nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế, cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);

- Hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, bao gồm bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho mạng lưới tư vấn viên pháp luật;

- Hoạt động tư vấn pháp luật, bao gồm đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn pháp luật khác phù hợp với các quy định của pháp luật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa và nguồn lực.

2. Về thời hạn thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày được phê duyệt (Điều 11 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP).

3. Về xây dựng và phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

(i) Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và tổ chức khác, cá nhân có liên quan xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(ii) Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi bộ, cơ quan ngang bộ,

bộ, cơ quan ngang bộ lồng ghép các nội dung của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vào đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định này.

(iii) Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương, sở tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, tổ chức khác và cá nhân có liên quan xây dựng và đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (Điều 12 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP).

4. Về triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Sau khi chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện chương trình trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình hoặc giao cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành và công bố công khai kế hoạch triển khai thực hiện trên cổng thông tin điện tử của mình và Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Tư pháp.

Việc lựa chọn, ký hợp đồng, đánh giá kết quả thực hiện và thanh lý hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để triển khai các hoạt động của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu và pháp luật có liên quan.


Bên cạnh đó, cần lưu ý là căn cứ vào nội dung, nguồn lực của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa thành viên, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do mình chủ trì thực hiện theo đúng nội dung chương trình hỗ trợ, pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nêu trên; trên cơ sở đó, bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí nhưng tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do tổ chức đại diện cho doanh nghiệp đề xuất từ nguồn kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nêu trên. Kinh phí còn lại do tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tự chi trả hoặc từ nguồn xã hội hóa, huy động từ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp để thực hiện. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc lựa chọn, ký hợp đồng, đánh giá kết quả thực hiện và thanh lý hợp đồng với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa như vậy phải được thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu và pháp luật có liên quan (Điều 13 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP).

Các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được xây dựng và

tổ chức thực hiện sẽ tạo ra bước chuyển biến mới trong việc thực thi pháp luật của doanh nghiệp, bảo đảm thực hiện tốt các đạo luật đã và sẽ được ban hành trong thời gian sắp tới và đáp ứng nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Trong đó, tùy thuộc vào từng giai đoạn cụ thể, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sẽ tập trung giải quyết các vấn đề ưu tiên như thông tin pháp lý; phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh; kỹ năng, nghiệp vụ pháp chế doanh nghiệp; tư vấn pháp luật cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các địa bàn khó khăn.

Để xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp luật có hiệu quả thì cần căn cứ vào nhu cầu hỗ trợ pháp lý thực tế của doanh nghiệp tại từng địa phương, vùng miền và từng thời kỳ, cần có sự khảo sát và đánh giá về thực trạng và nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp, từ đó làm cơ sở để xây dựng nội dung các chuyên đề hỗ trợ và cách thức, quy trình triển khai theo các chuyên đề hỗ trợ. Đồng thời quá trình xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ pháp lý cần có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành có chức năng quản lý, theo dõi việc thi hành pháp luật của doanh nghiệp và các tổ chức đại diện của doanh nghiệp để bảo đảm công tác hỗ trợ pháp lý được đúng trọng tâm, trọng điểm và đúng nhu cầu của doanh nghiệp. Có như vậy các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được xây dựng và ban hành mới mang tính khả thi và có ý nghĩa, tác động đối với doanh nghiệp trong việc nâng cao nhận thức pháp luật cũng như giải quyết được các vướng mắc pháp lý doanh nghiệp gặp phải trong quá trình sản xuất, kinh doanh. ♦

Tạo bước chuyển biến mới trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

 THS TRẦN MINH SƠN - Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp

Đã hơn 10 năm kể từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã có nhiều điểm tích cực. Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05/5/2010 phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014. Trên cơ sở kết quả đạt được giai đoạn 2010-2014, Bộ Tư pháp đã tổng kết và đề xuất Thủ tướng Chính phủ tiếp tục triển khai các hoạt động của Chương trình giai đoạn tiếp theo và ngày 28/11/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2139/QĐ-TTg về việc tiếp tục thực hiện và điều chỉnh các dự án Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014, thực hiện giai đoạn 2015-2020.

Tính đến hết năm 2018, hầu hết các bộ và cơ quan ngang bộ (17/22) đã ban hành các kế hoạch/chương trình và thực hiện nhiệm vụ triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo quy định của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (trừ Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Ủy ban Dân tộc, Thanh tra Chính phủ, Văn phòng



Hội nghị đối thoại về hỗ trợ pháp lý cho DN tại Thanh Hóa năm 2019.

Chính phủ không trực tiếp triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp). Nhiều bộ, ngành đã sớm kịp thời ban hành các kế hoạch/chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong lĩnh vực bộ, ngành mình quản lý ngay sau khi có Nghị định số 66/2008/NĐ-CP để thúc đẩy công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, như Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành kế hoạch/chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh,

thành phố nhằm triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các địa phương theo quy định tại Nghị định số 66/2008/NĐ-CP.

Trên cơ sở quy định của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, nhiều địa phương đã triển khai mạnh, tích cực công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua việc xây dựng các đề án, đề tài và ban hành kế hoạch/chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại địa phương như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Bắc Giang... Ngoài ra, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn ban hành các nghị quyết, văn bản quy

định về định mức chi của địa phương dành cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn.

Việc các bộ, ngành và địa phương ban hành các văn bản/chương trình/kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp căn cứ vào Nghị định số 66/2008/NĐ-CP bước đầu đã tạo một “cú hích” trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tạo khung pháp lý ban đầu cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thời gian qua vẫn còn những khó khăn, tồn tại hạn chế, cụ thể: việc bố trí cơ cấu, tổ chức trong cơ quan nhà nước để làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa đồng bộ, ổn định, thiếu cán bộ chuyên trách; việc bố trí kinh phí để triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, chưa huy động được nguồn lực xã hội tham gia; một số hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp triển khai còn dàn trải, chưa nắm bắt đúng nhu cầu của doanh nghiệp; chưa ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; chưa có chương trình hỗ trợ pháp lý dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa xác định đối tượng cần ưu tiên hỗ trợ.

Kế thừa những thành tích của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2008-2018, đồng thời đáp ứng yêu cầu của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong tình hình mới, khi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp

nhỏ và vừa có hiệu lực, trên cơ sở quan điểm, nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nói chung, đồng thời cụ thể hóa Điều 14 của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhìn từ thực tiễn tham gia hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua và quá trình chủ trì xây dựng Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, chúng tôi nhận thấy có nhiều điểm mới, tích cực, nếu được nhận thức, thực hiện, chấp hành một cách nghiêm túc, có thể tạo ra bước chuyển mới, tích cực nhằm nâng cao nhận thức pháp luật của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập và cạnh tranh của nền kinh tế.

Thứ nhất: Tập trung đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, mục tiêu của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP là quy định chi tiết khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, một số đối tượng khác không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng cũng đã và đang được hỗ trợ pháp lý theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (như hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, doanh nghiệp lớn, tập đoàn, tổng công ty nhà nước). Các đối tượng này cũng cần được hỗ trợ pháp lý, nhưng phụ thuộc vào nguồn lực của bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương. Do đó, Điều 19 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã quy định: “Tùy thuộc vào nguồn lực, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ

chức đại diện cho doanh nghiệp có thể quyết định áp dụng các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa”.

Như vậy, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã thu hẹp phạm vi thụ hưởng chính sách hỗ trợ pháp lý, điều này sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đưa hoạt động hỗ trợ pháp lý này đi vào thực chất, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ hai: Cấu trúc lại nội dung và hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, so với Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, quy định về 05 hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP cấu trúc lại các hình thức và nội dung hỗ trợ pháp lý theo hướng các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm 2 nhóm: (i) Nhóm hoạt động xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật (từ Điều 5 đến Điều 9); (ii) Nhóm hoạt động xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 10 đến Điều 13). Điểm mới là tại nhóm 1, cơ sở dữ liệu sẽ bao gồm cả các tài liệu tham khảo về vụ việc vướng mắc pháp lý đã xảy ra, các bản án, quyết định của tòa án, các văn bản trả lời của cơ quan nhà nước đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp, các văn bản tư vấn pháp luật của mạng

lưới tư vấn viên pháp luật... (được phép công khai); Nhà nước hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho các hoạt động thuộc nhóm 1 nhưng không quá từ 03 đến 10 triệu đồng/năm, tùy theo quy mô đối tượng doanh nghiệp. Trong nhóm 2, quy định thời hạn thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (như cung cấp thông tin, đào tạo tập huấn, giải quyết vướng mắc pháp lý,...) tối đa 05 năm kể từ ngày được phê duyệt. Các chương trình được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa cơ quan nhà nước với tổ chức đại diện của doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho DNNVV và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Kinh phí hỗ trợ của Nhà nước cho nhóm 2 tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện chương trình, phần còn lại do tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tự chi trả hoặc từ nguồn xã hội hóa. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc lựa chọn, ký hợp đồng, đánh giá kết quả thực hiện và thanh lý hợp đồng với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa như vậy phải được thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu và pháp luật có liên quan. Bên cạnh đó, các chương trình hỗ trợ pháp lý của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP có thể lồng ghép với những chương trình hỗ trợ khác như đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

Thứ ba: Về bảo đảm về nguồn lực, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã quy định cụ thể trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh trong việc bảo

đảm nguồn nhân lực, tài chính cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cụ thể, kinh phí cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm trên cơ sở kế hoạch triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Đặc biệt, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã quy định cụ thể hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ tư: Trách nhiệm tổ chức thực hiện, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP đã quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời quy định trách nhiệm của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do mình chủ trì thực hiện theo đúng nội dung chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Thứ năm: Tạo điều kiện để luật sư, luật gia tham gia vào mạng lưới tư vấn viên pháp luật cho doanh nghiệp, căn cứ vào Nghị định số

39/2018/NĐ-CP ngày 10/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 13) đã quy định chi tiết khoản 2 Điều 14 Luật này về trách nhiệm “các bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa...”. Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (Điều 9) không quy định lại nội dung về điều kiện tiêu chí, thủ tục công nhận tư vấn viên mà chỉ tập trung quy định việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật và định mức thanh toán phí sử dụng dịch vụ thông qua tư vấn viên pháp luật, Cụ thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ thông qua danh sách tư vấn viên pháp luật được đăng tải trên cổng thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ đó. Sau khi thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với tư vấn viên pháp luật phù hợp thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật, doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng phương thức điện tử đến bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật về vụ việc, vướng mắc pháp lý. Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn viên pháp luật, trung tâm tư vấn pháp luật đủ điều kiện hành nghề tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật, tự nguyện thông báo tham gia và được bộ, cơ quan ngang bộ công bố công khai để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. ♦

Nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên



 **THS NGUYỄN THỊ THANH BÌNH** - Khoa Quản lý nhà nước và xã hội, Học viện Hành chính quốc gia

Trong nền kinh tế thị trường, muốn hoạt động sản xuất, kinh doanh an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững, doanh nghiệp cần phải hiểu biết, tuân thủ và áp dụng đúng đắn các quy định pháp luật. Thực tế thời gian qua cho thấy, dù doanh nghiệp lớn, vừa, nhỏ hay siêu nhỏ thì cũng đều phải đối mặt với các vấn đề rủi ro về pháp lý trong quản lý, điều hành... và thực hiện các giao dịch kinh doanh với đối tác, khách hàng. Những rủi ro này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân cơ bản là trình độ nhận

thức và hiểu biết pháp luật của doanh nghiệp còn hạn chế. Trong tổng số hơn 714.000 doanh nghiệp hiện nay trên cả nước thì doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa chiếm tới hơn 97%, trong đó rất nhiều doanh nghiệp phát triển đi lên từ các hộ kinh doanh, ngành nghề truyền thống còn gặp nhiều khó khăn về tài chính trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ pháp lý để giải quyết những vướng mắc gặp phải trong quá trình kinh doanh.

Trước thực trạng đó, nhằm mục đích giúp doanh nghiệp nâng cao nhận

thức, hiểu biết pháp luật, tạo thói quen tuân thủ và sử dụng pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; đặc biệt nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp luật; ngày 29/10/2013, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2582/QĐ-BQL về việc phê duyệt Đề án thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Đề án ban hành nhằm mục đích tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành

cho doanh nghiệp theo Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05/5/2010 và Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Kết quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên

Quá trình triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua nói chung và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên đã đạt được những kết quả rất tích cực và lan tỏa sâu rộng tới cộng đồng doanh nghiệp. Tính đến thời điểm hiện tại, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên do Bộ Tư pháp chủ trì tổ chức triển khai đã được thiết lập, duy trì tại hơn 30 tỉnh, thành trên cả nước.

Việc hình thành, thiết lập và duy trì mạng lưới được thực hiện thông qua nhiều hình thức: tổ chức tọa đàm thiết lập, duy trì mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp và tọa đàm trao đổi kinh nghiệm giữa cộng tác viên và mạng lưới và doanh nghiệp; tổ chức tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp qua phiếu tư vấn, giải đáp pháp luật trên truyền hình theo từng vụ việc cụ thể. Nội dung tư vấn, giải đáp rất phong phú, đa dạng bao gồm tất cả các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như: quản trị doanh nghiệp; đầu tư, hợp đồng, thuế, lao động, bảo hiểm xã hội, sở hữu trí tuệ, đất đai, môi trường... Các hoạt động này đã đem lại những tác động tích cực tới nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp về tầm quan trọng của việc hiểu biết, áp dụng pháp luật trong

hoạt động sản xuất kinh doanh; giúp cho các doanh nghiệp còn khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ pháp lý được tư vấn, giải đáp miễn phí các vướng mắc pháp luật; qua đó góp phần quan trọng trong việc phòng ngừa rủi ro pháp lý trong kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Công tác triển khai đã nhận được sự hưởng ứng, tham gia tích cực của các tổ chức đại diện doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, các đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư. Nhiều tổ chức hành nghề luật sư mong muốn cộng tác chuyên gia sâu và thường xuyên qua các năm. Hầu hết các chuyên gia là các cộng tác viên tư vấn của mạng lưới là những người rất sát với thực tế công tác hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, đã tham gia trong tổ xây dựng các chính sách pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đã tham gia hoặc đang công tác kiêm nhiệm làm chuyên gia cho một số hiệp hội về công tác pháp chế.

Với những hình thức và nội dung hỗ trợ đa dạng của Chương trình đã góp phần định hướng, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, giúp doanh nghiệp hoạt động và phát triển dựa trên một nền tảng pháp lý ổn định, chắc chắn, bền vững, lâu dài. Với sự hỗ trợ từ hệ thống mạng lưới tư vấn viên, doanh nghiệp yên tâm hơn về tính pháp lý trong mỗi hoạt động của mình, hạn chế được tình trạng vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết... Có thể khẳng định rằng, với chương trình hỗ trợ pháp lý này, mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp đã được cải thiện đáng kể.

Một số khó khăn, hạn chế

Doanh nghiệp còn thiếu hiểu biết pháp luật, chưa nhận thức đầy đủ vai trò của pháp luật trong kinh doanh, chưa có biện pháp phòng ngừa các rủi ro pháp lý. Khi có vấn đề pháp lý phát sinh, tâm lý đầu tiên là tìm đến các “quan hệ thân quen” để giải quyết mà chưa có thói quen sử dụng dịch vụ pháp lý.

Kinh phí còn rất hạn hẹp khiến cho việc triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý thông qua mạng lưới tư vấn viên cho doanh nghiệp gặp khó khăn. Thủ lao cho cộng tác viên tham gia mạng lưới còn thấp nên chưa hấp dẫn được những chuyên gia giỏi để tham gia vào hoạt động, đặc biệt có những vụ việc vướng mắc của doanh nghiệp đòi hỏi phải mất nhiều thời gian, công sức nghiên cứu để trả lời doanh nghiệp thì chi phí thù lao trả cộng tác viên chưa tương xứng.

Sự tham gia của một số địa phương đối với công tác này còn hạn chế, nhiều sở tư pháp địa phương mới chỉ tập trung hoạt động bồi dưỡng, tọa đàm pháp luật doanh nghiệp, chưa quan tâm đến hoạt động thiết lập, duy trì mạng lưới tư vấn pháp luật, cách thức triển khai mạng lưới tư vấn pháp luật.

Nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên

Hình thành và phát triển mạng lưới tư vấn viên chuyên nghiệp trong lĩnh vực pháp lý

Thời gian qua, cơ chế cho hoạt động thiết lập, duy trì mạng lưới tư vấn

pháp luật cho doanh nghiệp được dựa trên căn cứ pháp lý là Quyết định 585/QĐ-TTg. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại thì các quy định pháp lý để tạo cơ sở hình thành và phát triển mạng lưới tư vấn viên nói chung và mạng lưới tư vấn viên pháp lý nói riêng đã khá đầy đủ. Vấn đề này được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể: “Các bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên). Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên”. Nội dung này tiếp tục được quy định chi tiết tại Điều 13 Nghị định 39/2018/NĐ-CP, theo đó “Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ để lựa chọn tư vấn viên phù hợp nhu cầu của doanh nghiệp”. Trên cơ sở quy định nêu trên, ngày 29/3/2019 Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT hướng dẫn việc tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên; hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn. Các văn bản nêu trên đã quy định các tiêu chí cụ thể để hình thành mạng lưới tư vấn viên, quy trình, điều kiện để doanh nghiệp được hỗ trợ tư vấn thông qua mạng lưới tư vấn.

Đối với hoạt động hỗ trợ pháp lý thông qua mạng lưới tư vấn viên còn

được quy định cụ thể tại Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP), cụ thể:

“1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ thông qua danh sách tư vấn viên pháp luật được đăng tải trên cổng thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ đó.

2. Sau khi thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với tư vấn viên pháp luật phù hợp thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng phương thức điện tử đến bộ, cơ quan ngang bộ để nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật về vụ việc, vướng mắc”.

Nghị định số 55/2019/NĐ-CP cũng quy định cụ thể điều kiện, thời gian, thủ tục, hồ sơ để được tư vấn pháp luật và mức chi phí hỗ trợ đối với từng doanh nghiệp. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, hành lang pháp lý để hình thành và phát triển mạng lưới tư vấn viên pháp luật đã tương đối đồng bộ và đầy đủ. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên thì trong thời gian tới, các bộ, ngành Trung ương cần sớm xây dựng và công bố danh sách các tư vấn thuộc bộ, ngành quản lý. Để có thể làm được điều này cần phải đưa ra các điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể rõ ràng và có cơ chế thu hút được đông đảo các tổ chức và cá nhân tham gia mạng lưới tư vấn viên, đặc biệt là những tổ chức hỗ trợ, tư vấn

pháp lý chuyên nghiệp và các tư vấn viên (luật sư, luật gia, chuyên gia pháp lý) có kinh nghiệm thực tiễn và trình độ chuyên môn sâu trong lĩnh vực tư vấn. Các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan, ban ngành ở địa phương cần sớm công bố danh sách các tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn và chủ động truyền thông rộng rãi tới cộng đồng doanh nghiệp để doanh nghiệp biết và tiếp cận sử dụng dịch vụ hỗ trợ tư vấn thông qua hệ thống mạng lưới này.

Thực tế đã chứng minh những nhân tố và điều kiện ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của bất kỳ mạng lưới nào cũng như những giá trị tích cực của mạng lưới mang lại, đều bắt nguồn từ những yếu tố cơ bản sau đây: mạng lưới có mục tiêu, quy chế rõ ràng; phải mang tính thực tế, có tác dụng tích cực cho đối tượng thụ hưởng. Mạng lưới phải ổn định về tổ chức, có sự phân công, phân quyền, chia sẻ bổn phận một cách hợp lý; có cơ chế pháp lý để hoạt động ổn định. Nguồn lực hoạt động của mạng lưới phải đảm bảo mặc dù lợi ích vật chất không phải là động lực chính, tuy nhiên, việc tham gia mạng lưới cũng phải đảm bảo mang lại lợi ích vật chất, tinh thần cho các cộng tác viên tham gia, đảm bảo duy trì ổn định của mạng lưới. Đồng thời mạng lưới phải có cơ chế giám sát, công khai minh bạch.

Đây là những nhân tố cơ bản để hình thành, duy trì và phát triển của mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp. Thực tế mô hình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã và đang rất phát triển và hoạt động rất có hiệu quả tại các quốc

gia như Nhật Bản, Hàn Quốc thông qua việc liên kết giữa Bộ Tư pháp với đội ngũ luật sư, luật gia, các hiệp hội doanh nghiệp tại các địa phương. Cần tham khảo kinh nghiệm mô hình các nước này để tổ chức xây dựng và vận hành mạng lưới tư vấn viên nói chung và tư vấn viên pháp luật nói riêng.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong quá trình vận hành mạng lưới tư vấn

Việc triển khai hoạt động mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp là một hoạt động rất khó khăn, vì thực tế thói quen sử dụng dịch vụ tư vấn của doanh nghiệp chưa nhiều, nhất là các doanh nghiệp vùng sâu, vùng xa cơ hội tiếp cận dịch vụ pháp lý còn ít hơn nhiều so với các doanh nghiệp ở thành phố lớn. Thực tế, có nhiều vấn đề pháp lý phức tạp mang tính chất liên ngành, đòi hỏi các ngành phải cùng nhau phối hợp giải quyết, vì vậy trong quá trình vận hành mạng lưới tư vấn nói chung và tư vấn pháp lý nói riêng cần có sự tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, các hiệp hội, các tổ chức hành nghề luật sư từ trung ương xuống địa phương trong công tác hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên.

Tăng cường công tác bồi dưỡng kỹ năng và chuyên môn cho mạng lưới tư vấn viên

Hiện nay các tổ chức tư vấn pháp lý và các cộng tác viên tư vấn giới tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn, đội ngũ cộng tác viên tư vấn ở các địa phương, đặc biệt là các địa phương

có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn còn ít về số lượng và hạn chế hơn về chuyên môn, vì vậy trong thời gian tới, cần tiếp tục có cơ chế để tổ chức thường xuyên các lớp bồi dưỡng chuyên sâu, các buổi tọa đàm trao đổi kinh nghiệm giữa các cộng tác viên trong quá trình vận hành mạng lưới tư vấn, giúp các cộng tác viên nâng cao kỹ năng và kiến thức pháp lý trong quá trình hỗ trợ, tư vấn cho doanh nghiệp.

Tổ chức các buổi tư vấn, tọa đàm theo chuyên pháp lý để giữa mạng lưới tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp

Trong những năm gần đây, việc tổ chức đối thoại giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp đã được quan tâm tổ chức thường xuyên hàng năm, có những tỉnh còn quan tâm tổ chức đối thoại định kỳ hàng quý giữa các cơ quan ban ngành và doanh nghiệp. Thông qua các buổi đối thoại này, đã có không ít doanh nghiệp giải tỏa được các bức xúc, vướng mắc pháp lý trong hoạt động kinh doanh. Vì vậy, thời gian tới, sau khi danh sách mạng lưới tư vấn được công bố trên website các bộ ngành; thiết nghĩ hàng năm các cơ quan nhà nước cùng cần phải hỗ trợ tổ chức các buổi tư vấn, tọa đàm chuyên đề pháp lý giữa một bên là các tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn và một bên là doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn. Nhà nước đóng vai trò như là trung gian để kết nối hệ thống mạng lưới tư vấn viên tới cộng đồng doanh nghiệp. Thông qua buổi tư vấn, tọa đàm đối thoại trực tiếp giữa các bên, một mặt sẽ giúp doanh nghiệp được trực tiếp tư vấn, giải đáp các

vướng mắc pháp lý, mặt khác sẽ giúp ngày càng nhiều doanh nghiệp biết đến và sử dụng nhiều hơn các dịch vụ tư vấn pháp lý từ hệ thống mạng lưới tư vấn viên, qua đó sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới tư vấn viên pháp luật.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động hỗ trợ của mạng lưới tư vấn pháp luật

Trong giai đoạn hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin thông qua việc kết nối internet, xây dựng các phần mềm ứng dụng để tập huấn, trao đổi, chia sẻ giữa cộng tác viên với cộng đồng doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Điều đó sẽ làm gia tăng khả năng tác động đến cộng đồng doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu chi phí cho các hoạt động tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Vì vậy, trong việc triển khai duy trì mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp thời gian tới, cần đưa các ứng dụng công nghệ thông tin vào trong các thiết kế của chương trình hỗ trợ pháp lý.

Kết luận: Nhu cầu hỗ trợ pháp lý thì nhiều, đối tượng có nhu cầu hỗ trợ pháp lý đa dạng, mà nguồn lực Nhà nước thì có hạn. Hơn nữa, việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý mang tính truyền thống như hội thảo, tọa đàm, tập huấn về pháp luật kinh doanh đã có nhiều thay đổi thông qua việc ứng dụng các kỹ thuật truyền thông như phát thanh, truyền hình. Vì vậy, việc tổ chức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo mô hình mạng lưới tư vấn viên sẽ đem nhiều hiệu quả, tác động trực tiếp. ♦

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

 NGUYỄN VIỆT ĐỨC - Giám đốc Công ty cổ phần Đào tạo Greenline Việt Nam

Công nghệ thông tin (CNTT) đã và đang đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội trong thời đại ngày nay. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đang mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân. Nắm bắt được xu hướng của thời đại, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu nắm bắt, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0.

Đặc trưng của CNTT và cuộc CMCN 4.0 là khả năng vượt trội về thời gian, không gian. Đặc biệt, khi CNTT được ứng dụng và phát triển ở mức độ cao sẽ từng bước hình thành sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trên nền tảng CNTT với khái niệm “Quốc hội điện tử” “Chính phủ điện tử”. Một hệ thống hạ tầng thông tin quốc gia đồng bộ, hiện đại, chuẩn hóa, liên thông có các yếu tố giao lưu, hợp tác, chia sẻ dữ liệu trong quản lý điều hành sẽ được triển khai trên thực tế.

Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (HTPLDN) là một hoạt động nằm trong tổng thể các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đã và đang được triển khai trong thời gian vừa qua,

hoạt động này được thực hiện trên cơ sở Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Nghị định số 66/2008/NĐ-CP), Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05/5/2010 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014 (viết tắt là Chương trình 585) và Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 về việc kéo dài chương trình 585 đến năm 2020. Nội dung của hoạt động này tập trung vào các nhiệm vụ sau:

1) Xây dựng và khai thác các cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp, cụ thể: Các bộ, ngành, địa phương có tổ chức xây dựng, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp để đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của bộ, ngành, trừ văn bản thuộc danh mục bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật, Doanh nghiệp được tiếp cận, sử dụng miễn phí các thông tin đăng tải trên trang thông tin điện tử nêu trên.

2) Xây dựng tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: Các bộ, ngành biên soạn tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

3) Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, cụ thể: Các bộ, ngành tổ chức biên soạn tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và phối hợp với ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức đại diện của doanh nghiệp thực hiện việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp.

4) Giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, cụ thể: Doanh nghiệp có quyền yêu cầu các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải đáp pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, việc giải đáp pháp luật được thực hiện thông qua các hình thức mạng điện tử, giải đáp trực tiếp hoặc thông qua điện thoại.

5) Đối thoại tổng hợp kiến nghị của doanh nghiệp liên quan đến các quy định pháp luật để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật.

6) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, cụ thể: Bộ Tư pháp, các bộ, ngành và các địa phương chủ động xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp cấp liên ngành hoặc cấp bộ, ngành, địa phương để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Để triển khai các nhiệm vụ này, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành có liên

quan đã tăng cường ứng dụng CNTT vào hoạt động hỗ trợ, cụ thể: đưa các đề cương, kế hoạch về hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp hằng năm lên cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp để các cơ quan, tổ chức lựa chọn, đăng ký tham gia; xây dựng các chuyên đề về pháp luật kinh doanh phát trên sóng truyền hình và phát thanh ở cả cấp trung ương và địa phương, ứng dụng livestream phát sóng và tương tác trực tiếp với mọi người trên mạng xã hội về các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT vào trong công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, như: nhận thức về ứng dụng CNTT trong hoạt động hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp còn chưa đầy đủ ở cả những cơ quan, tổ chức, cá nhân làm công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp và doanh nghiệp; thiếu cơ chế để tăng cường hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật qua mạng internet; thiếu công cụ soạn bài giảng dễ sử dụng và phù hợp với trình độ giáo viên và chuyên gia; chất lượng các buổi ứng dụng livestream phát sóng và tương tác trực tiếp chưa đạt yêu cầu; chưa kết nối được mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp với Cổng thông tin quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: Xu thế tất yếu trong thời đại 4.0

Trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 tác động đến mọi mặt đời sống xã hội, Bộ Chính trị vừa ban hành Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN lần thứ 4, đối với công tác hỗ trợ pháp lý

doanh nghiệp, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Do vậy, việc ứng dụng CNTT vào trong công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp phải nằm trong tổng thể chính sách ứng dụng CNTT vào trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung. Trong phạm vi bài viết, tác giả xin đề xuất, khuyến nghị một số giải pháp ứng dụng CNTT vào trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên một số bình diện sau:

- Ứng dụng mạnh mẽ CNTT vào trong hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, với đặc trưng của CNTT là khả năng vượt thời gian và không gian, việc ứng dụng CNTT khiến việc học các khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật không nhất thiết phải đồng bộ, không cần thiết trùng khớp về thời gian giữa dạy và học, cũng không cần phải có tất cả các học viên và giảng viên tại cùng một địa điểm. CNTT giúp tiếp cận những tài liệu học tập từ xa và với những chuyên gia, nhà nghiên cứu, luật sư và các bạn bè ở khắp nơi. Vì vậy, nên tổ chức nhiều khóa tập huấn qua mạng, cần tăng cường tuyên truyền và quảng bá về hình thức đào tạo, bồi dưỡng mới và có hiệu quả cao elearning thông qua các hội thảo, triển lãm và các hội nghị khoa học, số hóa các tài liệu bồi dưỡng để các doanh nghiệp có thể chủ động tìm hiểu, nghiên cứu.

- Cần quán triệt nghiêm túc việc thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước, một số bộ, ngành và tỉnh, thành phố đã triển khai hệ thống

chứng thực điện tử chữ ký số chuyên dùng Chính phủ, không chỉ cho các văn bản điện tử, mà còn tích hợp vào các trang, cổng thông tin điện tử, hệ điều hành tác nghiệp, hệ thống thông tin chuyên ngành, các dịch vụ như dịch vụ công trực tuyến, cơ sở dữ liệu, đặc biệt như cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, bản đồ, khí tượng thủy văn, giấy phép lái xe đường bộ, y tế, tư pháp, quốc phòng, an ninh. Đây sẽ là nguồn thông tin văn bản quan trọng để các doanh nghiệp truy cập tìm hiểu về chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh...

- Kết nối, chia sẻ các thông tin về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin điện tử quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các dữ liệu về chính sách hỗ trợ, kể cả những thông tin về quy hoạch ngành hàng, vùng sản xuất giữa các bộ, ngành và địa phương phải kết nối đồng bộ và thống nhất. Hình thành các hệ thống dữ liệu thông tin về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tin cậy, ổn định. Cần đầu tư mạnh mẽ, trang bị các hệ thống thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu thông tin.

- Có cơ chế khuyến khích và ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp công nghệ tham gia trực tiếp vào quá trình ứng dụng CNTT trong hỗ trợ doanh nghiệp như đào tạo, cập nhật văn bản pháp luật, tư vấn pháp luật thông qua mạng lưới tư vấn viên, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội, cộng đồng doanh nghiệp vào hoạt động hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp. ♦

Bắc Giang đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị định số 55/2019/NĐ-CP để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

 TS PHÙNG VĂN MINH - Phó chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang

Pháp luật luôn đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động của các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro nếu không có nền tảng pháp lý vững chắc. Vì vậy, việc nắm bắt, hiểu và tuân thủ pháp luật là vấn đề mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần phải quan tâm ngay từ lúc hình thành ý tưởng kinh doanh đến khi thành lập doanh nghiệp và cả trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Ngày 24/6/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị định 55/2019). Nghị định gồm 04 Chương, 21 Điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 16/8/2019 và thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Nghị định 55/2019 đã xác định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là việc bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh thực hiện các hoạt động xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức và thói quen tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro, vướng mắc pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh

nh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; không chồng chéo, trùng lặp; được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa cơ quan nhà nước với tổ chức đại diện của doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan; ưu tiên thực hiện thông qua tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý. Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thực tế trong những năm qua, với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận chính sách, thông tin pháp lý và nâng cao nhận thức, ý

thức chấp hành, tuân thủ pháp luật, tỉnh Bắc Giang đã quan tâm chỉ đạo các ngành, các cấp và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Cụ thể:

- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật dưới nhiều hình thức đa dạng, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp, như pháp luật về đầu tư, kinh doanh, bảo hiểm xã hội, lao động, thuế...

- Thông qua việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật đã tạo sự chuyển biến sâu rộng, tác động tích cực đến doanh nghiệp nói chung và đến cán bộ công nhân viên, người lao động nói riêng trong việc nâng cao sự hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật và áp dụng pháp luật vào kinh doanh, sản xuất.

- Về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tại các sở, ban, ngành

của tỉnh đã có những hoạt động hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp, như: tổ chức hội nghị đối thoại với doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp theo luật chuyên ngành; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh thường xuyên duy trì chương trình “cà phê doanh nhân” mỗi quý một lần, để các doanh nghiệp phản ánh những khó khăn vướng mắc, trong đó có cả những vướng mắc về mặt pháp luật, để các ngành giải đáp và tháo gỡ. Đặc biệt, mới đây Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh đã thành lập “Trung tâm Tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang” để tư vấn và hỗ trợ các doanh nghiệp trong đầu tư và kinh doanh, trong đó có cả chức năng hỗ trợ về mặt pháp lý cho doanh nghiệp khi thành lập cũng như trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Một kênh quan trọng trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong những năm qua còn được các tổ chức hành nghề luật sư thực hiện thông qua nhiều hình thức như tư vấn trực tiếp qua điện thoại, qua mục “hỏi-đáp” tại các trang thông tin của các đơn vị, tổ chức giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp.

- Một số sở, ban, ngành như Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh... phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh đã tổ chức thành công một số cuộc hội thảo, tọa đàm, diễn đàn về các chuyên đề liên quan đến

pháp luật kinh doanh, thu hút sự tham gia của hàng trăm đại biểu là các chủ doanh nghiệp, cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, luật sư, luật gia và những người làm công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này... Nội dung các tọa đàm tập trung chủ yếu vào việc góp ý xây dựng, hoàn thiện các dự thảo luật mới, các chính sách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia; đồng thời nêu những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình thực thi, áp dụng các quy định pháp luật về lao động, bảo hiểm, hoạt động công đoàn, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp... Thông qua hoạt động này, các doanh nghiệp đã được kịp thời tiếp cận thông tin, cập nhật các chính sách, văn bản, các vấn đề pháp lý mang tính thời sự, kiến thức pháp luật kinh doanh và trao đổi kinh nghiệm thực tiễn với các nhà quản lý, chuyên gia, góp phần phòng tránh rủi ro pháp lý, hoạch định các chiến lược đầu tư, kinh doanh phù hợp, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện các nghị định của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua của tỉnh Bắc Giang, bước đầu đã mang lại những giá trị thiết thực cho các doanh nghiệp, qua đó đã tạo điều kiện giúp cho việc nâng cao nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp về công tác pháp chế trong doanh nghiệp; nâng cao ý thức pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực thi pháp luật kinh doanh cho người quản lý doanh nghiệp; phòng ngừa

những tranh chấp nội bộ trong doanh nghiệp có thể xảy ra và phòng tránh rủi ro pháp lý trong kinh doanh; phần nào đã làm rõ những vấn đề vướng mắc từ thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp vững vàng hơn trong hoạt động kinh doanh, góp phần tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn có những hạn chế, tồn tại như sau:

1. Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thường được tổ chức theo hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung theo Nghị định 66/2008/NĐ-CP và nội dung chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa thực sự bám sát nhu cầu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chưa có quy định chính thức về cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả giữa các tổ chức pháp chế Trung ương cũng như sở, ngành địa phương trong quá trình thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Các sở, ngành chưa chủ động nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp và hỗ trợ đúng nhu cầu của doanh nghiệp, thường thì có cái gì thì cung cấp cái nấy hoặc có cái mới thì giới thiệu. Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn mang tính hình thức, trùng lặp; kinh phí còn dàn trải, chưa tập trung, chưa có hiệu quả.

2. Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều chủ sở hữu, người quản lý doanh nghiệp còn hạn chế. Cụ thể là phần lớn doanh nghiệp không bố trí nhân sự triển khai công tác pháp chế trong doanh

ng nghiệp, hoặc có thì theo chế độ kiêm nhiệm; nhiều doanh nghiệp phát triển từ mô hình sản xuất nhỏ, thường làm việc theo thói quen, nên chưa nhận thức hết vai trò quan trọng của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh. Tình trạng doanh nghiệp không chú ý tới việc tìm hiểu và thực hiện pháp luật là khá phổ biến. Nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm đến việc cập nhật kiến thức pháp luật kinh doanh, coi nhẹ yếu tố pháp lý trong kinh doanh nên ít tham gia các chương trình bồi dưỡng kiến thức về pháp luật.

3. Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiệu quả chưa cao, một phần là do nhận thức của lãnh đạo một số sở, ngành về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác pháp chế còn hạn chế, dẫn đến việc triển khai công tác pháp chế nói chung, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói riêng chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Tổ chức pháp chế của các sở, ngành ở Bắc Giang vẫn chưa được tổ chức theo một mô hình thống nhất, do đó, chất lượng công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay chưa cao, vị trí, vai trò của tổ chức pháp chế sở, ngành trong công tác này cũng chưa được thể hiện rõ nét.

4. Đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn ít về số lượng, chưa thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật và kỹ năng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đa số cán bộ làm việc kiêm nhiệm, do đó, chất lượng công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn chưa cao, chưa kịp thời, trong khi kinh phí dành cho công tác này còn hạn chế,

thiếu tập trung, chưa được thực hiện một cách đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả của việc hỗ trợ pháp lý; cụ thể, nhiều thắc mắc của doanh nghiệp về nội dung các quy định của pháp luật và việc áp dụng pháp luật chưa được các cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải đáp kịp thời, khiến cho việc thực thi pháp luật của doanh nghiệp càng gặp nhiều khó khăn, doanh nghiệp thiếu tin tưởng.

Để triển khai và thực thi Nghị định 55/2019 của Chính phủ có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Nhà nước cần quan tâm đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thời gian tới. Xin có một số đề xuất như sau:

Thứ nhất, cần chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng rãi Nghị định 55/2019 của chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để hoạt động này sẽ không dàn trải mà có trọng tâm trọng điểm, phù hợp mục tiêu hỗ trợ; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả. Trong phạm vi địa phương, theo tinh thần của Nghị định, đề nghị Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp (Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh), tổ chức khác và cá nhân có liên quan sớm xây dựng và đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương thời gian tới.

Thứ hai, tiếp tục quan tâm hơn

nữa công tác nâng cao năng lực, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các sở, ban, ngành, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp ở địa phương để thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, như: biên soạn các tài liệu về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ báo cáo viên dạy lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho các cơ quan, tổ chức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cho cơ quan, tổ chức làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại địa phương.

Thứ ba, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin pháp lý trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và hội nhập, nhất là hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh trong nước và các cam kết quốc tế tác động trực tiếp đến doanh nghiệp. Do vậy, cần tổ chức các diễn đàn, tọa đàm để tạo cơ hội giao lưu giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước, các luật sư, luật gia, giúp doanh nghiệp nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng áp dụng và tháo gỡ các khó khăn. Tiếp tục tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về pháp luật kinh doanh, tăng cường năng lực tiếp cận thông tin chính sách pháp luật cho doanh nghiệp.

Thứ tư, cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức đại diện doanh nghiệp như hiệp hội doanh nghiệp và các đoàn luật sư, Liên đoàn Luật sư để hỗ trợ, tư vấn doanh nghiệp nhỏ và vừa, trợ giúp họ trong các tình huống cụ thể và tổ chức đào tạo, giới thiệu các văn bản

pháp luật mới. Đặc biệt là tăng cường vai trò của Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh đề tư vấn và hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa về mặt pháp lý. Tiếp tục nâng cao hiệu quả chương trình hợp tác phối hợp giữa Sở Tư pháp và Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Đoàn luật sư tỉnh với Hiệp hội Doanh nghiệp trong hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bằng các nội dung cụ thể, như: hỗ trợ tư vấn những vấn đề pháp lý cụ thể, liên quan đến doanh nghiệp khi có yêu cầu; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, trao đổi thông tin cho doanh nghiệp về những chủ trương, chính sách, quy định liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp; nêu cao vai trò giám sát của doanh nghiệp đối với tình hình thực hiện thủ tục hành chính cho doanh nghiệp; phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp đối với quy định hành chính và hành vi hành chính; xây dựng các mô hình, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thông qua đó, các kiến nghị của các doanh nghiệp được tập hợp, phối hợp và giải đáp.

Thứ năm, về phía các doanh nghiệp, cần quan tâm hơn nữa đến công tác pháp chế, củng cố kiện toàn tổ chức pháp chế, đội ngũ cán bộ pháp chế của doanh nghiệp; cần chủ động tìm hiểu pháp luật, coi trọng ý nghĩa của pháp luật ngay cả khi chưa xảy ra rủi ro, chú trọng nghiên cứu, khai thác nhiều kênh thông tin nhằm cập nhật những văn bản pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp kịp thời, nhằm hạn chế tối đa rủi ro và tăng cường năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp mình; phát huy và sử dụng có hiệu quả quyền được tư vấn pháp luật trước khi thực hiện các hoạt động kinh doanh... Có như vậy, các doanh nghiệp mới có thể phòng ngừa rủi ro, chủ động trong các hoạt động kinh doanh của mình, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay. ♦

Hỗ trợ pháp lý cho các thực thể

 PHẠM THỊ HÀ MY, Bộ Tư pháp

Thực trạng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp hiện nay

Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

Với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận chính sách, thông tin pháp lý và nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành, tuân thủ pháp luật, các bộ, sở, ngành đã biên soạn các tài liệu và chương trình để phổ biến các quy định của pháp luật. Công tác tuyên truyền, phổ biến được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn, từng nhóm đối tượng khác nhau. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, như pháp luật về đầu tư, bảo hiểm xã hội, lao động, thuế... Đặc biệt, Chương trình 585 (Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp theo Quyết định của

Thủ tướng Chính phủ) đã xây dựng, phát sóng hàng tuần chuyên đề “Kinh doanh và pháp luật” trên Đài Tiếng nói Việt Nam (kênh VOV) và Đài Truyền hình Việt Nam (kênh VTV2), trong đó chú trọng việc tuyên truyền những thay đổi của pháp luật kinh doanh hiện hành, phân tích tác động của sự thay đổi pháp luật đó đối với hoạt động của doanh nghiệp. Chương trình đã cung cấp thực tiễn pháp lý trong kinh doanh (dưới hình thức phóng sự, phân tích của chuyên gia), những vướng mắc pháp lý doanh nghiệp thường gặp, cảnh báo những rủi ro pháp lý khi doanh nghiệp không tuân thủ các quy định pháp luật, từ đó đề xuất các giải pháp tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp. Đây là Chương trình phổ biến pháp luật kinh doanh dành cho doanh nghiệp đầu tiên được phát sóng định kỳ hàng tuần trên Đài Truyền hình Việt Nam, định kỳ hàng ngày trên Đài Tiếng nói Việt Nam với phạm vi phủ sóng toàn quốc trong một khung thời

doanh nghiệp khởi nghiệp hiện nay ng và giải pháp

gian phù hợp, điều này đã có tác động tích cực, góp phần quan trọng nâng cao nhận thức và thói quen tuân thủ, áp dụng pháp luật của người quản lý doanh nghiệp. Chương trình 585 đã phối hợp với Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp xây dựng và đưa vào vận hành chuyên mục trang tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên Cổng Thông tin của Bộ Tư pháp với các nội dung chính: cơ sở dữ liệu VBQPPL về lĩnh vực kinh doanh cho doanh nghiệp; diễn đàn pháp luật kinh doanh để trao đổi về các lĩnh vực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn liên quan tới pháp luật kinh doanh; hỗ trợ pháp luật trực tuyến: sử dụng các công cụ như hotline, qua các công cụ chat trực tuyến (skype, yahoo, MSN, Gtalk, ...), xây dựng hệ thống trả lời email tự động; tích hợp với cơ sở dữ liệu hỏi đáp của Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp và các bộ, ngành khác có liên quan (các tổ chức đại diện doanh nghiệp, văn phòng luật sư, công ty luật,...).

Nội dung hoạt động của các chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp gồm: bản tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hoạt động tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp

chế doanh nghiệp, hội nghị đối thoại với doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, hoạt động tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp... Ngoài ra, nhằm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp, các địa phương cũng tiến hành rà soát, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật quy định về vấn đề này và đăng công khai trên các phương tiện đại chúng để các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận. Một số địa phương đã xây dựng và ban hành Hệ dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền liên quan đến doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp - thương mại, thông tin - truyền thông và xây dựng. Bình Phước phát hành 1.000 cuốn sách Cẩm nang hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp 2017 cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh vừa khai trương “Chương trình hỗ trợ thông tin về thuế cho doanh nghiệp khởi nghiệp”. Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Đài Tiếng

nói nhân dân TP. Hồ Chí Minh phối hợp thực hiện chương trình phát thanh trực tiếp “Đối thoại cùng chính quyền thành phố” với chủ đề “Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp”.

Hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp

Các chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh như: pháp luật về quản trị doanh nghiệp, hợp đồng, lao động và bảo hiểm xã hội, pháp luật về thuế, kế toán, pháp luật về cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, pháp luật về kinh doanh bất động sản, đầu tư, các quy định mới của Bộ luật Dân sự 2015, Luật Doanh nghiệp 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng..., các quy định về Hiệp định Thương mại đối tác xuyên Thái Bình Dương TTP, Hiệp định tự do thương mại FTA. Ngoài ra, các địa phương còn tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp, góp phần tăng cường năng lực chuyên môn cho đội ngũ này trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, giúp doanh nghiệp có đội ngũ tư vấn pháp luật, cố vấn pháp lý có thêm những kiến thức về chuyên

môn, kỹ năng nghiệp vụ, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ được lãnh đạo doanh nghiệp giao. Bên cạnh đó, còn bồi dưỡng các kỹ năng như: phổ biến, tuyên truyền pháp luật; tư vấn pháp luật; soạn thảo, đàm phán, ký kết hợp đồng trong kinh doanh; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

Về công tác tư vấn pháp luật

Tổ chức, điều hành, quản lý hoạt động của mạng lưới tư vấn pháp luật được chia theo 03 cấp: ban quản lý chương trình; cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm đầu mối đại diện tại các địa phương; đội ngũ luật sư, luật gia, tư vấn viên pháp luật, cộng tác viên tư vấn pháp luật, cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để trực tiếp triển khai các hoạt động của mạng lưới. Thông qua các hình thức: giải đáp bằng văn bản, giải đáp thông qua mạng điện tử, giải đáp trực tiếp, điện thoại, các doanh nghiệp đã được tư vấn, cung cấp ý kiến pháp lý để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó, tạo sự chuyển biến về nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật đối với doanh nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, góp phần thúc đẩy sản xuất, ổn định xã hội, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh tại Việt Nam.

Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp còn được các sở, ban, ngành thực hiện thông qua nhiều hình thức như tư vấn trực tiếp qua điện thoại, tư vấn tại các tổ chức hành nghề công chứng và tổ chức hành nghề luật sư, qua mục hỏi

- đáp tại các trang thông tin của các đơn vị. Đặc biệt, nhiều địa phương đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, lĩnh vực quản lý có liên quan tổ chức giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, lồng ghép việc tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp khởi nghiệp thông qua chuỗi các hoạt động kỷ niệm Ngày truyền thống Luật sư Việt Nam (10/10), Ngày Pháp luật Việt Nam (09/11).

Một kênh rất quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp hiện nay là các tổ chức, liên minh, các văn phòng luật sư, công chứng. Ví dụ: Startup Now là tổ chức nửa phi lợi nhuận giúp hỗ trợ khởi nghiệp thuộc Công ty CP Ươm tạo doanh nghiệp công nghệ nông lâm - thành viên Trung tâm Ươm tạo doanh nghiệp Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh; Saigon Innovation Hub - hỗ trợ không gian làm việc miễn phí cho startups (SIHUB) hướng đến mục tiêu trở thành hình mẫu về quản lý và vận hành vườn ươm cho các vườn ươm hiện hữu, cung cấp các hỗ trợ theo chuẩn quốc tế cho cộng đồng khởi nghiệp tại Việt Nam, cũng như kết nối các thành phần trong hệ sinh thái khởi nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh; SIHUB, AN LUAT LAW FIRM & Angels 4 Us tài trợ hoàn toàn miễn phí đào tạo kiến thức pháp lý trong khởi nghiệp (trong đó có phần chuyên sâu về sở hữu trí tuệ. Sihub cũng đã ký kết thỏa thuận hợp tác MOU với Công ty cổ phần Giải pháp liên minh luật Việt Nam (FLF) để cùng hỗ trợ các startup khởi nghiệp vững vàng và dễ dàng hơn...

Tổ chức hội thảo, tọa đàm, hội nghị đối thoại về các chuyên đề pháp

luật cho doanh nghiệp khởi nghiệp

Chương trình 585 đã giao các đơn vị là các sở, ban ngành, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tổ chức thành công các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn về các chuyên đề pháp luật kinh doanh, thu hút sự tham gia của hàng nghìn lượt đại biểu (trung bình 90 đến 120 đại biểu/01 tọa đàm). Đối tượng tham gia là các chủ sở hữu doanh nghiệp, cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, luật sư, luật gia, cố vấn pháp lý tại các doanh nghiệp. Nội dung các tọa đàm tập trung chủ yếu vào việc góp ý xây dựng, hoàn thiện các dự thảo luật, các chính sách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, đồng thời nêu những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình thực thi, áp dụng các quy định pháp luật. Thông qua hoạt động này, các doanh nghiệp đã được kịp thời tiếp cận thông tin, cập nhật các chính sách, văn bản, các vấn đề pháp lý mang tính thời sự, kiến thức pháp luật kinh doanh, đồng thời được trao đổi kinh nghiệm thực tiễn với các nhà quản lý, chuyên gia, góp phần phòng tránh rủi ro pháp lý, hoạch định các chiến lược đầu tư, kinh doanh phù hợp, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mặt khác, hoạt động này cũng đã thiết lập được diễn đàn trao đổi đa chiều, tạo điều kiện để cơ quan quản lý nhà nước lắng nghe, tiếp thu ý kiến phản hồi từ phía doanh nghiệp, qua đó, có những đề xuất, kiến nghị để hoàn thiện chính sách, khắc phục những lỗ hổng trong hệ thống pháp

luật kinh doanh của Việt Nam.

Ban Quản lý Chương trình 585 phối hợp Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp tổ chức “Tọa đàm trao đổi về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong Luật Đầu tư năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 04 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư và các luật chuyên ngành”; Hội nghị đối thoại “Đánh giá, trao đổi nhu cầu và mô hình hoạt động mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn”. Bộ Tư pháp phối hợp với Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (Dự án JICA) tại Việt Nam tổ chức Tọa đàm “Đánh giá thực trạng, nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp” với mục đích rà soát, đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn và xác định nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trên phạm vi cả nước để hoàn thiện các quy định pháp luật về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và chuẩn bị cho việc triển khai chế định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.

Hạn chế, nguyên nhân và giải pháp

Hạn chế và nguyên nhân

Khái niệm “doanh nghiệp khởi nghiệp” mặc dù được sử dụng khá phổ biến trong xã hội nhưng chưa

được giải thích, quy định, hướng dẫn trong các văn bản pháp luật hiện hành dẫn đến nhận thức về khái niệm này chưa thống nhất. Hiện nay cũng chưa có văn bản nào quy định riêng về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp, mà chủ yếu triển khai theo Nghị định 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung. Do vậy, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp thường được tổ chức theo hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung và nội dung chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa thực sự bám sát nhu cầu của các doanh nghiệp khởi nghiệp. Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn rất nhiều bất cập như việc triển khai Nghị định 66/2008/NĐ-CP còn mang tính hình thức, có sự trùng lặp các hoạt động hỗ trợ pháp lý giữa các bộ với nhau, giữa các đơn vị trong cùng một bộ; kinh phí còn dàn trải, chưa tập trung. Đáng chú ý, mặc dù thuộc top 5 trong số 30 chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp nhưng hiệu quả của công tác hỗ trợ pháp lý cũng chỉ được doanh nghiệp “chăm điểm” đạt mức khá và trung bình...

Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều chủ sở hữu, người quản lý doanh nghiệp còn hạn chế. Tình trạng doanh nghiệp không chú ý tới việc tìm hiểu và thực hiện pháp luật là khá phổ biến. Nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm đến việc cập nhật kiến thức pháp luật kinh doanh, coi nhẹ yếu tố pháp lý trong kinh doanh nên không dành thời gian cho cán bộ đi tham gia các chương trình bồi dưỡng. Một lý do

lớn nhất mà các doanh nghiệp không tham gia các lớp bồi dưỡng là họ thường không lo phòng tránh rủi ro trong kinh doanh mà có quan điểm là chỉ đến khi sự việc pháp lý xảy ra sẽ thuê luật sư hoặc nhờ vả các mối quan hệ để giải quyết vụ việc. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa biết cách khai thác hiệu quả các thông tin pháp luật vì hiện tại hệ thống pháp luật của chúng ta, đặc biệt pháp luật về kinh tế, thương mại vừa nhiều, vừa chông chéo và bất cập. Mặt khác, các cơ quan quản lý nhà nước dù có sự quan tâm đến doanh nghiệp nhưng vẫn còn nhiều khó khăn trong phương thức để phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thi hành pháp luật cho doanh nghiệp; nhiều thắc mắc của doanh nghiệp về nội dung các quy định của pháp luật và việc áp dụng pháp luật chưa được các cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải đáp kịp thời, khiến cho việc thực thi pháp luật của doanh nghiệp càng gặp nhiều khó khăn hơn. Nguyên nhân chính của tình trạng này là ý thức pháp luật, văn hóa pháp lý của nhiều người quản lý doanh nghiệp còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp còn khó khăn về nguồn lực để tiếp cận với thông tin pháp lý và tư vấn pháp luật, hoạt động hỗ trợ của các hiệp hội doanh nghiệp còn nhiều bất cập, chông chéo, thiếu hiệu quả; các cơ quan quản lý nhà nước chưa thi hành tốt nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức triển khai thực hiện pháp luật cho doanh nghiệp, nhiều văn bản được ban hành cùng thời điểm nhưng không nhất quán, chông chéo cũng gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp. Chất lượng thông tin mà

doanh nghiệp có được chưa đầy đủ, kịp thời và độ tin cậy chưa cao. Đa số các trang thông tin cho doanh nghiệp cung cấp các thông tin chung chung, lạc hậu, thiếu các thông tin phục vụ thiết thực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp...

Giải pháp

Nhà nước cần quan tâm đẩy mạnh hơn các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp trong thời gian tới. Cụ thể như:

Triển khai thực hiện tốt Nghị định số 55/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để bảo đảm khung pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động và cơ chế hỗ trợ cho doanh nghiệp từ phía Nhà nước, đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo...

Nâng cao năng lực, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các sở, ban, ngành, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tại các địa phương để thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; biên soạn các bản tin, sổ tay, tài liệu về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; xây dựng tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; hỗ trợ báo cáo viên, hỗ trợ công tác tổ chức hội nghị, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho các cơ quan, tổ chức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cho cơ quan, tổ chức làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức đại

diện cho doanh nghiệp.

Nâng cao chất lượng hoạt động thông tin pháp lý cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin pháp lý trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và hội nhập, nhất là hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh trong nước và các cam kết quốc tế tác động trực tiếp đến doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành, tuân thủ pháp luật, chủ động hội nhập quốc tế của doanh nghiệp thông qua hoạt động. Tích hợp Trang thông tin điện tử chính thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do Chương trình 585 chủ trì với Cổng thông tin quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời, toàn diện thông tin pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Tăng cường hỗ trợ pháp lý trực tiếp cho doanh nghiệp trên một số hoạt động cụ thể. Các bộ cần có các hoạt động tư vấn, giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp bằng nhiều hình thức: bằng văn bản, qua mạng điện tử, điện thoại, trong đó quy định thời hạn tư vấn cụ thể, phân cấp thẩm quyền thực hiện tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa một cách cụ thể để cơ quan chức năng và doanh nghiệp dễ thực hiện. Bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh mới cho doanh nghiệp; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật cho cán bộ pháp chế các doanh nghiệp. Cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức đại diện doanh nghiệp và các đoàn luật sư, Liên đoàn Luật sư để cử ra các luật sư có nhiều kinh nghiệm tư vấn doanh

nh nghiệp khởi nghiệp, trợ giúp họ trong các tình huống cụ thể và tổ chức đào tạo, giới thiệu các văn bản pháp luật mới. Triển khai hoạt động thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, ưu tiên các địa phương có địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các hình thức tư vấn trực tiếp mang lại hiệu quả cao, thiết thực cho doanh nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ nguồn lực để xây dựng các đầu mối thực hiện mạng lưới cộng tác viên tư vấn pháp luật, bao gồm: xây dựng kế hoạch và tổ chức vận động luật gia, luật sư, tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên tư vấn pháp luật tham gia mạng lưới; tổ chức và duy trì hoạt động của mạng lưới; tập huấn bồi dưỡng cộng tác viên tham gia mạng lưới.

Về phía các doanh nghiệp: cần quan tâm hơn nữa đến công tác pháp chế; củng cố kiện toàn tổ chức pháp chế, đội ngũ cán bộ pháp chế của doanh nghiệp; cần chủ động tìm hiểu pháp luật, coi trọng ý nghĩa của pháp luật ngay cả khi chưa xảy ra rủi ro, chú trọng nghiên cứu, khai thác nhiều kênh thông tin nhằm cập nhật những văn bản pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp kịp thời, nhằm hạn chế tối đa rủi ro và tăng cường năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp mình; phát huy và sử dụng có hiệu quả quyền được tư vấn pháp luật trước khi thực hiện các hoạt động kinh doanh... Có như vậy các doanh nghiệp mới có thể phòng ngừa, chủ động trong các hoạt động kinh doanh của mình, nhất là trong điều kiện kinh tế hội nhập như hiện nay. ♦

Tăng cường vai trò của luật sư vào công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

 LS TRẦN MINH TRI - UVBTV Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Chủ nhiệm Đoàn luật sư TP. Cần Thơ

Vai trò của luật sư đối với doanh nghiệp

Lịch sử hình thành và phát triển của nghề luật sư ở Việt Nam là không dài so với lịch sử phát triển của nghề luật sư ở những quốc gia phát triển như Mỹ, Nhật và các quốc gia châu Âu. Năm 1987, khi Pháp lệnh Luật sư đầu tiên của Việt Nam ra đời thì luật sư mới được coi là một nghề trong xã hội. Tuy nhiên, chỉ từ thời điểm 2001 đến nay, đặc biệt là sau khi Luật Luật sư 2006 được ban hành, cùng với đó là việc Việt Nam hội nhập sâu rộng với thế giới thì nghề luật sư ở Việt Nam mới có môi trường phát triển thật sự. Cũng từ đó mà mối quan hệ hết sức cần thiết giữa luật sư với doanh nghiệp mới được chú trọng xây dựng.

Thực tế đã cho thấy, một nền kinh tế càng phát triển, vai trò của luật sư càng quan trọng hơn bao giờ hết. Việc sử dụng dịch vụ tư vấn luật ở các nước phát triển là chuyện thường ngày và không thể thiếu đối với một doanh nghiệp. Những bài toán kinh doanh của doanh nghiệp luôn cần những ý kiến tư vấn của luật sư để bảo đảm tính hợp pháp, hiệu quả và an toàn; bên cạnh đó, luật sư có thể tư vấn, đại diện để giải quyết khi xảy ra tranh chấp. Nếu thiếu hiểu biết pháp luật hoặc hành xử theo ý chí chủ quan, cảm tính, rất dễ dẫn đến hậu quả là doanh nghiệp vi phạm pháp luật, không chỉ gây thiệt hại lớn cho doanh nghiệp mà đôi khi không thể cứu vãn được rủi ro đối với người và tài sản.



Đoàn luật sư TP. Cần Thơ phối hợp với Bộ Tư pháp và VINSME tổ chức tọa đàm: Luật sư với doanh nghiệp trong quá trình hội nhập, năm 2016.

Do đó, mỗi doanh nghiệp cần có sự trợ giúp về mặt pháp lý thường xuyên của luật sư nội bộ hoặc các công ty luật/văn phòng luật sư để bảo đảm kinh doanh đúng pháp luật và giải quyết những vấn đề pháp lý nảy sinh được nhanh chóng, tiện lợi.

Các hãng luật có thể cung cấp những dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp như:

Tư vấn pháp luật thường xuyên cho các doanh nghiệp

Là việc ký kết hợp đồng tư vấn dài kỳ cho các doanh nghiệp có nhu cầu. Luật sư tư vấn là những người vững vàng về chuyên môn và có kinh nghiệm thực tiễn, đặc biệt là kinh nghiệm trên thương trường. Cơ chế làm việc linh hoạt của luật sư sẽ luôn bảo đảm sự thuận lợi cho doanh nghiệp.

Hỗ trợ, tư vấn khởi tạo doanh nghiệp

Khi khởi nghiệp kinh doanh, gia nhập thị trường, doanh nghiệp luôn

gặp khó khăn về pháp lý, có thể nói là “Vạn sự khởi đầu nan”. Do vậy, có luật sư hỗ trợ, tư vấn là rất cần thiết và quan trọng cho các doanh nghiệp. Hoạt động này cung cấp các dịch vụ như: tư vấn lựa chọn loại hình doanh nghiệp, tiến hành các thủ tục thành lập doanh nghiệp, cơ cấu lại doanh nghiệp; mua bán doanh nghiệp, chuyển nhượng cổ phần; sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; tư vấn về quản lý nhân sự, quản lý theo pháp luật về tài chính, thuế, sở hữu trí tuệ; hỗ trợ xác lập giao dịch về hợp đồng đầu tư, mua bán, vay vốn, thế chấp, chuyển nhượng vốn; xây dựng các quy chế hoạt động cho doanh nghiệp, soạn thảo các biểu mẫu giấy tờ giao dịch chuẩn mực...

Đại diện ngoài tố tụng

Khi doanh nghiệp không muốn hoặc không có điều kiện để đàm phán với đối tác, làm việc với cơ quan công an, tòa án, thuế, hải quan hoặc

cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, luật sư có thể đại diện cho doanh nghiệp để thực hiện các công việc này.

Tìm kiếm đối tác, nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại đầu tư

Qua quá trình tư vấn pháp luật, luật sư có được những mối quan hệ mật thiết với nhiều doanh nghiệp và có được những kinh nghiệm cũng như sự hiểu biết về thị trường, do đó, luật sư sẽ là những địa chỉ tin cậy cho các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm các đối tác kinh doanh trong các lĩnh vực.

Tư vấn pháp luật tài chính - ngân hàng

Hoạt động này giúp cho doanh nghiệp có được tình hình tài chính lành mạnh, sử dụng đồng vốn hiệu quả, hạch toán, kế toán đúng chế độ.

Luật sư sẽ giúp doanh nghiệp tránh được rủi ro bị phạt thuế, truy thu thuế - một rủi ro tiềm tàng khi thực hiện chế độ tự kê khai, tự nộp thuế.

Mặt khác, luật sư còn giúp doanh nghiệp xây dựng phương án kinh doanh, vay vốn ngân hàng hoặc huy động vốn từ các nhà tài trợ khác.

Tư vấn pháp luật về hợp đồng

Khi có sự tham gia của luật sư, những hợp đồng mà doanh nghiệp tham gia ký kết sẽ bảo đảm được tính hợp pháp cũng như phù hợp với tập quán thương mại; chặt chẽ và đầy đủ. Đồng thời sẽ giảm thiểu ở mức thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra do những quy định lỏng lẻo trong hợp đồng; những cam kết, thoả thuận bị vô hiệu do trái pháp luật...

Hỗ trợ doanh nghiệp tránh nợ xấu, thu hồi nợ tồn đọng

Các khoản nợ khó đòi là gánh nặng tài chính của doanh nghiệp.

Luật sư sẽ giúp doanh nghiệp ngay từ khâu đầu tiên như thẩm định năng lực đối tác, đàm phán đến ký kết hợp đồng, giám sát việc thực hiện hợp đồng để giảm thiểu tối đa những khoản nợ xấu. Bên cạnh đó, có nhiều khoản nợ bản thân doanh nghiệp không thể tự đòi được, vì vậy, sự tham gia của luật sư trong việc hỗ trợ doanh nghiệp thu hồi nợ tồn đọng là cần thiết. Bằng hiểu biết pháp luật và kỹ năng giao tiếp bài bản, luật sư sẽ tạo ra nhiều cơ hội thành công hơn cho việc thu hồi nợ khó đòi.

Tham gia tranh tụng và hòa giải

Trong quá trình kinh doanh, có thể tới một thời điểm nào đó, doanh nghiệp sẽ gặp các tranh chấp về hợp đồng với các đối tác hay thậm chí cần khiếu nại đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật... Trong những tình huống đó, doanh nghiệp cần hơn bao giờ hết sự tư vấn từ phía những người am hiểu pháp luật và được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm giải quyết vụ việc để tham gia việc hòa giải hay tranh tụng tại tòa án/trọng tài thương mại. Tùy từng trường hợp cụ thể mà luật sư sẽ tư vấn cho doanh nghiệp lựa chọn được phương án giải quyết tranh chấp đơn giản, ít thua thiệt và mang lại lợi ích tối đa cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, luật sư còn có thể là đầu mối giúp doanh nghiệp sử dụng những dịch vụ như: thẩm định giá, bán đấu giá, kiểm toán, các dịch vụ trong hợp tác quốc tế...

Thực trạng và khả năng đáp ứng của đội ngũ luật sư

Cùng với sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 20 năm qua, cho chúng ta thấy nhu cầu tư vấn pháp luật của các doanh nghiệp là rất lớn. Có thể lý giải một phần do doanh nghiệp đã ý thức được vai trò của luật

sư và do tính chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa trong đời sống kinh tế - xã hội được nâng cao. Với việc đội ngũ luật sư ngày càng đông, các tổ chức hành nghề luật sư xuất hiện ngày càng nhiều, sự cạnh tranh giữa các tổ chức hành nghề này đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Và hệ quả tất yếu là chất lượng phục vụ của luật sư đối với doanh nghiệp ngày càng tăng, đồng thời mức phí giảm, tạo nên sức hấp dẫn thu hút các doanh nghiệp.

Nếu như trước kia, hoạt động của luật sư còn khá thụ động, trông chờ doanh nghiệp tìm đến mới cung cấp dịch vụ thì nay luật sư ngày càng chuyên nghiệp hơn trong việc quảng bá hình ảnh, thương hiệu của mình đến các doanh nghiệp. Và không thể phủ nhận rằng các nội dung hoạt động của luật sư đã trở nên đa dạng, phong phú hơn nhiều so với trước kia.

Tuy nhiên, việc thực hiện pháp luật kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Các báo cáo khảo sát của VCCI, VINASME và các tổ chức tư vấn độc lập đã chỉ ra rằng tình trạng các doanh nghiệp nhỏ và vừa của nước ta được thành lập, đi vào hoạt động kinh doanh nhưng người đầu tư, chủ sở hữu không nắm được các quy định cơ bản về pháp luật kinh doanh còn phổ biến, chưa có thói quen tuân thủ pháp luật, chưa thực sự chú trọng đến việc áp dụng, thực hiện pháp luật để phòng, tránh rủi ro trong kinh doanh. Do đó, nhiều khi doanh nghiệp đã phải chịu nhiều tổn thất không đáng có do những rủi ro hoàn toàn có thể phòng ngừa được gây ra.

Chúng tôi được biết, qua khảo sát ngẫu nhiên 200 doanh nghiệp do VCCI tiến hành cho thấy: có 7,5% các doanh nghiệp được hỏi ở phía Bắc, 5% các doanh nghiệp được hỏi

ở phía Nam là có hay không việc ký hợp đồng tư vấn luật thường xuyên với văn phòng luật sư, theo đó luật sư tham gia soạn thảo các quy định và các mẫu hợp đồng cho công ty. Chủ doanh nghiệp của khoảng 20% các doanh nghiệp được hỏi ở phía bắc và 25% các doanh nghiệp được hỏi ở phía nam có quan tâm và tự tìm hiểu các pháp luật liên quan trong quá trình vận hành hoạt động của doanh nghiệp. Còn lại các doanh nghiệp liên hệ với luật sư khi các doanh nghiệp này cần luật sư tham gia tố tụng khi phát sinh vụ việc. Chính do điều này mà khi có xảy ra tranh chấp thương mại, đầu tư hay lao động..., các luật sư chỉ có thể tham gia sau khi “việc đã rồi”, khó cứu doanh nghiệp thoát khỏi thiệt hại nặng nề. Ngoài ra còn xuất phát từ tâm lý chủ quan, “văn hóa” của doanh nghiệp, cho rằng việc “vô phúc đáo tụng đình” sẽ hiếm khi hoặc sẽ không xảy ra đối với doanh nghiệp của mình, vì vậy đa số ít quan tâm đến việc tìm hiểu luật và thuê luật sư. Khi tình hình kinh doanh khó khăn, tình trạng nợ khó đòi gia tăng, các tranh chấp lao động và tranh chấp phát sinh trong nội bộ hội đồng quản trị doanh nghiệp, hội đồng thành viên ngày càng nhiều. Nếu không có điều kiện tìm hiểu luật, các chủ doanh nghiệp cần quan tâm hơn đến việc tìm kiếm một luật sư hoặc một công ty luật tư vấn đồng hành cùng hoạt động của doanh nghiệp. Để tránh rủi ro cho chính mình, tốt hơn hết, các doanh nghiệp không nên để xảy ra hiện tượng “sự đã rồi” hoặc “nước đến chân mới nhảy”.

Bên cạnh đó, nhìn chung trình độ của luật sư của nước ta hiện nay còn có nhiều hạn chế. Số lượng luật sư hiện nay chưa được đào tạo một cách bài bản về kỹ năng hành nghề luật sư

còn khá nhiều, kỹ năng hành nghề yếu, ứng xử với khách hàng không đúng mực trong quá trình cung cấp dịch vụ dẫn đến những định kiến, ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của nghề luật sư. Về mức độ chuyên môn hóa, hiện nay vẫn chưa hình thành được đội ngũ các luật sư chuyên sâu về những lĩnh vực khác nhau. Số lượng luật sư có đủ kinh nghiệm, kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế, đàm phán giải quyết tranh chấp quốc tế chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Theo báo cáo của cơ quan chủ quản thì hiện nay cả nước chưa đầy 200 tổ chức hành nghề luật sư chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài.

Luật sư tham gia vào công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, được hiểu là hoạt động dưới sự dẫn dắt của Nhà nước, để tăng cường năng lực pháp luật cho doanh nghiệp. Trong thời gian qua, khi triển khai Nghị định số 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, chúng tôi nhận thấy: sự tham gia của đội ngũ luật sư vào hoạt động này còn mờ nhạt, nhiều luật sư chưa hiểu về chính sách hỗ trợ của Nhà nước về pháp lý cho doanh nghiệp; chưa có cơ chế để thu hút luật sư tham gia vào công tác này, kinh phí còn hạn hẹp.

Giải pháp tăng cường vai trò của luật sư trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Với những điểm mới về nội dung hỗ trợ pháp lý và thay đổi cách thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo tinh thần Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, chúng tôi nhận thấy

vai trò của luật sư trong tham gia công tác này là rất quan trọng, bởi hơn ai hết, đội ngũ luật sư là những người am hiểu về pháp luật, có tư duy pháp lý. Vì vậy, để luật sư tham gia có hiệu quả hơn vào công tác này trong thời gian tới, chúng tôi đề nghị những nội dung sau.

i) Cơ quan nhà nước, các bộ, ngành cần tạo điều kiện thuận lợi để các luật sư có thể tham gia vào mạng lưới tư vấn viên.

ii) Bộ Tư pháp, sở tư pháp các tỉnh, thành phố nên có văn bản hướng dẫn các tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương tham gia vào công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

iii) Xúc tiến việc ký kết thỏa thuận ba bên (sở tư pháp - đoàn luật sư - hiệp hội doanh nghiệp tỉnh) để xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại địa bàn địa phương, trình UBND tỉnh ban hành.

iv) Về phía các đoàn luật sư và Liên đoàn Luật sư Việt Nam, chúng tôi sẽ kiến nghị sửa đổi Luật Luật sư trong thời gian tới, đưa nội dung “nếu luật sư thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo chương trình của Nhà nước” sẽ được miễn bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc trợ giúp pháp lý theo nghĩa vụ bắt buộc.

v) Nên hình thành Quỹ hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa để đẩy nhanh tiến trình hợp tác hỗ trợ của luật sư đối với doanh nghiệp; huy động doanh nghiệp, các nhà tài trợ cùng tham gia vào công tác hỗ trợ pháp lý.

Trong điều kiện phát triển thị trường, đa phương hóa quan hệ hợp tác kinh doanh hiện nay, chắc chắn quan hệ đồng hành luật sư với doanh nghiệp sẽ là vấn đề được hai giới quan tâm vì lợi ích và sự phát triển chung và phù hợp với thông lệ quốc tế. ♦

Doanh nghiệp nhỏ và vừa làm gì để vượt cái khó nội tại?

 LUẬT GIA PHAN VĂN TÂN - Chuyên gia pháp chế - quản trị doanh nghiệp

Chiều ngày đầu đông năm 2019, một “ông chủ”, kiêm giám đốc một công ty cổ phần có 3 cổ đông, tâm sự với tác giả bài viết này: “Bây giờ công ty càng phát triển em càng thấy cô đơn, ít gần và ít biết tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ nhân viên hơn”. Anh ngỏ ý mời tôi làm cố vấn pháp lý để nâng cấp quản trị cho công ty và làm cầu nối giúp anh nắm được tâm tư, nguyện vọng của anh em trong công ty. Tôi nhận lời, vì thấy phù hợp và có thể hỗ trợ doanh nghiệp của anh vượt cái khó nội tại - cái khó mà đa phần các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV) đều “đỉnh”.

Mấy chục năm làm công việc trợ giúp về pháp chế - quản trị cho nhiều doanh nghiệp, cả ở trong Nam và ngoài Bắc, tôi thấy rõ họ khá lúng túng, bị động về mặt này. Bởi lẽ, số đông DNNVV đều do các “ông, bà chủ” - được xã hội gọi là doanh nhân lập ra, với hình thức phổ biến là doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn hay công ty cổ phần chỉ gồm vài ba cổ đông. Họ là những người bỏ vốn của mình ra để kinh doanh. Kinh doanh là “làm cho tiền đẻ ra tiền”. Nhưng vì, “tiền ở trong nhà tiền chứa, tiền ra ngoài cửa tiền đẻ”, nên doanh nhân phải đẩy tiền vào lưu thông. Khi đó, doanh nhân kỳ vọng qua mỗi kỳ kinh doanh tiền trở về sẽ nhiều hơn - tức là sẽ có lãi. Song, trong đời thật thì nhiều trường hợp tiền quay về ít hơn lúc đưa vào lưu thông, thậm chí nó không quay về nữa!

Doanh nghiệp nhỏ và vừa phải tự mình vượt qua mọi cái khó là chính

Trên thực tế, chỉ gần 60% DNNVV làm ăn có lãi, hàng năm số



Hội nghị Đối thoại pháp luật về lao động tại Bình Định năm 2019.

DNNVV phải ngừng hoạt động hay giải thể vẫn nhiều, môi trường và điều kiện kinh doanh còn không ít cản trở. Mặc dù đã có những thay đổi tích cực, và sức nóng của công cuộc cải cách đang được lan tỏa, nhưng DNNVV Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và chặng đường cải cách môi trường kinh doanh ở Việt Nam còn rất gian nan. Nhiều loại chi phí kinh doanh tại Việt Nam vẫn còn cao và đang có xu

hướng gia tăng. Điều kiện kinh doanh còn nhiều cản trở. Thủ tục kiểm tra chuyên ngành, thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vẫn còn phức tạp, chưa được cắt giảm như mong muốn. Các DNNVV trong nước vẫn còn “lếp vế” so với các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp FDI về quy mô, cũng như phải chịu nhiều thiệt thòi trong tiếp cận đất đai, tín dụng cũng như mức lãi suất hợp lý.

Gần đây, trong một cuộc hội thảo, một vị Bộ trưởng đã nhắc nhở DNNVV cần nỗ lực: *Trong bối cảnh này, các doanh nghiệp cũng cần chủ động, tích cực hơn trong đổi mới quản lý, quản trị doanh nghiệp; tăng cường liên kết sản xuất, tham gia chuỗi giá trị trong nước, khu vực và thế giới; xây dựng thương hiệu và “chữ tín” trong kinh doanh; chăm lo đào tạo phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và quy định của pháp luật; bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động; bảo đảm về môi trường và phát triển bền vững.*

Cái khó nội tại của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Để thỏa mãn đam mê của mình, doanh nhân phải lập ra một tổ chức có tư cách pháp nhân - đó là doanh nghiệp, với vô vàn khó khăn, thiếu thốn về kinh nghiệm, nhân sự, quy trình làm việc, nguồn khách hàng chưa ổn định, sản phẩm chưa hoàn thiện... Đó là “con thuyền” doanh nhân sẽ phải “chèo lái” nó từ khi khởi nghiệp. Dù cho, khi bắt đầu khởi nghiệp, tất cả đều rất khó khăn và không chắc chắn, mọi thứ luôn rất mơ hồ.

Lúc này, doanh nhân phải đảm đương vai trò của nhà lãnh đạo, nghĩa là vừa làm việc, sản xuất, bán hàng, vừa động viên, khích lệ và truyền cảm hứng cho đội ngũ. Người lãnh đạo phải giúp họ hiểu, tin tưởng và chấp nhận “đồng cam cộng khổ” vì mục tiêu chung. Để đi được đường

dài và phát triển lớn hơn, mọi thứ phải dần được hệ thống hóa thông minh và chặt chẽ hơn để tối ưu hiệu suất công việc.

Doanh nghiệp do doanh nhân làm chủ phải có một bộ máy nhân sự ổn định, quy trình làm việc hoàn chỉnh với những biểu mẫu, các hệ thống đo lường, báo cáo, giám sát rõ ràng... Cho nên, doanh nhân phải đồng thời giữ vai trò của nhà quản lý. Bởi vậy, doanh nhân phải giữ cả hai vai: **quản lý và lãnh đạo**. Vai trò của nhà lãnh đạo là gây ảnh hưởng, xây dựng tầm nhìn, tạo ra sự thay đổi và phát triển, trong khi nhà quản lý hệ thống hóa các quy trình, giữ cho hệ thống ổn định và giúp bộ máy vận hành trơn tru.

Công việc cần quản lý, con người cần lãnh đạo - nhà lãnh đạo tập trung vào các yếu tố con người trong khi nhà quản lý cần tối ưu hóa công việc. “Ông chủ” phải biết rõ nguyên tắc này và phối kết hợp một cách hài hòa cả hai mặt, doanh nghiệp sẽ ổn định và có cơ hội phát triển bền vững, trường tồn.

Bởi lẽ, người lãnh đạo là người phải có tầm nhìn xa, hướng tới sự phát triển trong tương lai của doanh nghiệp. Trong khi đó, người quản lý quan tâm đến hiệu suất, sự ổn định của tổ chức và giải quyết các vấn đề trong hiện tại. Đây chính là điểm khác biệt cốt lõi giữa quản lý và lãnh đạo, mà doanh nhân phải gánh trên vai cả hai chức phận này. Vì, cả hai đều đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành, ổn định và phát triển doanh nghiệp.

Như thế, doanh nhân không chỉ

làm nghề kinh doanh thuần túy, như chủ hộ kinh doanh. Chủ hộ kinh doanh “đơn thương” làm mọi công việc kinh doanh cùng với người trong nhà mình và không ai gọi họ là doanh nhân. Trong khi, doanh nhân phải vừa lãnh đạo, vừa quản lý doanh nghiệp do mình lập ra với một quy mô đủ lớn, phù hợp với mục tiêu được xác định trước và đòi hỏi của thị trường, cả về vốn tài chính, đội ngũ nhân sự, sản xuất sản phẩm, thiết bị kỹ thuật,...

Hoạt động trong thị trường đầy giông gió, doanh nhân luôn phải đối mặt với hai yêu cầu có tính mâu thuẫn: **hiệu quả cao và an toàn**. Nếu *mãi mê chạy theo hiệu quả cao - lãi lớn - mà không giữ được an toàn* thì lợi nhuận bao nhiêu cũng không đủ bù đắp được tổn thất - thậm chí “mất nghiệp”, trở thành kẻ “vô gia cư”, như thường thấy ở thị trường nước Mỹ hay các nước châu Âu. Ngay tại Việt Nam, hàng ngày trên mặt báo cũng thường xuất hiện thông tin về các doanh nhân, doanh nghiệp rơi vào nợ nần chồng chất, ngừng hoạt động, phá sản.

Doanh nhân phải chịu đựng nhiều thứ mà người khác không chịu nổi, như chịu rủi ro với các khoản tiền mình bỏ vào doanh nghiệp; lo lắng về các khoản nợ, tiền lương cho công nhân; thời gian làm việc có thể kéo dài cả ngày, đêm, có khi quên cả ngày nghỉ; ít thời gian dành cho gia đình, bạn bè, nếu không biết quản trị doanh nghiệp một cách khoa học; và còn phải làm một số việc mà mình không thích, không muốn.

Làm sao để vừa lãnh đạo, vừa quản lý doanh nghiệp?

Doanh nhân là người hội đủ bốn tố chất: có đủ vốn để đầu tư, kinh doanh; có khả năng tập hợp một cộng đồng để làm tăng giá trị của họ so với giá trị riêng lẻ; có thể đưa ra quyết định đầu tư, kinh doanh ngay khi chưa hội đủ các thông tin và trong điều kiện thị trường còn chứa đựng các yếu tố bất ổn (cơ hội - mạo hiểm); có thể là chủ thể định hình văn hóa công ty. Trong đó, tố chất sẵn sàng chịu đựng rủi ro là đặc trưng riêng có của doanh nhân, đúng như câu thành ngữ “Có gan làm giàu”. Đồng thời, doanh nhân luôn đam mê và có quyết tâm cao, phải hội đủ các kiến thức và kỹ năng thiết yếu: về ngành hàng kinh doanh, quản lý kinh doanh, ra quyết định, chấp nhận rủi ro, giữ chữ tín...

Rõ ràng, doanh nhân là một nghiệp, với vô vàn đòi hỏi, thách thức và bị cuốn hút theo sự đam mê của “nghiệp doanh nhân” suốt ngày, suốt tháng, năm, và suốt cả cuộc đời - đúng như Nguyễn Du viết: “*Đã mang lấy nghiệp vào thân*”. Song, doanh nhân là con người, không phải thần thánh, nên cần tìm kiếm và sử dụng liệu pháp hóa giải phù hợp. Đó là sử dụng phương pháp pháp lý trong quản trị doanh nghiệp.

Sử dụng phương pháp pháp lý trong quản trị là giải pháp hữu hiệu giúp doanh nhân hóa giải phần lớn những đòi hỏi của “nghiệp doanh nhân”, nhờ việc biến các vấn đề quản lý có nội dung kinh tế, kỹ thuật, tổ chức, tài chính, quản trị... thành các quy chế quản lý có giá trị bắt buộc

mọi cá nhân, bộ phận trong công ty tuân thủ, tạo sự thống nhất ý chí, hành động của mọi thành viên trong quá trình hoạt động - kiểm soát của cả hệ thống.

Là người lãnh đạo, doanh nhân cần trọng dụng đội ngũ chuyên gia nghiên cứu có hệ thống và giàu kinh nghiệm thực tế về chính sách - pháp luật - quản lý - truyền thông - đối ngoại tại Việt Nam để trợ giúp công ty việc này. Họ sẽ “bắt mạch” hiện trạng mọi mặt của công ty, vận dụng hợp lý các nguyên lý của khoa học quản trị và quy định của thể chế kinh tế hiện hành để “kê đơn” - kiến tạo và vận hành bộ quy chế quản lý công ty một cách hiệu quả, cùng với việc tổ chức - quản lý hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu cao.

Đó là liệu pháp trọng yếu giúp doanh nhân “chèo lái” công ty của mình đạt những mục tiêu đã đặt ra, trong bối cảnh nhiều biến động về kinh tế - xã hội như hiện nay - bảo đảm cả hai yêu cầu: **vừa đạt hiệu quả cao, lại vừa giữ được an toàn.**

Nhờ thế, doanh nhân có thể hoàn thành trọng trách của mình mà vẫn có thời gian học hỏi để nâng cao năng lực bản thân, có thời gian dành cho gia đình, bạn bè - thậm chí có thể vắng mặt 3 tháng, 6 tháng, hay hơn nữa mà doanh nghiệp do mình làm chủ vẫn hoạt động nhịp nhàng, có hiệu quả như khi họ có mặt tại trụ sở.

Tác giả bài viết này đã hỗ trợ một số DNNVV làm được điều này qua mấy chục năm thực thi chức trách của một tư vấn viên pháp luật. Thực chất, đó là hoạt động trợ giúp để

chính DNNVV có thể tự mình thiết kế - vận hành - kiểm soát một bộ máy quản lý doanh nghiệp với sự kết hợp hài hòa cả về nhân trị và pháp trị trong việc hình thành và hoạt động của thể chế công ty của họ.

Vượt cái khó nội tại để doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt cấp quản trị khoa học

Khoa học quản trị xác định có 04 cấp quản trị hay là 04 kiểu, bao gồm: cấp thấp, cấp khoa học, cấp tiên tiến và cấp hiện đại.

Quản trị cấp thấp là kiểu truyền thống - cổ điển với các đặc trưng: giao việc theo niềm tin đặt vào từng người; sếp toàn quyền thay đổi thể thức làm việc nên thường không có nền nếp ổn định. Trong kiểu quản trị cổ điển, hai vai trò lãnh đạo và quản lý nhập vào làm một - không phân định rõ ràng - do một người duy nhất đảm nhận.

Cấp quản trị khoa học có các đặc trưng: bộ máy và công việc sắp xếp hợp lý; quy định chặt chẽ về trình tự, thủ tục, việc phải làm; chuyên môn hóa, tập trung hóa cao; ai cũng biết phải làm gì, làm như thế nào,... Trong kiểu quản trị khoa học, hai vai trò lãnh đạo và quản lý được tách rời nhau và được phân công rạch ròi để mỗi người tập trung chuyên sâu thực hiện tốt vai trò của mình. Sức mạnh của lãnh đạo nhờ tầm nhìn xa - hướng tới tương lai, mở rộng thị phần; nhờ đó mà phát huy vai trò động viên, khích lệ và truyền cảm hứng. Trong khi đó, vai trò người quản lý là hướng tới bộ máy nhân sự ổn định, quy trình làm việc hoàn chỉnh với hệ thống biểu mẫu, đo lường, báo

TT	QUỐC GIA	SỐ LAO ĐỘNG (không quá)	DOANH THU (không quá)	TỔNG TÀI SẢN (không quá)
1	Trung Quốc	2.000 người	300 triệu Nhân dân tệ/năm	400 triệu Nhân dân tệ
2	Thái Lan	200 người	200 triệu Bahts/năm	50 triệu Bahts
3	Nhật Bản	300 người	300 triệu Yên/năm	
4	Châu Âu	250 người	50 triệu Euro/năm	43 triệu Euro
5	Hoa Kỳ	250 người	35,5 triệu Đô la Mỹ/năm	

cáo, giám sát rõ ràng; quản lý tối ưu hóa công việc - giữ cho hệ thống ổn định và vận hành trơn tru.

Nhờ áp dụng phương pháp pháp lý với việc thiết kế - vận hành - kiểm soát bộ quy chế quản lý công ty mà hun đúc được tinh thần thượng tôn nguyên tắc pháp chế - tính kỷ luật trong quản lý công ty. Bộ quy chế quản lý mà chúng tôi đã hỗ trợ các DNNVV có thể bao gồm khoảng ba chục quy chế - được lập theo phương châm *tự “bắt mạch” - tự “kê đơn”* - cùng hoàn thiện. Thực tế đó đã ghi nhận kết quả đạt được tại nhiều DNNVV các tư vấn viên pháp luật của chúng tôi đã làm và đang tiếp tục làm trong giai đoạn hiện nay. Điều đó khẳng định, DNNVV có thể vượt qua cái khó nội tại nhờ sự nỗ lực của bản thân cùng với sự hỗ trợ của các chuyên gia pháp lý - quản trị doanh nghiệp.

Có thể tham khảo kinh nghiệm trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các nước khác

Kết quả nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (World Bank) cho thấy, các doanh nghiệp vừa và nhỏ

(SMEs) đóng vai trò lớn trong việc phát triển kinh tế các nước. Số lượng lao động được SMEs tuyển dụng chiếm 60% trong tổng số lao động làm việc cho các doanh nghiệp. Đặc biệt, ở các thị trường mới nổi, cứ 5 việc làm được tạo ra thì 4 việc làm được tạo ra từ khối SMEs. Khối SMEs đóng góp trung bình trên 40% GDP tại các quốc gia. Tuy vậy, so với các doanh nghiệp lớn, SMEs có nhiều khó khăn trong việc tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng. Khi khởi nghiệp, chủ sở hữu SMEs chủ yếu dựa vào nguồn vốn nội bộ và vay mượn từ bạn bè và gia đình.

Một số quốc gia chỉ đặt ra 02 tiêu chí gồm: tiêu chí về quy mô lao động và doanh thu hàng năm. Nhiều quốc gia đưa ra ba tiêu chí để xác định loại hình SMEs, tương tự Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 mới được Quốc hội Việt Nam ban hành, gồm:

- Tiêu chí về số lao động sử dụng;
- Tiêu chí về doanh thu hàng năm;
- Tiêu chí về quy mô tài sản.

Nhật Bản có khoảng 4,19 triệu

doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tổng số 4,2 triệu doanh nghiệp, chiếm đến 99,7%. Trong tổng số 42,73 triệu lao động làm việc cho các doanh nghiệp thì có đến 28,27 triệu lao động làm việc cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhật Bản, chiếm 66%. Rất nhiều các tập đoàn lớn hiện nay như Toyota, Honda, Sony... khởi nghiệp từ các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Họ có được kết quả này là nhờ biết áp dụng phương pháp pháp lý trong quản trị để vượt qua cái khó nội tại - bên cạnh sự hỗ trợ về chính sách, pháp luật của nhà nước.

Để có được kết quả như trên, Nhật Bản đã ban hành khoảng 70-80 các văn bản pháp luật và chính sách để hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển. Trong các chính sách áp dụng, chính sách hỗ trợ tín dụng và các hoạt động tư vấn, hỗ trợ đóng vai trò nổi bật.

Rất mong nhận được ý kiến trao đổi, phản biện của các nhà lãnh đạo, nhà quản lý DNNVV và các đồng nghiệp qua địa chỉ liên kết dưới đây.

Email: tantopvietnam@gmail.com

viber: 0913202846

Luật sư trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

LS **TRẦN VĂN CHƯƠNG**

Việt Nam sau những năm đổi mới, môi trường, cơ chế pháp luật ngày càng đầy đủ, hoàn thiện tạo ra cơ sở pháp lý cần thiết để doanh nghiệp phát triển, đồng thời nó đã khẳng định vai trò của giới luật sư trong hoạt động hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp. Doanh nghiệp và luật sư đến với nhau là một tất yếu khách quan trong cơ chế thị trường, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang mở cửa hội nhập quốc tế như hiện nay...

Doanh nghiệp Việt Nam

Doanh nghiệp Việt Nam đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa, với những lợi thế mạnh về vốn đầu tư, bộ máy quản lý gọn nhẹ, khả năng ứng biến linh hoạt, tiếp cận thị trường nhanh, thu hút, tạo việc làm cho người lao động... Tuy nhiên, loại hình doanh nghiệp này có nhiều hạn chế do việc tồn tại và phát triển tự phát, nhỏ lẻ, thiếu sự liên kết về kinh tế - kỹ thuật; yếu về trình độ quản lý, năng lực tài chính; đặc biệt là hạn chế về hiểu biết và ý thức tuân thủ pháp luật.

Để đáp ứng yêu cầu hội nhập, xóa bỏ các rào cản và điều kiện trong buôn bán như cam kết, giảm các hàng rào thuế quan, doanh nghiệp Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn do phải



Hội nghị Tăng cường năng lực cho tổ chức, cá nhân làm công tác hỗ trợ pháp lý cho DN tại Lạng Sơn.

đạt yêu cầu rất cao về chất lượng sản phẩm, lao động, nguyên tắc xuất xứ hàng hóa, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường... Chúng ta cần có nhiều doanh nghiệp lớn và vừa để liên kết theo chuỗi, theo mạng, kết nối nền kinh tế Việt Nam với kinh tế toàn cầu. Đặc biệt, doanh nghiệp phải

tuân thủ pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và lao động.

Pháp luật liên quan đến doanh nghiệp

Doanh nghiệp là một chủ thể có sức ảnh hưởng trong xã hội. Việc thực hiện pháp luật của doanh nghiệp

có những tác động rất lớn đến các chủ thể khác và sự phát triển của kinh tế - xã hội. Thực hiện chủ trương “Nhà nước kiến tạo, lấy doanh nghiệp là đối tượng phục vụ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh, phát triển” để xây dựng ban hành và tổ chức thực hiện những quy định của pháp luật liên quan đến doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trên thực tế áp dụng pháp luật, doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận, do tình trạng phổ biến là các quy định của pháp luật phân tán trong các văn bản. Một văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên ban hành, phải kèm theo nhiều văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của cơ quan có thẩm quyền cấp dưới, đã làm cho hệ thống pháp luật doanh nghiệp trở nên quá đồ sộ. Các cơ quan hành pháp cũng thường xuyên ban hành văn bản để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình. Ngoài ra, các địa phương cũng có nhiều văn bản liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh... Với nhiều chủ thể có thẩm quyền ban hành, tương ứng với các hình thức văn bản, dẫn đến việc chưa thống nhất, thậm chí là mâu thuẫn, chồng chéo, có cả những khoảng trống các quan hệ xã hội chưa được điều chỉnh. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có rất nhiều quy phạm pháp luật liên quan điều chỉnh, buộc doanh nghiệp phải biết và tuân theo.

Luật sư với doanh nghiệp

Người quản lý các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế về trình độ hiểu biết pháp luật; người làm tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp có kinh

nghiệm, trình độ chuyên môn chưa nhiều. Có nhiều vụ việc khi đã xảy ra, doanh nghiệp mới tìm cách giải quyết và thiệt hại lớn là không tránh khỏi. Rất nhiều trường hợp nhầm lẫn, áp dụng sai do không xác định được giá trị hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật...

Mặt khác, các quy định pháp luật rất đa dạng, luôn có sự biến động trong điều kiện các quan hệ kinh tế - xã hội ở nước ta đang tiếp tục thay đổi mạnh mẽ. Hệ thống pháp luật phát triển không ngừng, cả về số lượng và chất lượng, các doanh nghiệp không thể tự tìm hiểu được hết, mà cần phải có sự hỗ trợ, giúp đỡ từ phía Nhà nước và những người có chuyên môn, nghiệp vụ như luật sư.

Đến nay, mặc dù môi trường kinh doanh đã có những chuyển biến tích cực, nhưng doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn liên quan đến thủ tục hành chính khi giao dịch tại các cơ quan quản lý nhà nước. Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính hiệu quả còn thấp, do hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, thủ tục hành chính liên thông giữa các sở, ban ngành vẫn còn vướng mắc, do trình độ sử dụng công nghệ thông tin của các doanh nghiệp...

Nền kinh tế một quốc gia phụ thuộc vào sự phát triển của các doanh nghiệp. Sự phát triển của doanh nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó việc tuân thủ pháp luật là điều sống còn, chính vì vậy mà dịch vụ pháp lý do luật sư, tổ chức hành nghề luật sư cung cấp là yếu tố đầu vào quan trọng không thể thiếu đối với doanh nghiệp nếu doanh nghiệp

muốn tồn tại và phát triển.

Cũng như từng cá nhân, doanh nghiệp từ khi ra đời đến khi chấm dứt sự tồn tại, đều cần tới sự hỗ trợ pháp lý. Việc hỗ trợ pháp lý này được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, có rất nhiều nội dung liên quan cần được tư vấn như: quản trị, điều hành; thuế, tài chính, ngân hàng; lao động, tiền lương; phân vốn góp, phân chia lợi nhuận; bảo hiểm xã hội; sở hữu trí tuệ; đất đai; hợp đồng mua bán nguyên liệu, sản phẩm, hàng hóa, vận chuyển; giải thể; phá sản...

Ở Việt Nam phải trải qua thời kỳ bao cấp do chiến tranh, chúng ta mới có doanh nghiệp vài chục năm trở lại đây. Các doanh nghiệp chưa có thói quen sử dụng sự trợ giúp pháp luật. Đến nay, chính sách kinh tế mới của Nhà nước và quá trình cạnh tranh trong cơ chế thị trường đã tác động tích cực tới tư duy và cách suy nghĩ của các chủ doanh nghiệp về vai trò của pháp luật trong hoạt động kinh doanh.

Với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp của Nhà nước, một số doanh nghiệp vừa đã sử dụng người làm pháp chế của ngành, của bộ chủ quản hoặc của doanh nghiệp. Còn đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa do trình độ nhận thức, do không đủ khả năng tài chính nên chỉ sử dụng hỗ trợ pháp lý qua các vụ việc cụ thể khi đã xảy ra tranh chấp. Lúc này, nếu doanh nghiệp không có sự trợ giúp, tư vấn hoặc tham gia tố tụng của luật sư thì sự việc không thể giải quyết và thiệt hại cho doanh nghiệp là rất lớn.

Các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Hỗ trợ pháp lý của Nhà nước

Trên cơ sở Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 về hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp, chúng ta có “Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp (Chương trình 585)” do Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp thực hiện.

Hỗ trợ pháp lý được thực hiện đối với mọi doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, hình thức tổ chức, quy mô kinh doanh và lĩnh vực hoạt động. Với các nội dung: xây dựng và khai thác các cơ sở dữ liệu pháp luật; giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; bồi dưỡng kiến thức pháp luật; giải đáp pháp luật; tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp; bồi dưỡng kiến thức kinh doanh, nghiệp vụ pháp chế, quản trị... cho người quản lý doanh nghiệp.

Qua gần 10 năm triển khai thực hiện Chương trình 585 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã đạt nhiều kết quả. Chương trình hỗ trợ pháp lý giai đoạn từ sau năm 2020 trên cơ sở Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 55/2009/NĐ-CP về các nội dung chủ yếu:

- Cung cấp thông tin pháp luật trong nước, quốc tế; cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa,

mạng lưới tư vấn viên pháp luật.

- Tư vấn pháp luật bao gồm đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn pháp luật khác phù hợp với quy định của pháp luật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa...

Trong những năm thực hiện Chương trình 585, các luật sư đã tích cực tham gia mạng lưới ở khắp các địa phương. Luật sư tham gia có nhiều thuận lợi, họ được trang bị đầy đủ các kiến thức về pháp luật nói chung và pháp luật về doanh nghiệp nói riêng. Các luật sư đều qua đào tạo nghề, nên có kỹ năng trong tư vấn, giải quyết các vấn đề doanh nghiệp cần. Luật sư cũng là đội ngũ tiên phong, thường xuyên theo kịp với các văn bản pháp luật mới ban hành. Sự tham gia tích cực của giới luật sư đã mang lại hiệu quả cao, đáp ứng được phần lớn nhu cầu tư vấn của các doanh nghiệp trên địa bàn cả nước, kể cả vùng sâu vùng xa của Chương trình 585.

Hoạt động hỗ trợ pháp lý của luật sư và tổ chức hành nghề luật sư

Về cơ chế pháp lý, Pháp lệnh Luật sư năm 1987, 2001 và Luật Luật sư năm 2006 đều có các quy định khuyến khích luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư gắn bó với doanh nghiệp, trợ giúp pháp lý cho doanh nghiệp để doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả và đúng pháp luật. Quyết định 123/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Phát triển đội ngũ luật sư Việt Nam phục vụ hội nhập quốc tế”, Luật Luật sư 2012 một lần nữa ghi nhận,

luật sư có thể giúp đỡ doanh nghiệp một cách toàn diện, trong tất cả các khâu hoạt động, ở mọi giai đoạn, thông qua các nghiệp vụ về tư vấn, dịch vụ pháp lý, đại diện và tham gia tố tụng.

Việc trợ giúp pháp lý của luật sư đối với doanh nghiệp được thực hiện dưới hình thức tư vấn thường xuyên và tư vấn theo vụ việc. Cả hai hình thức này có thể được các bên sử dụng đồng thời hoặc tách biệt và có thể gắn với quá trình tố tụng tùy theo hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Trên thực tế, các luật sư và tổ chức hành nghề luật sư nếu xác lập quan hệ tư vấn thường xuyên cho doanh nghiệp thì năng lực hành nghề, chất lượng tư vấn sẽ cao hơn bởi họ luôn được cập nhật các thông tin của doanh nghiệp. Tư vấn theo vụ việc, luật sư chỉ xuất hiện khi doanh nghiệp gặp vụ việc cụ thể mà doanh nghiệp thấy cần có luật sư. Có thể nói, công việc hàng ngày của doanh nghiệp đều gắn với pháp luật và rất đa dạng. Luật sư sẽ cung cấp kịp thời các dịch vụ ngay từ khi thành lập doanh nghiệp; xin cấp con dấu; mã số thuế; soạn thảo điều lệ, quy chế quản lý nội bộ; soạn thảo hợp đồng, giao kết dân sự, kinh tế với các đối tác... và luật sư có thể thương lượng, hòa giải, tham gia tố tụng khi doanh nghiệp đã khẳng định vị trí trên thương trường...

Mặt khác, luật sư còn tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, lao động, hành chính, kinh tế, dân sự. Người đứng đầu pháp nhân có thể trở thành bị can, bị cáo trong vụ án hình sự nếu thực hiện các

hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Trong tố tụng hình sự, bị can, bị cáo được quyền mời luật sư bào chữa từ khi người đó bị khởi tố bị can tới khi vụ án được giải quyết ở các cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh xuất hiện nhiều mối quan hệ giữa doanh nghiệp, người đứng đầu doanh nghiệp với các cá nhân và pháp nhân khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chỉ diễn ra bình thường và phát triển khi các mối quan hệ được giải quyết tốt thông qua thương lượng, hòa giải, không phải đưa nhau ra tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Mọi tranh chấp doanh nghiệp gặp phải, cần được giải quyết đúng luật, mới bảo đảm cho tính ổn định để doanh nghiệp phát triển. Khi có luật sư thì người đứng đầu doanh nghiệp hoàn toàn yên tâm và sẽ tập trung cho công tác quản trị, hoạch định chiến lược kinh doanh, có điều kiện hơn trong việc mở rộng lĩnh vực đầu tư và phạm vi, đối tượng khách hàng.

Trong thời hội nhập doanh nghiệp còn có cơ hội làm ăn với các doanh nghiệp nước ngoài, không chỉ đòi hỏi doanh nghiệp có tiềm lực tài chính mà còn đòi hỏi rất cao việc tuân thủ pháp luật kinh doanh của các bên. Đây là sân chơi bình đẳng với tính cạnh tranh khốc liệt, đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự điều chỉnh nâng cao nội lực về mọi mặt mới đáp ứng được yêu cầu.

Một số kiến nghị, đề xuất

Việc xây dựng trang thông tin điện tử về hỗ trợ pháp lý cho doanh

nh nghiệp là rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng, cần phải có một chuyên trang riêng biệt về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Nâng cao chất lượng sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng thuận lợi, hướng dẫn các chế độ chính sách liên quan chính xác, kịp thời cho doanh nghiệp và người dân.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động dưới nhiều hình thức nhằm tuyên truyền, khuyến cáo doanh nghiệp thực thi đúng pháp luật. Hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp thông qua các kênh dẫn pháp luật thâm nhập vào doanh nghiệp. Những kênh quan trọng nhất là các tổ chức tư vấn, dịch vụ pháp lý và lực lượng pháp chế doanh nghiệp.

Nhà nước cần dành một nguồn lực đáng kể nhằm phát triển năng lực luật sư phục vụ cho hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có trách nhiệm chủ động tìm hiểu pháp luật, bố trí cán bộ phụ trách công tác pháp chế doanh nghiệp hoặc thuê luật sư tư vấn để giúp doanh nghiệp thực thi pháp luật. Tuy nhiên, đội ngũ luật sư tư vấn doanh nghiệp hiện nay còn yếu và thiếu, chưa đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu. Vì vậy, rất cần việc xây dựng và phát triển lực lượng luật sư có vai trò then chốt, làm cầu nối giữa kinh doanh và pháp luật.

Cùng với doanh nghiệp, nghề luật sư ở Việt Nam đang trên đà phát triển. Thực tế đã xuất hiện ngày càng nhiều sự gắn bó doanh nghiệp với luật sư, quan hệ này ngày càng bền

chặt và thành công. Sau hơn 30 năm đổi mới, môi trường, cơ chế pháp luật ngày càng đầy đủ, hoàn thiện tạo ra cơ sở pháp lý cần thiết để doanh nghiệp phát triển, đồng thời nó đã khẳng định vai trò của giới luật sư trong hoạt động hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp. Doanh nghiệp và luật sư đến với nhau là một tất yếu khách quan trong cơ chế thị trường, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang mở cửa hội nhập quốc tế hiện nay.

Kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về mọi mặt, góp phần tích cực vào công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc; không ngừng nâng cao đời sống về vật chất và tinh thần cho nhân dân. Thành tựu này có sự đóng góp đặc biệt quan trọng của doanh nghiệp, giới luật sư. Hiện nay chúng ta có 714.000 doanh nghiệp đang hoạt động và 5,2 triệu hộ kinh doanh. Những năm gần đây, với tinh thần chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ đã nhen lên niềm tin phấn khởi trong cộng đồng doanh nghiệp. Chưa bao giờ doanh nghiệp Việt Nam lại có cơ hội như ngày nay, chúng ta đang phấn đấu để đến năm 2020 đạt con số 1 triệu doanh nghiệp.

Mặc dù còn rất nhiều khó khăn, thử thách phía trước, song cộng đồng doanh nghiệp, giới luật sư luôn tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong nỗ lực cải cách thể chế pháp luật, hoàn thiện môi trường kinh doanh; phấn đấu tự nâng cấp mình, vươn tới những chuẩn mực theo yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, cùng đồng hành trên con đường xây dựng và phát triển đất nước. ♦

Vụ lô hàng nhôm hơn 4 tỷ USD “đội lốt” xuất xứ Việt Nam dưới góc nhìn luật sư

 THS.LS NGUYỄN AN BÌNH

Năm 2006, Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) chính thức kết thúc 11 năm tiến hành hàng loạt các cuộc đàm phán song phương, đa phương và tham vấn. Việc Việt Nam là quốc gia đang phát triển vào WTO sẽ được hưởng lợi: thuế nhập khẩu của các nước đối với hàng hóa Việt Nam giảm mạnh hoặc không đánh thuế với một số hàng hóa của Việt Nam. Đây là một lợi thế nhưng cũng chính là điểm bất lợi để các nước khác lợi dụng.

Tuy nhiên, ở một sân chơi lớn rất dễ bị giăng bẫy nếu các doanh nghiệp Việt Nam không tinh táo. Cuối tháng 10/2019, việc Hải quan Vũng Tàu đang tạm giữ lô hàng nhôm rất lớn trị giá hơn 4 tỷ USD định “đội lốt” xuất xứ Việt Nam để xuất khẩu sang Mỹ và một số nước khác là một ví dụ. Đây được coi là vụ bắt giữ hàng hóa có nguy cơ gian lận xuất xứ lớn nhất từ trước đến nay.

Việc gian lận này nhằm mục đích hưởng chênh lệch thuế suất. Cụ thể: nếu nhôm của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ chỉ phải chịu thuế khoảng 15%, nhưng nhôm của Trung Quốc xuất khẩu vào Mỹ phải chịu thuế lên đến 374%.

Hậu quả

Gian lận xuất xứ hàng hóa đang là mối lo ngại lớn đối với doanh

nh nghiệp Việt nói chung và các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa nói riêng. Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã khiến Mỹ có thể chuyển nhập hàng từ Trung Quốc sang một nước khác có các điều kiện tương tự. Việt Nam hưởng lợi từ điều này. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp nước ngoài đang lợi dụng Việt Nam để trốn tránh xuất xứ và mong được hưởng lợi về thuế, điều này vô tình làm các đối tác nghi ngờ và thực hiện các biện pháp phòng vệ đối với hàng nhập khẩu từ Việt Nam, từ đó ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động xuất khẩu. Đồng thời, dẫn đến nguy cơ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam bị các nước điều tra, áp thuế chống bán phá giá, thuế tự vệ, thuế trợ cấp ở mức rất cao, gây thiệt hại cho các nhà sản xuất Việt Nam.

Hàng hóa của Việt Nam có nguy cơ sẽ mất uy tín trên thị trường quốc tế hoặc bị hạn chế xuất khẩu vào các thị trường này nếu bị nước nhập khẩu phát hiện và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại. Có thể nói, điều này không chỉ khiến doanh nghiệp Việt thua thiệt trên trường quốc tế, mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức cạnh tranh của ngành hàng trong nước.

Đâu là lỗ hổng?

Đây là hành vi gian lận thương mại mà Việt Nam hoàn toàn có thể bị

áp thuế bán phá giá và phải chịu những trừng phạt thương mại và khiến những doanh nghiệp Việt chân chính chịu ảnh hưởng nghiêm trọng. Những lỗ hổng xuất phát từ việc quản lý, chính sách lỏng lẻo cộng với sự chủ động vi phạm luật pháp, lách luật của các đối thủ ngày càng tinh vi hơn đã khiến Việt Nam dễ bị tổn thương trong các cuộc đấu trí về thương mại giữa các nước lớn.

Pháp luật Việt Nam hiện đang thiếu hàng rào tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ đối với hàng hóa từ các nước vào Việt Nam chưa có quy định cụ thể. Các quy định hiện hành vẫn chỉ đang trong giai đoạn hoàn thiện để phù hợp với thực tế sản xuất và kinh doanh. Ví dụ như Nghị định số 31/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa không quy định cụ thể về quy tắc xuất xứ và tiêu chí xuất xứ thế nào là hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, mà việc ghi xuất xứ hàng hóa như cụm từ “sản xuất tại” hoặc “ché tạo tại”, “nước sản xuất”, “xuất xứ” hoặc “sản xuất bởi” được giao cho tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu tự xác định. Lợi dụng kẽ hở này, không ít doanh nghiệp nhập khẩu linh kiện, cụm linh kiện, cụm chi tiết về Việt Nam chỉ cần lắp ráp đơn giản thành sản phẩm hoàn chỉnh bằng công nghệ “tuốc-nơ-vít” và gắn nhãn “xuất xứ Việt Nam”, gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng và gian lận khi xuất khẩu. ♦

Còn bất hợp lý khi áp dụng Điều 260 Bộ luật Hình sự

 THS. LS LÊ VĂN SƯA

So sánh quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (BLHS 1999) với quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS 2015), có thể thấy nhiều điểm khác biệt cần lưu ý.

Một là, thay đổi tên điều luật từ “*Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” Điều 202 BLHS 1999 thành “*Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” Điều 260 BLHS 2015. Việc thay đổi tên điều luật dẫn đến có sự thay đổi về chủ thể thực hiện tội phạm từ người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ sang người tham gia giao thông đường bộ.

Cần phân biệt khái niệm người tham gia giao thông đường bộ (GTĐB) và người điều khiển phương tiện GTĐB. Theo quy định tại các khoản 22, 23 Điều 3 Luật Giao thông đường bộ năm 2008: “*Người tham gia giao thông gồm người điều khiển, người sử dụng phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ*”; “*Người điều khiển phương tiện gồm người điều khiển xe cơ giới, xe thô sơ, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ*”.

Như vậy, luật mới đã có sự thay



Hình ảnh mang tính chất minh họa. Nguồn: internet.

đổi rõ rệt khi quy định rộng hơn về chủ thể của hành vi gồm tất cả những người tham gia giao thông, kể cả những người khi tham gia giao thông là người đi bộ.

Hai là, cụ thể hóa dấu hiệu hậu quả của hành vi phạm tội tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của điều luật và bổ sung vào khoản 2 điều luật, “*định lượng*” cụ thể của hậu quả làm chết người; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người hoặc nhiều người với tỷ lệ % tổn thương cơ thể cụ thể; gây thiệt hại về tài sản có giá trị cụ thể tại từng khoản. Nhà làm luật đã kế thừa chọn lọc những nội dung quy định có liên quan của Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-

BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013 của Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIX của BLHS về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông (Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT) để quy định chi tiết các khoản của điều luật này.

Ba là, thay đổi khung hình phạt tiền là hình phạt chính tại khoản 1 “*từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng*” thành “*từ 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng*” và thay đổi mức phạt tù tối thiểu tại khoản 1 là từ “*01 năm*” lên “*05 năm*” so với Điều 202 BLHS 1999. Đồng thời, quy định phạt tiền

(từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng) là hình phạt chính đối với hành vi “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời” tại khoản 4.

Bên cạnh những điểm mới có tính cụ thể, chi tiết hơn, dễ áp dụng hơn trong thực tiễn, qua nghiên cứu chúng tôi thấy rằng, còn nhiều trường hợp mà thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử bị “vướng” khi áp dụng Điều 260 BLHS 2015.

Thứ nhất, hậu quả là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành định khung của tội phạm này trong trường hợp cụ thể, nhưng thực tiễn cho thấy có bất cập về quy định, áp dụng pháp luật với trường hợp một người thực hiện hành vi phạm tội này gây ra hậu quả lớn hơn so với hậu quả do hành vi của người khác cũng phạm tội này gây ra, nhưng trách nhiệm hình sự của người đã gây ra hậu quả lớn hơn đó lại nhẹ hơn trách nhiệm hình sự của người cũng vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ mà hậu quả họ gây ra lại nhỏ hơn. Cụ thể:

Trường hợp thứ nhất: Nguyễn Văn D điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 62A-219.49 đi sai phần đường nên đâm trực diện vào xe mô tô biển kiểm soát 63F1-03491, do chị Trần Thị Nh điều khiển, phía sau có chở chị Lâm Thị Mỹ H. Hậu quả vụ tai nạn này làm chị Nh bị thương tật với tỷ lệ 71% sức khỏe; chị H là 69%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của 02 người này là 140%. Do vậy, D bị truy tố và xét xử theo quy định

tại điểm e khoản 2 Điều 260 BLHS 2015, bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm (trường hợp gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%).

Trường hợp thứ hai: Quách L điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 64H-1415 chở cát sỏi phục vụ Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 50. Do L không làm chủ tốc độ, xử lý kém khi phát hiện có chướng ngại vật trên đường nên xe ô tô do L lái đâm vào xe mô tô biển kiểm soát 64B1-766.67 chạy ngược chiều do anh Trần Hiếu M điều khiển chở vợ là chị Phạm Thị Minh H ngồi phía sau. Hậu quả vụ tai nạn làm chị H bị chấn thương sọ não nặng, vỡ xương chày và tử vong sau đó; anh M bị tổn thương sức khỏe, tỷ lệ thương tật qua giám định là 86%.

Quách L bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 260 BLHS 2015. Điểm a, b khoản 1 Điều luật này quy định: “Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Làm chết người;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương có thể 61% trở lên”.

Qua hai trường hợp cụ thể trên cho thấy, hậu quả xảy ra ở trường

hợp thứ nhất rõ ràng là nhẹ hơn (tỷ lệ thương tật chung của 02 người là 140%), nhưng bị truy tố và xét xử theo khoản 2 của điều luật, với mức hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm. Trong khi đó, với trường hợp thứ hai, hậu quả xảy ra là nặng hơn so với trường hợp thứ nhất (01 người chết; 01 người bị thương tật vĩnh viễn 86%), nhưng chỉ bị truy tố và xét xử theo khoản 1 của điều luật, có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Tương tự như vậy, nếu so sánh về mặt hậu quả do hành vi phạm tội này gây ra, còn có thể phát hiện thêm bất cập khác tại điểm đ khoản 2 với điểm b khoản 3 của Điều luật này. Cụ thể:

Trường hợp thứ ba: Dư Thị Ngọc D điều khiển xe ô tô từ cơ quan về nhà, khi cách giao lộ đường Hùng Vương - Nguyễn Tri Phương của thành phố X (tại đây có lắp tín hiệu giao thông đèn xanh đèn đỏ), do đạp nhầm chân ga nên xe ô tô của D phóng nhanh về phía trước, đâm thẳng vào 02 xe mô tô đang dừng rồi lao vào gốc cây cổ thụ ven đường cách đó chừng 15m, sau đó mới dừng lại hẳn. Cơ quan chức năng tiến hành đo nồng độ cồn có trong khí thở của chị D, kết quả là 75 miligam/1 lít khí thở. Hậu quả vụ tai nạn này làm anh Trần Văn Th bị tổn hại sức khỏe 62%; anh Vũ Huy Đ bị tổn hại sức khỏe 89% và ông Lâm Vĩnh Kh bị tổn hại sức khỏe 97%. Tổng tỷ lệ thương tật của 03 người bị hại trong vụ tai nạn này là 248%.

Ngày 12/12/2018, Dư Thị Ngọc D bị Tòa án nhân dân thành phố X phạt 08 năm 06 tháng tù về tội vi phạm quy định về tham gia giao

thông đường bộ theo điểm b khoản 3 Điều 260 BLHS 2015.

Trường hợp thứ tư: Nguyễn Văn Poli điều khiển xe ô tô đi vào đường ngược chiều xảy ra va chạm với 02 xe mô tô đang lưu thông đúng với phần đường quy định. Hậu quả vụ tai nạn này làm em Văn Thị T và Trần Thị Th (học sinh Trường PTTH Hoàng Lam) bị tử vong trên đường đưa đi cấp cứu; ông Nguyễn Văn R bị tổn hại sức khỏe qua kết luận giám định là 91%.

Ngày 06/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố M tuyên phạt Nguyễn Văn Poli 07 năm 06 tháng tù về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm đ khoản 2 Điều 260 BLHS 2015.

Rõ ràng, hậu quả của trường hợp thứ tư là nghiêm trọng hơn (02 người chết, 01 người bị thương tỷ lệ thương tật 91%) so với hậu quả xảy ra ít nghiêm trọng hơn của trường hợp thứ ba (03 người bị thương, tổng tỷ lệ thương tật 248%), nhưng khung hình phạt áp dụng cho trường hợp thứ ba là nặng hơn (hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm) so với khung hình phạt quy định cho trường hợp thứ tư (hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm), do đó, mức hình phạt tòa án áp dụng cho trường hợp thứ ba (nếu như không có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự) thì cũng nặng hơn so với trường hợp thứ tư. Đây là một bất cập cần được các nhà làm luật nghiên cứu khắc phục.

Thứ hai, nội dung tại Điều 260 BLHS hiện hành đang thiếu quy định chuyển từ khung hình phạt này sang khung hình phạt khác trong cùng điều luật áp dụng.

Phần lớn mọi người đều biết, nếu hậu quả vụ tai nạn giao thông đường bộ mà người điều khiển xe mô tô gây ra làm chết 01 người mà trong tình trạng say rượu bia (nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt mức quy định), lỗi hoàn toàn thuộc về người điều khiển phương tiện, thì có thể bị xét xử về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, theo khoản 2 Điều 260 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mức hình phạt tù mà người gây ra tai nạn phải đối mặt từ 03 năm đến 10 năm. Đây là điều khẳng định.

Tuy nhiên, khi được hỏi dựa trên căn cứ pháp lý nào để khẳng định như vậy, thì thực tế hiện nay vẫn có không ít người không thể chỉ ra được quy phạm nào điều chỉnh vấn đề này, hay nói cách khác, nội dung quy phạm tại Điều 260 BLHS hiện hành đang thiếu tính minh bạch với trường hợp chuyển khung (từ khung 1 sang khung 2, từ khung 2 sang khung 3). Trường hợp vừa nêu trên thực chất là việc các cơ quan tiến hành tố tụng có quyền chuyển khung (chuyển từ khoản 1 sang khoản 2) của điều luật đang áp dụng, dù hậu quả xảy ra chỉ ở khoản 1 (làm chết 01 người) nhưng do có tình tiết định khung phạm tội “*trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định*” tại điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS, do vậy, việc điều tra, truy tố, xét xử trường hợp trên là hoàn toàn chính xác.

Tương tự như vậy, các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại các điểm a, b, c, d của khoản 2 Điều 260 BLHS: *không có giấy*

phép lái xe theo quy định; trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác; bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn; không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển hoặc hướng dẫn giao thông, chưa được quy định là tình tiết tăng nặng định khung tại khoản 3 của điều luật này. Thực tế này đã gây ra nhiều lúng túng và không bảo đảm sự công bằng của pháp luật khi áp dụng nhằm đấu tranh phòng ngừa, xử lý nghiêm minh loại tội phạm này. Chẳng hạn, A điều khiển xe mô tô tham gia giao thông gây tai nạn cho phương tiện khác trong tình trạng có sử dụng rượu mà nồng độ cồn đo được 85 miligam/100 mililit máu, hậu quả làm chết 01 người, lỗi hoàn toàn thuộc về A. Trong trường hợp này, mặc dù hậu quả xảy ra thuộc điểm a khoản 1, nhưng do khi A thực hiện hành vi phạm tội trong tình trạng nồng độ cồn có trong máu vượt mức quy định nên A bị điều tra, truy tố, xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS, có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

Nhưng với trường hợp trên, nếu hậu quả xảy ra làm chết 02 người thì A cũng chỉ bị truy tố, xét xử theo điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 260 BLHS mà thôi.

Đây rõ ràng là một sự bất tương xứng, dù biết rằng khung hình phạt tại khoản 2 Điều 260 BLHS 2015 thấp nhất là 03 năm tù và cao nhất là 10 năm tù, với khoảng cách giữa mức

thấp nhất và cao nhất của khung hình phạt đã được ấn định, hội đồng xét xử tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra từng trường hợp cụ thể để quyết định mức hình phạt tương xứng. Nhưng qua nghiên cứu từ thực tiễn xét xử loại tội phạm này từ khi BLHS 2015 có hiệu lực thi hành đến nay cho thấy, do nhà làm luật chưa quy định các tình tiết từ điểm a đến điểm d khoản 2 là tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 3 của điều luật này, nên hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng ngừa, răn đe tình trạng vi phạm pháp luật hình sự đối với loại tội phạm này mặt nào đó còn rất hạn chế, nhất là trong tình hình hiện nay, tình trạng lái xe say rượu bia, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích thần kinh mạnh khác mà gây tai nạn giao thông với hậu quả làm chết từ 03 người trở lên; làm bị thương cũng từ 03 người trở lên đang gây bức xúc trong dư luận, điển hình như:

+ Vụ xe tải đâm vào đoàn người viếng nghĩa trang ở Hải Dương, xảy ra ngày 21/01/2019, tài xế Lương Văn Tâm điều khiển xe ô tô tải đã đâm vào đoàn cán bộ xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương trên đường đi viếng nghĩa trang liệt sĩ về. Hậu quả làm 09 người tử vong và 08 người khác bị thương. Kết quả xét nghiệm, tài xế Lương Văn Tâm dương tính với ma túy.

+ Vụ xe container đâm 20 xe máy khi dừng đèn đỏ xảy ra ngày 02/01/2019 tại ngã tư Bình Nhứt, huyện Bến Lức, tỉnh Long An do lái xe Phạm Thành Hiếu điều khiển. Hậu quả vụ tai nạn làm 04 người tử vong,

18 người khác bị thương, hư hỏng hơn 20 xe máy. Kết quả xét nghiệm Phạm Thành Hiếu dương tính với ma túy.

+ Khoảng 13h ngày 11/4/2019, tài xế Nguyễn Đức Huyện điều khiển xe ô tô biển số kiểm soát 49X-6666 trong tình trạng nồng độ cồn đo được vượt quá mức quy định đã lao vào đám tang, hậu quả làm 04 người chết, 07 người khác bị thương.

Ngoài ra, chúng tôi còn thấy rằng, theo quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS 2015 (các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng), nếu người lái xe ô tô đang trong tình trạng có sử dụng chất ma túy, không chấp hành hiệu lệnh của lực lượng cảnh sát tuần tra giao thông, sử dụng giấy phép lái xe không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp mà gây hậu quả là chết 03 người, gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người khác, tổng tỷ lệ thương tật qua giám định của những người này là 211% thì người vi phạm cũng chỉ bị điều tra, truy tố, xét xử theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 260 BLHS, mà không thể coi các tình tiết có sử dụng chất ma túy, không chấp hành hiệu lệnh của lực lượng cảnh sát tuần tra giao thông, sử dụng giấy phép lái xe giả là tình tiết tăng nặng khi lượng hình, do các tình tiết này nhà làm luật đã quy định là tình tiết định khung hình phạt tại khoản 2 Điều 260 BLHS. Tất nhiên, phần nhận định của bản án, hội đồng xét xử có thể đề cập đến nguyên nhân trực tiếp gây ra vụ tai nạn thảm khốc, làm cơ sở đi đến quyết định loại hình phạt, mức

hình phạt cụ thể áp dụng, nhưng về mặt cơ sở pháp lý trong trường hợp này rõ ràng thiếu quy phạm làm cơ sở dẫn chiếu cụ thể để áp dụng các tình tiết nói trên khi lượng hình.

Nghiên cứu quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015, có thể thấy đây là quy định về bản chất là chuyển khung hình phạt áp dụng khi thuộc trường hợp vừa thỏa mãn cấu thành cơ bản của tội phạm này, vừa xuất hiện thêm một trong những tình tiết định khung cơ bản quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 Bộ luật này, thì phải bị truy cứu TNHS theo khoản 2 Điều 134 BLHS.

Tương tự như vậy, tại điểm đ khoản 3 và điểm d khoản 4 của Điều 134 BLHS 2015 cũng có quy định theo hướng chuyển khung hình phạt. Với cách mô tả, xây dựng quy phạm pháp luật như Điều 134 BLHS rất dễ hiểu và dễ áp dụng, bởi nhà làm luật đã xây dựng cơ sở pháp lý rõ ràng và minh bạch.

Từ đó, chúng tôi kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung BLHS 2015 theo hướng quy định các tình tiết từ điểm a đến điểm d khoản 2 với một trong các tình tiết định khung quy định tại khoản 3 thành khoản mới. Theo đó, khoản mới của Điều 260 BLHS (sau khi được sửa đổi, bổ sung) như sau: “*Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm c khoản 3 Điều này mà còn có thêm một trong những tình tiết quy định từ điểm a đến điểm d khoản 2, thì bị phạt tù từ ... năm đến ... năm*”. ♦

Người rộng lượng...

 **LS PHAN TRUNG HOÀI**

Rất cuộc thì tôi cũng không biết có phải là người rộng lượng hay không, do điều kiện nghề nghiệp phải chứng kiến nhiều số phận, hoàn cảnh mà có lẽ trong suy nghĩ của mình khó có thể hình dung được vì sao đời người có thể cơ cực đến thế. Bởi ai đó đã nói, những người thông minh sẽ lựa chọn đi đường thẳng thay vì đường vòng vì đó là con đường ngắn nhất. Còn những người rộng lượng sẽ lựa chọn đường vòng thay vì đường thẳng vì ở đó có nhiều điều níu kéo người đi...

Mười tháng đã trôi qua, những chuyến bay giữa hai đầu đất nước thưa dần với sự chậm rãi của tiến trình điều tra. Cả mấy tháng mới được gặp thân chủ của mình một lần,

chợt thấy giọt nước ứa ra ở khóe mắt của ông - một CEO ngành ngân hàng. Ở trên diễn đàn đầu đó, người ta đang bàn thảo, tranh cãi về những ý niệm đã thuộc về giá trị văn minh pháp lý nhân loại, về giấc mơ “quyền im lặng” của người bị bắt khi chờ đợi luật sư đến. Nói chi đến nhận thức ở tầm mức cao hơn khi coi quyền bào chữa là thành trì cần thiết thực hiện các quyền và tự do căn bản của con người, nếu không có sự trợ giúp của luật sư trong tiến trình tố tụng thì không gọi là có công lý. Vậy mà nơi đây, khi gặp lại trong trại tạm giam ở một địa phương xa Hà Nội, ông buột miệng nói với tôi như một tiếng thờ dài: “Không biết lần sau Luật sư vào trại có còn gặp tôi không...?”. Câu

nói như nghẹn lại nửa chừng, với một ánh nhìn thẳng thốt mông lung, hai bàn tay vịn chặt chiếc bàn hỏi cung cũ kỹ.

Cổ họng tôi còn đắng hơn, khi ông bảo biết tôi là người có nhiều trải nghiệm trong đời sống tố tụng, nên ông rất tin cậy vào kỹ năng và bản lĩnh của Luật sư, nhưng kéo dài thời hạn giam giữ như thế này thì chắc ông không chịu nổi. Đời người, suy cho cùng cũng chỉ một mệnh số, ngắn hay dài còn tùy thuộc vào nhiều thứ, nhưng có một thứ không thể đánh đổi, không thể thương lượng, đó chính là thông điệp từ cái tên do cha mẹ đặt cho. Chất chứa bên trong cái tên là cả niềm hy vọng, khi gọi vang lên những từ đa nghĩa, đôi khi

dường như phản chiếu luôn tính cách, vì tên như người vậy đó. Cái tên như một con đường, như thế giới thực tại không tồn tại sẵn, phần lớn do người ta đi nhiều mà thành. Vậy mà có những khi mình như đang đi trên một con đường lạ, rồi bất chợt phải đứng một mình. Như lúc này đây, cuộc đời ông đang nằm trong tay định đoạt của người khác, còn tôi như một người đứng bên kia đường, nhìn quanh quẩn, chỉ thấy mạng nhện vương trên góc tường và vệt nắng khô nóng đứng im cô đơn vô cùng.

Cái sự bao quát bên ngoài một cách chậm rãi, từ sáng đến chiều, ánh mắt mang hình dấu hỏi, như bước trên con đường không có biển báo khoảng cách và chỉ dẫn địa giới, có khi lạc đường mà không biết. Hóa ra, người ta thường nói, cuộc đời chỉ có những ai sống thuyết phục hơn thì số đông sẽ nghiêng về, nhưng nhiều khi người ta vì sợ cô độc mà chọn đứng về phía số đông chứ không hoàn toàn vì họ thích. Bạn tôi bảo, con người suy cho cùng vẫn chỉ là những kẻ yếu đuối, cứ tự nhìn cái bóng của mình phản chiếu qua ánh mắt người khác,

rồi tự hỏi mình có làm mất lòng ai không, có sợ làm ai buồn không, vì thế mà tâm chẳng lúc nào được yên. Ngay cả khi ở trong hoàn cảnh bi đát nhất như lúc này, bao nhiêu sự đua tranh thiệt hơn, tư tưởng chiếm hữu xâm lấn tự nhiên tưởng như trôi tuột đi mất, nhưng đêm về, đối diện với chính mình trong bóng đêm, ông cảm nhận chỉ còn lại khoảng trống - một sự trống rỗng nguyên thủy, xa cách kinh khủng, ngay cả khi mừng tượng ngồi đối diện với nhau.

Dù có tinh nhanh, cứng cỏi đến đâu, như gen di truyền không thể trộn lẫn, ông cứ như một đứa trẻ đang dò tìm âm thanh qua một sợi dây nối hai đầu ống bơ như ông tai nghe thời thơ ấu, để đối thoại trong tâm tưởng với những người thân yêu, ruột thịt. Tôi ngồi dự buổi hỏi cung mà tâm trí chỉ vẫn vương, hình dung về những điều ông nghĩ, cố gắng cảm nhận cách ông tự cật vấn mình. Cả một vòng xoáy cuốn phăng đi mọi thứ tưởng chừng là danh gia vọng tộc, để lại một hội chợ phù hoa của những điều tiếng. Người bên trong khổ một, người bên ngoài khổ mười, đến mức ông nghĩ

chỉ cái chết sẽ hóa giải tất cả. Vậy mà chết đâu có dễ, mới ngã bệnh là người ta cho bác sĩ đo huyết áp ngay, tháng đôi lần cho đi kiểm tra trên bệnh viện tinh. Không thể tự nhiên mà chết, mọi sự ắt phải có nguyên do. Mà chết cũng chỉ là sự chuyển đổi sang một thế giới khác, cũng lại chia thành địa ngục và thiên đàng, lắm thứ ràng buộc, khó đòi hỏi sự phân định công bằng lắm...

Thành ra, tôi cứ tưởng đi đường vòng như thế trên con đường trong tâm thức thì mình là người rộng lượng, để có điều kiện bao quát, bằng cách đôi khi tự tách mình ra khỏi cửa sổ tâm hồn mình, nương theo tiếng huýt sáo của một chàng trai trẻ đang thụ án, chăm sóc mấy lồng chim sáo trước phòng hỏi cung. Rồi cố gắng quay lại động viên ông vượt qua nghịch cảnh, để nói với ông rằng số phận không phải là sự an bài mà chính là sự lựa chọn, đường đi không phải ở dưới chân mà chính là từ trong tâm. Khi tâm không phiền não thì không ai có thể làm ông phiền não được.

Cứ vậy đi, người rộng lượng a...♦



ĐỔ XE GÂY TAI NẠN CHẾT NGƯỜI

Căn cứ xác định yếu tố lỗi và xem xét trách nhiệm của chủ phương tiện



LS HOÀNG DOANH TRUNG

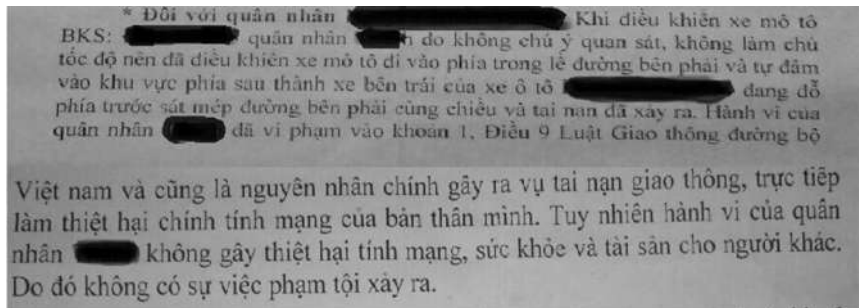
Nội dung sự việc

Anh T là quân nhân chuyên nghiệp của một trung đoàn hậu cần được đơn vị cho đi làm kinh tế. Theo đó, anh làm việc theo thỏa thuận với hạng mục chính là hàn giá đỡ cho cây mới trồng ở khu vực bãi xe của một khu di tích lớn. Vào ngày làm việc cuối cùng theo hợp đồng, công việc cũng hoàn thành để ngay hôm sau đưa bãi xe vào khai thác nhân dịp lễ hội. Khoảng 18h cùng ngày, trên đường chạy xe về đơn vị, anh T tông phải một xe ô tô tải đậu ở ven đường và tử vong ngay sau đó.

Sau khi làm công tác khám nghiệm hiện trường và lập hồ sơ, cơ quan công an chuyển toàn bộ hồ sơ sang cho cơ quan điều tra hình sự tiến hành điều tra theo thẩm quyền. Cơ quan điều tra hình sự kết luận: chiếc xe ô tô đỗ đúng luật, anh T tự gây ra tai nạn cho mình, hoàn toàn do lỗi chủ quan anh T nên không truy tố hình sự và không buộc chủ xe bồi thường.

Cơ sở đánh giá hành vi và tính chất của vụ việc

Theo nội dung các văn bản trả lời của cơ quan điều tra hình sự và viện kiểm sát quân sự cùng cấp, lỗi chính và duy nhất dẫn đến vụ tai nạn là do quá trình điều khiển xe gắn máy, anh



Nội dung văn bản của cơ quan điều tra hình sự.

T không quan sát, không làm chủ tốc độ dẫn đến tai nạn. Tại khu vực xảy ra tai nạn, tuy đoạn đường cong, dốc nhưng không bị khuất tầm nhìn. Một biển báo cấm dừng đỗ được đặt cách đó hơn 1.000m với mức giới hạn cấm 700m nên không có căn cứ xác định chiếc xe ô tô tải đậu là nguyên nhân chính gây ra tai nạn.

Tuy nhiên, đối với hành vi này, có một số quan điểm khác biệt. Để có căn cứ phân tích và làm rõ hành vi đổ xe tải nêu trên có vi phạm đến mức phải truy tố hình sự hay không, cần phải có sự so sánh với quan điểm của hai cơ quan đã trực tiếp giải quyết vụ việc.

Trước hết, có những quan điểm xác định hành vi đổ xe gây tai nạn chết người là vi phạm Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015).

Theo bài báo: *Đổ xe gây tai nạn có bị xử lý hình sự?* đăng trên website của Viện kiểm sát nhân dân tối cao,

tác giả Trần Tân (*Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, Quảng Trị*) cũng nêu tình tiết một sự việc có tính chất tương tự như sau:

“Khoảng 0h30 ngày 16/3/2016, tại Km 08+200 Quốc lộ 9, thuộc địa phận xã H, huyện L, tỉnh T, anh Lê Anh P điều khiển xe mô tô đi theo hướng từ thành phố H đến huyện L đã tông vào phía sau bên trái đuôi xe ô tô tải do Trần Văn C điều khiển đang đỗ bên phải đường theo hướng (thành phố H đến huyện L) cùng chiều đi gây tai nạn.

Đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông được xác định là đường ngoài đô thị; mặt đường rộng 10,95m được phân chia bằng vạch kẻ đường ngăn cách đứt đoạn, phần đường bên phải rộng 5,53m, phần đường bên trái rộng 5,42m theo hướng (thành phố H đến huyện L). Vị trí đỗ của xe ô tô có tâm phía ngoài lớp trước bên phải đo vào lề đường bên phải là 0,47m; tâm phía

ngoài lớp sau bên phải đo vào lề đường bên phải là 0,42m; tâm phía ngoài lớp sau bên trái đo vào lề đường bên trái là 8,23m, đo vào vạch phân chia làn đường dành cho xe đi ngược chiều là 2,81m; tâm phía ngoài lớp trước bên trái đo vào lề đường bên trái là 7,73m, đo vào vạch phân chia làn đường dành cho xe đi ngược chiều là 2,76m; tâm phía ngoài lớp sau bên trái đo vào lề đường bên phải là 2,72m, tâm phía ngoài lớp trước bên trái đo vào lề đường bên phải là 2,77m (phần đường dành cho xe đi cùng chiều bên trái rộng 2,76m - 2,81m). Trên đoạn đường này không có biển báo cấm dừng cấm đỗ, khi đỗ xe, lái xe chỉ bật đèn báo hiệu dừng đỗ của xe ô tô. Hậu quả anh P bị tổn thương cơ thể 82%”.

Tác giả Trần Tân cho rằng: Cần xử lý Trần Văn C về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999, vì hành vi dừng, đỗ xe ô tô như đã nêu trên của Trần Văn C đã vi phạm quy định tại các điểm b, d khoản 3 Điều 18 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

Điểm b, d khoản 3 Điều 18 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định, người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ phải thực hiện quy định sau đây:

Cho xe dừng, đỗ ở nơi có lề đường rộng hoặc khu đất ở bên ngoài phần đường xe chạy; trường hợp lề đường hẹp hoặc không có lề đường thì phải cho xe dừng, đỗ sát mép

đường phía bên phải theo chiều đi của mình;

Sau khi đỗ xe, chỉ được rời khỏi xe khi đã thực hiện các biện pháp an toàn; nếu xe đỗ chiếm một phần đường xe chạy phải đặt ngay biển báo hiệu nguy hiểm ở phía trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết.

Như vậy, một trong những nguyên nhân trực tiếp gây ra hậu quả trong vụ tai nạn nêu trên là do Trần Văn C đỗ xe trái quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999 thì: “Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm”¹.

Quá trình giải quyết vụ việc, gia đình quân nhân T cũng bày tỏ sự bất bình về việc rõ ràng thời gian đơn vị cử T đi làm kinh tế kéo dài hàng tháng, nhưng khi bị tai nạn chết, phía đơn vị một mực từ chối việc này và buộc gia đình phải ký xác nhận nội dung do T được cho ra ngoài đơn vị để thăm người thân, do bất cẩn tự gây tai nạn cho mình. Đồng thời, cả hai cơ quan điều tra và kiểm sát có thẩm quyền cũng xác định khi đỗ xe tại điểm gây tai nạn, lái xe tài đã bật xinhan cảnh báo, do vậy không có căn cứ xác định lỗi của lái xe tài.

Trên cơ sở bài báo có tính chất đặt vấn đề nêu trên, tác giả Cao Văn Huynh (*Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 4, Thừa Thiên Huế*) cũng thể hiện sự đồng quan điểm với tác giả Trần Tâm. Theo đó, hành vi đỗ xe gây ra tai nạn chết người thỏa mãn yếu tố cấu thành tội được quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999. Tác giả bài báo lập luận: Trong bài viết, Trần Văn C ngoài vi phạm khoản 3 Điều 18 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 mà tác giả đã nêu thì theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự, hành vi vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ chỉ bị coi là phạm tội khi gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác. Có thể thấy thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Theo khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013 về hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIX của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông quy định: “Hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ của người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự được hiểu là hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy tắc giao thông đường bộ và hành vi này phải là nguyên nhân trực tiếp gây ra hậu quả về tính mạng...”².

¹ Dẫn theo nguồn: <https://kiemsat.vn/do-xe-gay-tai-nan-co-bi-xu-ly-hinh-su-46836.html>

² Dẫn theo nguồn: <https://kiemsat.vn/do-xe-gay-tai-nan-nghiem-trong-la-pham-toi-46837.html>

Tuy nhiên, cũng cùng vụ việc này, một tác giả khác lại nhận định hành vi của C đã thỏa mãn về tội “*cản trở giao thông đường bộ*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự 1999 (Điều 261 Bộ luật Hình sự 2015). Theo quan điểm của tác giả Nguyễn Hữu Cảnh, (Thanh tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao), hành vi của lái xe C đã cấu thành tội “*cản trở giao thông đường bộ*”, vì C đang “*đỗ xe*”, nên xe ô tô tại thời điểm xảy ra tai nạn phải xác định là chướng ngại vật đặt ở trên đường gây cản trở đến giao thông đường bộ. Mặc dù là C đã có ý thức đỗ xe ô tô sát mép đường bên phải theo chiều đi và bật đèn báo hiệu dừng đỗ của xe. Tuy nhiên, do trong điều kiện thời tiết là ban đêm mà C đỗ xe chiếm trên 1/2 phần bên phải theo chiều đi của C và anh L và chỉ thực hiện việc bật đèn báo hiệu dừng đỗ của xe mà không có tín hiệu hay biển báo nào khác nên việc làm trên của C vẫn chưa đảm bảo an toàn cho người và phương tiện giao thông đường bộ, mặt khác theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 18 Luật Giao thông đường bộ quy định:

... “3. Người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ phải thực hiện quy định sau đây:

... d) Sau khi đỗ xe, chỉ được rời khỏi xe khi đã thực hiện các biện pháp an toàn; nếu xe đỗ chiếm một phần đường xe chạy phải đặt ngay biển báo hiệu nguy hiểm ở phía trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết”.

Như vậy, C chưa thực hiện việc “*đặt ngay biển báo hiệu nguy hiểm ở*

phía trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết” đã vi phạm điểm d khoản 3 Điều 18 Luật Giao thông đường bộ. Do đó, hành vi của C phạm tội “*cản trở giao thông đường bộ*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự .

Những đối chiếu cụ thể

Những quan điểm nói trên về cơ bản là hoàn toàn khác biệt, đối lập với lập luận của cơ quan điều tra hình sự và viện kiểm sát quân sự cùng cấp đối với vụ việc xảy ra với quân nhân T. Tuy nhiên, để đưa ra một ý kiến cụ thể về vụ việc này, cần phân tích kỹ về bối cảnh không gian, thời gian xảy ra vụ tai nạn đáng tiếc nói trên.

Về mặt thời gian, thời điểm xảy ra vụ tai nạn được cho là trong khoảng 18h00 đến 19h00 ngày cuối cùng làm việc của quân nhân T. Điều này khá phù hợp với trao đổi của gia đình là vào ngày hôm đó, T có hẹn với các cháu để đưa vào chơi trong khu di tích, nhưng đến khi các cháu chủ động lên khu di tích, T vẫn đang làm việc và nói lại sẽ không thể đưa đi chơi được do phải làm cố cho hoàn thành công việc trước ngày khai hội.

Hình ảnh chụp tại hiện trường vụ việc cho thấy thời điểm xảy ra tai nạn trời đã gần như tối hẳn. Cùng với đó, chiếc xe ô tô tải đã đỗ chiếm gần hết phần lề đường bên phải dành cho xe gắn máy. Đây là những yếu tố rất bất lợi để có thể quan sát trong quá trình điều khiển phương tiện vào ban đêm.

Cùng với đó, việc rất nhiều phương tiện đi từ hướng ngược chiều lái với đèn chiếu thẳng trực tiếp cũng



Hiện trường vụ tai nạn (Ảnh do gia đình nạn nhân cung cấp).

tác động xấu không kém đối với tầm nhìn của phương tiện đi cùng chiều với xe đang đỗ.

Trong khi đó, văn bản của cơ quan điều tra hình sự cho rằng, việc lái xe đỗ xe có để đèn xi nhan, tại vị trí đường cong, dốc, nhưng tầm nhìn không bị hạn chế là hết sức nhầm lẫn. Yếu tố đêm tối, yếu tố ngược đèn từ phía đối diện cần phải được tính đến như một hạn chế và người lái xe tải bắt buộc phải nắm rõ trước khi đỗ xe.

Mặt khác, cơ quan điều tra hình sự và viện kiểm sát quân sự cùng cấp cho rằng địa điểm này không nằm trong phạm vi biển cấm dừng, cấm đỗ, nên không bị hạn chế đỗ cũng có nhiều yếu tố khiến cường. Khảo sát thực tế hiện trường cho thấy, điểm đỗ xe nằm không xa hơn 4m về phía sau biển cảnh báo số 202a (báo trước sắp đến một chỗ ngoặt nguy hiểm phía bên trái).

Như vậy, có thể thấy yếu tố lỗi (vi phạm) của người lái xe tải trong vụ việc nêu trên là hết sức rõ ràng. Tính thời điểm, tính không gian của vụ việc cho thấy tuy vị trí đỗ xe không chịu sự điều chỉnh trực tiếp của biển

³ Dẫn theo nguồn: <https://kiemsat.vn/do-xe-gay-tai-nan-la-pham-toi-can-tro-giao-thong-duong-bo-46838.html>



a) Biển số W.202a



b) Biển số W.202b

cắm dừng, đỗ, nhưng đây là cung đường có cảnh báo nguy hiểm vì có dốc và cong về bên trái, chịu tác động trực tiếp của việc trời tối và ánh đèn chiếu ngược chiều. Đồng thời, theo nguyên tắc “hiệu lực sau biển” là điều bắt buộc mọi lái xe trong quá trình đào tạo đều phải hiểu rõ và tuân thủ, việc đỗ xe nói trên đã vi phạm các quy định an toàn giao thông đường bộ dẫn đến hậu quả chết người.

Theo quy định của Luật Giao thông đường bộ 2008, đây là nơi bị cấm dừng, đỗ trong mọi trường hợp. Cụ thể:

Theo khảo sát thực tế, biển 202a được đặt cách vị trí xảy ra tai nạn khoảng 3-4m. Theo nguyên tắc “hiệu lực sau biển”, đoạn đường này được xác định là cong, dốc về bên trái và việc đặt biển nhằm mục đích cảnh báo về cấu trúc đường.

Về nguyên tắc, nhóm biển báo nguy hiểm có dạng hình tam giác đều, viền đỏ, nền màu vàng, trên có hình vẽ màu đen mô tả sự việc báo hiệu nhằm báo trước cho người tham gia giao thông biết trước tính chất của sự nguy hiểm trên đường để có biện pháp phòng ngừa, xử trí kịp thời, phòng tránh tai nạn giao thông. Hiệu lực của các biển báo nguy hiểm có giá trị trên tất cả các làn đường của một chiều xe chạy.

Các căn cứ pháp lý để khởi tố và yêu cầu bồi thường thiệt hại

Từ các so sánh về quan điểm, đối chiếu thực tế cho thấy hành vi đỗ xe tại khu vực đường cong, dốc, tầm nhìn có bị che khuất và ngay phía sau biển cảnh báo nguy hiểm 202a của lái xe tải là nguyên nhân chính gây ra tai nạn, dẫn đến hậu quả làm chết người. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 với hậu quả trực tiếp là gây nên cái chết cho 01 người:

Việc thông báo của cơ quan điều tra hình sự cho rằng không có sự việc phạm tội là một kết luận hoàn toàn có tính chủ quan, thiếu căn cứ, có dấu hiệu bao che và làm sai lệch bản chất vụ việc.

Ngoài ra, việc kết luận lái xe ô tô tải không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cũng trái với quy định tại Bộ luật Dân sự 2015. Điều 591 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm như sau:

“1. Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm bao gồm:

a) Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật này;

b) Chi phí hợp lý cho việc mai táng;

c) Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng;

d) Thiệt hại khác do luật quy định.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tính mạng của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại, nếu không có những người này thì người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại được hưởng khoản tiền này. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”.

Như vậy, chúng tôi đồng tình với quan điểm của các tác giả Trần Tân và Cao Văn Huỳnh, dựa trên những dữ liệu thực tế về bối cảnh, thời điểm, thời gian mà vụ việc diễn ra: hành vi đỗ xe của người lái xe tải trong vụ việc chính đã vi phạm quy định của Luật Giao thông đường bộ 2008, là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn làm chết quân nhân T. Trong trường hợp này, cần xem xét trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện, đồng thời cần xem xét trách nhiệm hình sự và tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với vụ án “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015. ♦

Nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm



Phiên tòa hình sự sơ thẩm mẫu trước đây.

Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

THS.LS LÊ ĐĂNG TÙNG

Tranh tụng là một từ được nhắc đến từ lâu trong tố tụng nhiều nước trên thế giới và ngày càng được dùng phổ biến trong tố tụng của Việt Nam, đặc biệt trong tố tụng hình sự và được quy định tại nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015.

Cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013, kế thừa và phát triển những quy định về tố tụng

hình sự trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 (Bộ luật Tố tụng hình sự) có nhiều quy định mới về cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng hình sự; người tham gia tố tụng hình sự; bào chữa, bảo vệ quyền và nghĩa vụ của bị hại, đương sự; biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế...

Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự ghi nhận rất cụ thể nguyên tắc tranh

tụng trong xét xử được bảo đảm; nội dung nguyên tắc hàm ý tranh tụng từ khi bắt đầu vụ án hình sự và thể hiện sự bình đẳng giữa các chủ thể khi tham gia thực hiện quyền cũng như nghĩa vụ của mình. Chương V quy định về bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự.

Bộ luật Tố tụng hình sự quy định người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có

thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa.

Viện kiểm sát là cơ quan nhà nước có nhiệm vụ thực hiện quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật; bảo vệ quyền con người, quyền công dân; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân; góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất được giao chức năng thực hành quyền công tố trong các vụ án hình sự. Hoạt động công tố được thực hiện trong suốt quá trình tố tụng hình sự nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người không có tội. Sự tham gia của viện kiểm sát đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm thực thi đúng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Luật sư với vai trò tư vấn, bào chữa cho bị can, bị cáo để đưa ra những lý lẽ chứng minh bị can, bị cáo không phạm tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo. Trong quá trình tham gia tố tụng, luật sư có quyền cung cấp chứng cứ cho cơ quan tiến hành tố tụng; có quyền có mặt khi cơ quan chức năng lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đồng ý thì được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì luật sư có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị

can; được nghiên cứu hồ sơ vụ án, đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu có liên quan đến bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng của mình...

Tòa án có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và bảo đảm sự bình đẳng và các điều kiện khác để các bên tiến hành tranh tụng một cách khách quan, toàn diện và công bằng về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, làm cơ sở cho tòa án ra phán quyết để kết thúc quá trình tranh tụng của các bên.

Có thể nói, vai trò của luật sư trong hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa nói riêng có vị trí đặc biệt quan trọng, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị can, bị cáo. Luật sư còn giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án một cách khách quan, đúng pháp luật, tránh oan sai, góp phần tích cực vào tiến trình cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên trên thực tế, quá trình hành nghề của luật sư trong các vụ án hình sự còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; đặc biệt là thực tiễn thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa hình sự, điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hoạt động xét xử các vụ án hình sự ở nước ta.

Để tham gia bào chữa trong vụ án hình sự, người bào chữa phải đăng ký bào chữa. Điều 78 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định rằng, trong mọi trường hợp tham gia tố tụng, người bào chữa phải đăng ký bào chữa.

Trong trường hợp giấy tờ hợp lệ thì cơ quan tiến hành tố tụng vào sổ

đăng ký và gửi ngay văn bản thông báo người bào chữa cho người đăng ký trong thời hạn 24 giờ. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng thường vi phạm về thời hạn 24 giờ và ít khi thực hiện theo luật định. Cá biệt, có nơi còn yêu cầu xác minh nhân thân luật sư rồi mới thông báo đăng ký bào chữa, điều này rất gây phản cảm trong đội ngũ luật sư.

Trường hợp bị can, bị cáo đang bị tạm giam nên việc yêu cầu người bào chữa thường thông qua người thân thích của họ thực hiện nên việc xác định lại ý chí của bị can, bị cáo trong trại tạm giam là ít khả thi và cực kỳ khó khăn khi cơ quan quản lý trại giam không hợp tác.

Văn bản Thông báo tham gia tố tụng của luật sư được sử dụng trong cả quá trình tố tụng, nhưng hiện nay mỗi nơi thực hiện một khác, thậm chí mỗi giai đoạn tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng lại yêu cầu đăng ký lại việc bào chữa, gây rất phiền hà, vướng mắc cho luật sư tham gia tố tụng, ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của khách hàng, nhất là trường hợp khách hàng đang bị tạm giam hoặc thuộc các tỉnh vùng sâu, xa, đi lại khó khăn, vất vả.

Về thủ tục đăng ký bào chữa ban đầu, luật sư đã gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Để tiếp tục thực hiện việc bào chữa, tranh tụng, luật sư phải gặp bị can, bị cáo trong trại tạm giam để hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng cũng như những căn cứ giúp luật sư có cái nhìn toàn diện, khách quan, đầy đủ, triệt để và có căn cứ giải quyết vụ án nhằm giúp khách hàng

của mình một cách tốt nhất. Nhưng khi gặp bị can, bị cáo trong trại tạm giam, luật sư thường bị vướng ở khâu xuất trình văn bản thông báo người bào chữa. Luật sư nhận được thông báo người bào chữa ở giai đoạn điều tra thì khi sang giai đoạn truy tố và xét xử, trại tạm giam thường yêu cầu phải đăng ký và có thông báo người bào chữa ở giai đoạn tương ứng; điều này là trái quy định của luật tố tụng hình sự cũng như rất mất thời gian và phiền hà cho luật sư khi bào chữa cho khách hàng của mình, không bảo đảm tính kịp thời và hiệu quả.

Một vấn đề nữa mà luật sư hay gặp phải là bị hạn chế thời gian gặp bị can, bị cáo trong trại tạm giam. Pháp luật không quy định hạn chế thời gian làm việc của luật sư bào chữa với bị can, bị cáo đang bị tạm giam để tạo điều kiện cho bị can, bị cáo đang bị tạm giam hiểu rõ những nội dung chứng cứ buộc tội mình và có thể sử dụng các chứng cứ này tranh tụng tại phiên tòa xét xử, cũng như làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Tuy nhiên trên thực tế, giám thị trại tạm giam thường hạn chế thời gian làm việc của luật sư bào chữa với bị can, bị cáo đang bị tạm giam, chỉ cho phép dài nhất là 60 phút, thông thường chỉ được 30-45 phút trong mỗi lần gặp. Luật sư muốn kéo dài thời gian làm việc với bị can, bị cáo thì phải chuyển sang ngày làm việc khác và phải làm lại thủ tục xin phép trình giám thị trại tạm giam để được gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam. Điều này gây hạn chế nhất định khi luật sư muốn làm rõ những

vấn đề chứng cứ cũng như thảo luận các phương án tranh tụng với bị can, bị cáo đang bị tạm giam để kịp thời phục vụ việc bào chữa.

Thời gian gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam đã eo hẹp. Khi luật sư gặp bị can, bị cáo đều có điều tra viên hoặc cán bộ điều tra ngồi cạnh để giám sát (các cơ quan thường không muốn người bào chữa có mặt trong hoạt động điều tra vì sợ rằng sẽ gây cản trở khó khăn). Trường hợp này xảy ra ngay cả trong trường hợp đã kết thúc điều tra và có cáo trạng truy tố của viện kiểm sát.

Việc bị can, bị cáo tiếp cận những tài liệu, hồ sơ vụ án khi luật sư bào chữa sao chụp được mang vào trại tạm giam cũng gặp khó khăn (do bị cán bộ trại tạm giam ngăn cản, không cho bị can, bị cáo tiếp xúc những tài liệu mà luật sư mang vào). Hạn chế, vướng mắc này làm cho luật sư cũng như bị can, bị cáo không thể thuận lợi trong việc bào chữa cũng như phối hợp gỡ tội tại phiên tòa, đỉnh cao của hoạt động tranh tụng.

Nghị quyết 08-NQ/TW, 48-NQ/TW và 49-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN đã chỉ rõ là phải tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tranh tụng của luật sư. Bản án, quyết định của tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Thể chế đường lối, chính sách của Đảng; cụ thể hóa Hiến pháp, các

nguyên tắc trong Bộ luật Tố tụng hình sự, trong đó Điều 26 quy định nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm. Đây được coi là nội dung cơ bản định hướng cho toàn bộ hoạt động tố tụng kể từ khi phát sinh vụ án hình sự, trong đó hoạt động xét xử tại phiên tòa là trung tâm, đỉnh cao nhất, thể hiện bản chất nền tố tụng hình sự theo hướng hiện đại, phù hợp với sự phát triển của xã hội và đất nước trong tình hình mới là phải xây dựng cho được nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam XHCN; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao; đáp ứng cho được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Nhìn chung trong giai đoạn xét xử, chất lượng bào chữa của luật sư tại phiên tòa có rất nhiều cải thiện tốt, luật sư đã đưa ra những tài liệu, chứng cứ có tính thuyết phục để bào chữa cho khách hàng của mình. Người bào chữa được quyền trình bày lập luận, đưa ra các chứng cứ, tài liệu để đối đáp với kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử không được hạn chế thời gian tranh luận và yêu cầu kiểm sát viên phải đối đáp, tranh luận với ý kiến của người bào chữa. Hội đồng xét xử phải ghi nhận đầy đủ ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa... Tuy nhiên, các quy định này vẫn chưa được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ: kiểm sát viên thường không tranh luận hoặc

đôi đáp đến cùng với ý kiến của luật sư nêu ra hoặc tranh luận không đầy đủ, do đó vụ án không được giải quyết một cách sáng tỏ, triệt để.

Hội đồng xét xử thường nhắc luật sư khi họ trình bày quan điểm khi chưa hiểu rõ họ định trình bày như thế nào, nội dung ra sao, dài hay ngắn, cá biệt còn hạn chế thời gian tranh luận gây bức xúc, ức chế cho người bào chữa. Khi bào chữa tại phiên tòa, do thói quen hoặc không điều tiết được cảm xúc, nhiều trường hợp luật sư dùng ngôn ngữ cơ thể để biểu đạt thái quá đã bị hội đồng xét xử nhắc nhở và không giữ được bình tĩnh đã phản ứng tiêu cực tại phiên tòa, dẫn đến tâm lý ức chế cho cả hội đồng xét xử và luật sư.

Nội dung trong bản án, quyết định của tòa án ít khi nêu hoặc không nêu ý kiến trình bày, tranh luận của luật sư hoặc phần tranh luận của luật sư thường bị cắt xén hoặc nêu rất chung chung, chưa thể hiện rõ quan điểm của luật sư khi tranh tụng tại phiên tòa. Điều này khiến các cơ quan có thẩm quyền nhìn nhận vị trí, vai trò của luật sư rất phiến diện và hạn chế, dẫn tới đánh giá không đúng về đội ngũ luật sư Việt Nam.

Khó khăn, vướng mắc của luật sư trong hoạt động hành nghề nói chung và những vướng mắc của luật sư trong thực tiễn thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa hình sự nói riêng là một chủ đề rất trọng tâm nhưng mới là một khía cạnh nhỏ mà Liên đoàn Luật sư Việt Nam quan tâm, tìm cách tháo gỡ. Qua phân tích thấy rằng, những khó khăn, vướng

mắc này đến bởi nhiều nguyên nhân khác nhau cũng như từ nhiều phía, nhiều chủ thể liên quan. Để hoạt động luật sư và hành nghề luật sư ngày càng tốt hơn, góp phần bảo vệ công lý, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN trong tình hình mới; tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; để hài hòa hóa pháp luật hiện hành và thống nhất áp dụng pháp luật; nâng cao chất lượng tranh tụng hình sự, đặc biệt là thực hiện tốt nguyên tắc bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, chúng ta cần có quy chế phối hợp chung giữa ba cơ quan trọng tâm trong hoạt động xét xử là tòa án, viện kiểm sát và luật sư. Theo quy định của pháp luật cũng như thực tiễn xét xử, qua tham khảo một số nước phát triển mô hình tranh tụng hình sự như Mỹ, Nhật Bản... thì hàng năm, các cơ quan này cần họp chung để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tố tụng hình sự, bảo đảm cho nguyên tắc tranh tụng được thực hiện tốt đồng thời tránh được oan sai trong hoạt động tố tụng hình sự. Ngoài ra, chúng ta cần thực hiện tốt những yêu cầu sau:

Thứ nhất, Nhà nước thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức, nhận thức và hiểu rõ pháp luật cho mỗi người dân để họ thực hiện tốt; sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Trong mỗi cơ quan tiến hành tố tụng liên quan và Liên đoàn Luật sư Việt Nam cần giáo dục cho cán bộ, nhân viên cũng như thành viên của mình nhận thức rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tạo điều kiện cho nhau thực hiện tốt

nhiệm vụ của mình nhằm hết lòng phục vụ Tổ quốc, phụng sự nhân dân và vì lợi ích quốc gia, dân tộc;

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ngày càng đồng bộ, phù hợp; bảo đảm cho mọi người dễ hiểu, hiểu đúng và đủ để thực hiện pháp luật một cách có hiệu lực, hiệu quả. Những vấn đề quan trọng, tác động đến nhiều chủ thể, quyền lợi của nhân dân cần lấy ý kiến rộng rãi cũng như tôn trọng nhân dân và thận trọng trước khi quyết định hoặc thông qua;

Thứ ba, mỗi cơ quan tiến hành tố tụng liên quan và Liên đoàn Luật sư Việt Nam cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên và thành viên của mình không ngừng nâng cao về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận cũng như ý thức văn hóa, đạo đức nghề nghiệp phù hợp với công việc trong tình hình mới. Bên cạnh đó, có sự giao lưu, phối hợp giữa các cơ quan với nhau, chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau;

Thứ tư, các cơ quan tiến hành tố tụng liên quan và Liên đoàn Luật sư Việt Nam phải thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm cho mỗi chuyên đề hoặc công việc theo định kỳ hoặc kế hoạch nhằm rút ra những bất cập, hạn chế trong thực tiễn và phát huy những điểm phù hợp để sửa đổi, hoàn thiện về lý luận đồng thời thường xuyên trau dồi, hoàn thiện lý luận để soi đường cho thực tiễn phát triển phù hợp với điều kiện và tình hình mới của đất nước, đang phát triển ngang tầm khu vực và trên thế giới. ♦

Người được thi hành án phải chịu phí thi hành án dân sự là bất công



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

 **HUỲNH MINH KHÁNH**

Ngày 10/02/2016, do cần vốn kinh doanh nên ông Nguyễn Văn An có vay của ông Nguyễn Văn Thành với số tiền là 500 triệu đồng. Hai bên có lập biên nhận để làm tin và thỏa thuận lãi suất vay là 1%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng. Sau 6 tháng ông An phải có trách nhiệm trả vốn và lãi cho ông Thành một lần. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên ông An không thực hiện đúng thỏa thuận với ông Thành.

Cuối năm 2016, ông Thành đã

khởi kiện ông An ra tòa án và được tòa án xét xử buộc ông Nguyễn Văn An phải trả cho ông Nguyễn Văn Thành số tiền là 500 triệu đồng (ông Thành bỏ yêu cầu tính lãi), bản án đã có hiệu lực pháp luật nên ông Thành đã nộp đơn yêu cầu thi hành án.

Quá trình thi hành án ông An không tự nguyện thi hành án nên chấp hành viên đã tiến hành cưỡng chế thi hành án bán đấu giá hơn 1.000m² đất của ông An và chấp hành viên đã thu tiền bán đấu giá tài sản,

tiến hành thủ tục chi tiền cho ông Thành với số tiền 500 triệu đồng (ông Thành bỏ yêu cầu tính lãi chậm thi hành án). Chấp hành viên đã căn cứ vào quy định của pháp luật tiến hành thu phí thi hành án của ông Thành với số tiền là 15 triệu đồng (căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 4, Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính).

Từ sự việc trên cho thấy, quy định về đối tượng chịu phí thi hành án dân sự như hiện nay còn tồn tại bất hợp

lý và thiếu công bằng đối với các đương sự.

Người được thi hành án phải chịu phí thi hành án dân sự là bất công?

Nguyên nhân dẫn đến việc ông Thành phải đề nghị các cơ quan chức năng can thiệp để giải quyết thu hồi số tiền nêu trên là xuất phát từ hành vi sai trái của ông An; ông An đã không thực hiện đúng thỏa thuận làm cho quyền lợi của ông Thành bị xâm phạm và tòa án đã thực hiện đúng chức trách bảo vệ công lý của mình là xét xử và chấp nhận yêu cầu của ông Thành: buộc ông An phải trả 500 triệu đồng cho ông Thành và ông An phải chịu mức án phí dân sự sơ thẩm 24 triệu đồng về hành vi sai trái của mình.

Sau khi bản án có hiệu lực, ông Thành đã tạo điều kiện cho ông An tự thỏa thuận việc thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định nhưng ông An vẫn cố tình không thực hiện, mặc dù có tài sản để thực hiện nghĩa vụ của mình theo bản án. Khi xử lý tài sản của ông An xong và ông Thành được nhận tiền thi hành án, ông Thành phải chịu tiền phí thi hành án theo quy định là một bất công, vì thực tế, nếu ông An thực hiện đúng thỏa thuận của hai bên thì chắc chắn rằng ông Thành sẽ không khởi kiện và không yêu cầu thi hành án để rồi tốn thời gian và mất một khoản tiền phí thi hành án như quy định hiện nay. Mặt khác, Điều 106 Hiến pháp đã quy định “Bản án, quyết định của tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải

ng nghiêm chỉnh chấp hành”. Như vậy, trong trường hợp này, ông An là người không tôn trọng, không chấp hành nghiêm chỉnh bản án đã có hiệu lực pháp luật của tòa án nhưng ông An lại không bị chế tài nào. Ngược lại, ông Thành là người tuân thủ và chấp hành tốt các quy định của pháp luật lại bị thiệt hại về vật chất (phí thi hành án), dẫn đến pháp luật thiếu công bằng trong trường hợp này.

Khoản 1 Điều 3 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định: “Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này”. Theo đó, đối tượng chịu phí đều là tổ chức, cá nhân yêu cầu các cơ quan chức năng cung cấp dịch vụ công và phải chịu một khoản chi phí để bù đắp chi phí; và việc yêu cầu cơ quan chức năng cung cấp dịch vụ pháp lý trong trường hợp này không phải là hệ quả của hành vi sai trái, vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân khác như phí thi hành án.

Chế định về án phí có một nguyên tắc then chốt là phần lớn đối tượng chịu án phí là những người có hành vi sai trái, vi phạm các quy định của pháp luật, khác với quy định của Luật Phí và lệ phí. Mặc dù, chế định về phí thi hành án cũng có những đặc trưng tương tự như chế định án phí nhưng đối tượng phải chịu phí thi hành án không phải là các cá nhân, tổ chức có

hành vi sai trái, vi phạm pháp luật mà là những cá nhân, tổ chức có hành vi đúng chuẩn mực, pháp luật cần bảo vệ (người được thi hành án) là một quy định bất hợp lý. Quy định về phí thi hành án như hiện nay là không đủ sức răn đe, thúc đẩy công tác thi hành án trong giai đoạn hiện nay.

Hoạt động thi hành án dân sự là một trong những hoạt động thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật; là quá trình thực thi chân lý, đưa chân lý đi vào cuộc sống. Hoạt động thi hành án dân sự là hoạt động đưa các bản án, quyết định nhân danh Nhà nước của tòa án đã có hiệu lực pháp luật ra thi hành trên thực tế. Hoạt động thi hành án có hiệu quả sẽ tác động trực tiếp đến lòng tin của nhân dân đối với pháp luật; đồng thời, nó còn ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giữ vững kỷ cương phép nước, củng cố pháp chế và trật tự pháp luật, bảo đảm cho quyền lực tư pháp được thực thi trên thực tế. Nên chế định phí thi hành án dân sự phải bảo đảm đủ sức răn đe đối với những người phải thi hành án cố tình chây ì, không thi hành án,... để những người phải thi hành án tự nguyện thi hành án, góp phần giảm thiểu các chi phí tiến hành thủ tục thi hành án dân sự của Nhà nước và bảo đảm nguyên tắc mang tính Hiến định là các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tôn trọng và chấp hành nghiêm minh bản án, quyết định của tòa án.

Thiết nghĩ, các cơ quan chức năng có thẩm quyền cần sớm nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chế định phí thi hành án sao cho phù hợp hơn. ♦

Công an thành phố Ông Bí không khởi tố vụ án là bỏ lọt tội phạm

 LS ĐÌNH VĂN QUẾ

Dư luận đang quan tâm và bất bình về các hành vi xâm phạm tình dục đối với trẻ em và phụ nữ. Tòa án nhân dân tối cao đã phải kịp thời ban hành nghị quyết để chấn chỉnh tình trạng nhận thức không đúng, thiếu thống nhất của các cơ quan tiến hành tố tụng. Thế nhưng vừa qua ở Quảng Ninh, Công an thành phố Ông Bí chỉ phạt hành chính kẻ xâm phạm cháu gái 16 tuổi rồi cho về, làm gia đình cháu Q (nạn nhân) và dư luận rất bức xúc. Công an thành phố Ông Bí cho rằng không đủ điều kiện để khởi tố chỉ vì nghi can chưa có hành vi quan hệ tình dục với nạn nhân. Trong khi đó thì nghi can đã thừa nhận có hành vi ôm hôn, sờ ngực và bộ phận sinh dục của nạn nhân. Còn nạn nhân thì khai rõ về hành vi xâm phạm của nghi can.

Nếu so sánh vụ án này với một số vụ án như vụ ông Nguyễn Khắc Thủy ở thành phố Vũng Tàu; vụ án ở quận 7 thành phố Hồ Chí Minh



Bác ruột và mẹ cháu Q. đang trao đổi với phóng viên.

Ảnh: L. Thanh

và vụ án ở huyện Chương Mỹ, Hà Nội thì có một điểm giống nhau ở chỗ, các cơ quan tiến hành tố tụng đều cho rằng không đủ dấu hiệu phạm tội. Vụ án Nguyễn Khắc Thủy lúc đầu Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu khởi tố nhưng Viện kiểm sát thành phố Vũng Tàu cho rằng không đủ dấu hiệu phạm tội, chỉ đến khi báo chí vào cuộc, dư luận lên tiếng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao mới chỉ đạo phải truy tố ông Thủy về tội dâm ô trẻ em và Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã phạt ông Nguyễn Khắc Thủy 03 năm tù giam, nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lại giảm hình phạt cho ông Thủy xuống 18 tháng tù lại còn cho hưởng án treo.

Sau đó, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã phải kháng nghị và Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao đã xử giám đốc, hủy nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu phạt ông Thủy 03 năm tù giam. Vụ án ở quận 7 thành phố Hồ Chí Minh, Công an quận 7 đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và lệnh bắt tạm giam ông “anh rề” về hành vi “hiếp dâm” nhưng Viện kiểm sát nhân dân quận 7 lại ban hành quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can, với lý do “ngoài lời khai của chị T, không còn chứng cứ trực tiếp nào khác, lời khai nhân chứng N.V không trực tiếp nhìn thấy sự việc và hậu quả

việc giao cấu cũng chưa xảy ra”. Tuy nhiên, người bị hại và đặc biệt là cha của người bị hại đã đệ đơn đến tận Trung ương để đòi công bằng cho con gái mình và cuối cùng Cơ quan điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh phải rút hồ sơ lên và đã kết luận điều tra đề nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố truy tố ông “anh rề” về tội hiếp dâm. Còn vụ ở Chương Mỹ, ban đầu Cơ quan điều tra Công an huyện Chương Mỹ cũng chỉ khởi tố bị can về tội “dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”, đồng thời áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng đã vấp phải sự phản ứng dữ dội của dư luận nên Công an thành phố Hà Nội cũng phải rút hồ sơ lên để giải quyết và kết quả là Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử, phạt kẻ hãm hại cháu Q mức án tù chung thân; đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã giao Công an thành phố kiểm điểm nghiêm trách nhiệm của Công an huyện Chương Mỹ; Viện trưởng Viện kiểm

sát nhân dân tối cao cũng đã chỉ đạo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội ký luật Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ và kiểm sát viên thụ lý vụ án về “tinh thần, thái độ và trách nhiệm trong xử lý công việc”. Tuy nhiên, vụ án ở quận 7 thành phố Hồ Chí Minh thì lãnh đạo Công an và Viện kiểm sát chưa thấy có động thái nào đối với Công an và Viện kiểm sát quận 7?!

Nếu cho rằng xâm phạm tình dục phụ nữ và trẻ em mà cứ “đòi” người xâm phạm phải nhận tội thì có lẽ chẳng xử được vụ án nào nếu không bắt được quả tang hoặc không còn đường chối cãi.

Nhận thức của Công an và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ông Bí cũng không hơn gì Công an và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, quận 7 hay huyện Chương Mỹ. Phải chăng trình độ của cơ quan điều tra và viện kiểm sát nhân dân cấp huyện hiện nay đang có vấn đề, nhất là đối với viện kiểm sát - cơ quan được Nhà nước giao trọng trách kiểm sát mọi hành vi tố tụng của cơ quan điều tra và của tòa án, hay còn một lý do “tế nhị nào đó”?

Hy vọng rằng, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh vào cuộc để làm rõ hành vi tẩn công cháu Q của Bùi Văn Doanh nhằm quan hệ tình dục đối với cháu, để lấy lại công bằng cho cháu Q mới 16 tuổi, để gia đình và dư luận đỡ bức xúc. ◆

Không cho đổi tên là ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân

 THS PHẠM VĂN CHUNG

Việc chị Nguyễn Thị Kim Hoàng Linh Phương xin đổi lại tên cho ngắn lại vì tên quá dài, đi làm thẻ ATM không được, nhưng Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch (Đồng Nai) từ chối đã có nhiều ý kiến tranh luận trái chiều. Một số cho rằng Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch không sai, vì công dân có quyền đổi tên nhưng không thuộc trường hợp được thay đổi tên theo quy định của pháp luật dân sự.

Theo quan điểm của người viết, trong trường hợp này chị Nguyễn Thị Kim Hoàng Linh Phương có quyền được thay đổi tên. Việc thay đổi tên trong trường hợp này được pháp luật cho phép. Cụ thể, theo Điều 28 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên trong trường hợp “việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó”.

Khi chị Phương đi làm thẻ ATM, ngân hàng thông báo là tên quá dài không thể làm được thẻ ATM. Như vậy, rõ ràng chính vì tên của chị Phương quá dài nên dẫn đến việc ngân hàng không làm được thẻ ATM. Đây là lý do, nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị Phương và vì thế chị thuộc trường hợp pháp luật cho phép thay đổi tên.

Tại Điều 4 Luật Hộ tịch cũng quy định: “Thay đổi hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thay đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân khi có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật dân sự”. Việc chị Phương yêu cầu thay đổi tên của chị do tên quá dài là lý do rất chính đáng, hợp lý, cơ quan chức năng cần chấp thuận lý do chính đáng này.

Trong trường hợp này, nếu thấy cần thiết thì cơ quan có thẩm quyền có thể xác minh lý do chính đáng và quyền, lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng do tên quá dài để giải quyết thay đổi tên cho chị Phương. Bởi vì, việc thay đổi tên của chị Phương hoàn toàn không làm thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự được xác lập theo tên cũ và cũng không ảnh hưởng gì đến quyền, lợi ích của người khác, của xã hội.

Pháp luật chỉ hạn chế việc công dân đề nghị thay đổi họ tên tùy tiện, không có cơ sở, “ngẫu hứng”, gây lộn xộn, khó khăn cho công tác quản lý hộ tịch hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ, vi phạm pháp luật chứ không cấm việc thay đổi tên vì lý do chính đáng.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch (Đồng Nai) không nên “cứng nhắc” trong việc giải quyết thay đổi tên cho công dân. Từ chối là gây khó khăn cho cuộc sống của họ và không đúng tinh thần pháp luật. ◆

Hội đồng xét xử có độc lập và chỉ tuân theo pháp luật?

 LS TRẦN CÔNG LY TAO

Báo Pháp luật TP. Hồ Chí Minh số ra ngày 29/10/2019 đưa tin: Ba Thẩm phán Nguyễn Minh Thành (Chánh án Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy - Chủ tọa phiên tòa), Nguyễn Hữu Luân (Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đăk Glai) và Trần Phú Lợi (Chánh án Tòa án nhân dân huyện Ia Hdrai) xử phúc thẩm vụ án (lần hai) đã tuyên: Năm bị cáo đều không phạm tội “trộm cắp tài sản” (cửa khúc gỗ khô...). Sau đó bản án bị một Phó chánh án Tòa án nhân dân tối cao ký thay Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm đã hủy bản án phúc thẩm (lần hai) này, đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm lại theo hướng các bị cáo của vụ án phạm tội.

Pháp luật quy định hội đồng xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, nhưng lại không quy định là tuân theo như thế nào? Thực tế nhiều khi hội đồng xét xử còn phải chịu sự chỉ đạo của lãnh đạo tòa án cấp trên. Một cổ hai tròng? Lý do vì sao ba thẩm phán xét xử phúc thẩm (lần hai) đều phải làm kiêm nhiệm? Họ bị chi phối bởi nguyên tắc độc lập và sự “phụ thuộc” đứng giữa hai dòng nước, “lực bất tòng tâm”?!

Hội đồng xét xử phúc thẩm (lần



Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Ảnh: TT

hai) gồm ba thành viên, họ là các chánh án tòa án nhân dân huyện, đã tuyên cả năm bị cáo đều không phạm tội. Dư luận xã hội đồng lòng vì phán quyết thấu tình, đạt lý. Ông Nguyễn Đức Sáu, đại biểu Quốc hội thuộc Đoàn TP. Hồ Chí Minh (nguyên Chánh tòa hình sự Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh), hiện là thành viên Ủy ban Tư pháp của Quốc hội đã kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị hủy bản án phúc thẩm (lần ba) kết tội năm bị cáo cửa gỗ khô...

Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Đà Nẵng vừa có văn bản gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Trưởng ban Dân nguyện, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xem xét lại vụ án. Theo Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Đà Nẵng: Quá trình giải quyết vụ án tồn tại nhiều điểm bất hợp lý, không phù hợp với quy định pháp

luật... Riêng vụ án cửa gỗ khô... thì tòa án lại cáo buộc bị cáo về tội “trộm cắp tài sản”, trong khi đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, đã có hơn 1.500 vụ tương tự đã bị cơ quan tiến hành tố tụng bỏ lọt tội phạm?

Luật pháp phải công minh, vận dụng phù hợp, khi xét xử phải đúng người, đúng tội. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần tôn trọng quan điểm của đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vì đây là cơ quan có chức năng bảo vệ rừng, am tường quy định liên quan tới lĩnh vực chuyên môn của họ.

Không có gì tuyệt đối, cán bộ cần thận trọng nhận thức trong công vụ, có thái độ cầu thị phù hợp với thực tế khách quan.

Đừng để xảy ra oan sai khiến “người ngay bị nạn” như đã từng xảy ra.

Thà tha làm người có tội còn hơn kết án oan người không phạm tội!

Tăng cường chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

 MAI HÀ

Căn cứ Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2016/NĐ-CP quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người phải thi hành án không thi hành bản án, quyết định của tòa án. Sau 03 năm triển khai thực hiện, tình hình chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính

của các cơ quan hành chính nhà nước đã có những chuyển biến và đạt được những kết quả nhất định; công tác theo dõi thi hành án hành chính của hệ thống thi hành án dân sự đã được triển khai, từng bước đi vào nền nếp.

Tuy nhiên, tình hình chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước vẫn còn những tồn tại, hạn chế, điển hình là việc

không ít các vụ kiện người đại diện không tham gia phiên tòa theo triệu tập của tòa án; số lượng bản án hành chính đã có hiệu lực chưa được thi hành ngày càng tăng qua các năm. Nguyên nhân chủ yếu là do: ý thức chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính của người đứng đầu cơ quan hành chính chưa nghiêm; việc xử lý trách nhiệm của cán bộ, công chức để xảy ra sai

phạm trong việc tham mưu, ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính và trong việc thi hành án hành chính chưa được thực hiện hiệu quả.

Để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, ngày 15/11/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành chỉ thị số 26/CT-TTg về việc tăng cường chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính. Tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và kiến nghị sau giám sát của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội về công tác chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính, thi hành án hành chính; khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế trong việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính ở bộ, ngành, địa phương thuộc phạm vi quản lý.

b) Chấp hành nghiêm Điều 55, 60 và Điều 78 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 về trách nhiệm tham gia phiên tòa, tham gia đối thoại, giải trình và cung cấp kịp thời, đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện theo đúng quy định. Xác định đối thoại là giải pháp quan trọng nhằm giải quyết dứt điểm bức xúc, khiếu kiện của tổ chức, cá nhân.

c) Thi hành, chỉ đạo thi hành nghiêm túc và dứt điểm các bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật; khắc phục ngay tình trạng tồn đọng các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng không được thi hành. Đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực thi hành trước ngày 01/7/2016, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có kế hoạch chỉ đạo, tổ chức thi hành dứt điểm vụ việc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả trước ngày 30/3/2020.

d) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trong việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính; xử lý nghiêm trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có vi phạm trong việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ và pháp luật khác có liên quan.

đ) Nâng cao chất lượng, bảo đảm việc ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh khiếu kiện như đất đai, xây dựng, xử lý vi phạm hành chính; chủ động kiểm tra, rà soát, xử lý kịp thời các sai phạm trong việc ban hành, thực hiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, coi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ chính trị quan

trọng, thường xuyên của bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, giải quyết dứt điểm những vướng mắc của công dân, tổ chức đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền trong bộ máy hành chính nhà nước.

e) Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thi hành án hành chính của địa phương, báo cáo Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chính phủ về công tác thi hành án hành chính.

Bộ Tư pháp có các nhiệm vụ:

a) Tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giúp Chính phủ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp trong việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và quản lý nhà nước về thi hành án hành chính; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính; xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch thống kê, theo dõi, tổng kết công tác thi hành án hành chính để báo cáo Chính phủ.

b) Tăng cường tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành về chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xử lý nghiêm trách nhiệm của bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có vi phạm trong việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính.

c) Chỉ đạo hệ thống thi hành án dân sự theo dõi 100% bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính có nội dung theo dõi do tòa án chuyên giao; phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức đăng tải công khai thông tin người phải thi hành án không chấp hành án hành chính theo quy định. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị cho đội ngũ chấp hành viên để nâng cao chất lượng theo dõi việc thi hành án hành chính.

d) Tiếp tục rà soát các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ, kịp thời báo cáo Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả trên thực tế.

Thủ tướng cũng giao Thanh tra Chính phủ tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tập trung đối với những địa phương có khiếu kiện hành chính phức tạp, số lượng án hành chính phải thi hành lớn. Bộ Tài nguyên và Môi trường tập trung làm rõ nguyên nhân và có giải pháp giải quyết căn cơ để khắc phục những bất cập, sơ hở làm phát sinh khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, nhất là trong quá trình rà soát, đánh giá việc thi hành Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Tư

pháp, các bộ, ngành và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường thông tin, tuyên truyền nhằm tạo nhận thức thống nhất, đầy đủ về các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức nhà nước và các tầng lớp nhân dân. Văn phòng Chính phủ sẽ thực hiện đăng tải công khai, kịp thời thông tin người phải thi hành án là ủy ban nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP.

Bộ Nội vụ có trách nhiệm bổ sung tiêu chí về chất lượng ban hành các quyết định hành chính, thực hiện các hành vi hành chính; hoàn thành nghĩa vụ thi hành các bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính trong việc xét thi đua, khen thưởng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong các bộ, ngành và ủy ban nhân dân các cấp. Tăng cường kiểm tra hoạt động công vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những sai phạm, góp phần hạn chế phát sinh khiếu nại, tố cáo, khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án. Phối hợp với Bộ Tư pháp tham mưu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý trách nhiệm đối với lãnh đạo các bộ, ngành, lãnh đạo ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không chấp hành nghiêm bản án,

quyết định của tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực thi hành.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cơ quan của Quốc hội và hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường giám sát việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính của chủ tịch ủy ban nhân dân, ủy ban nhân dân. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực thi hành; hướng dẫn thống nhất việc ra quyết định buộc thi hành án hành chính trong hệ thống tòa án. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan liên quan trong công tác quản lý nhà nước về thi hành án hành chính; chỉ đạo tòa án nhân dân các cấp chuyển giao kịp thời bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính cho cơ quan thi hành án dân sự để theo dõi theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao được đề nghị chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp tăng cường kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính; xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực thi hành và phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý nhà nước về thi hành án hành chính. ♦



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Doanh nghiệp cần lưu ý những gì khi giao kết và thực hiện hợp đồng

 **THS.LS NGUYỄN TIẾN MẠNH**

Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ. Khi giao kết hợp đồng, nếu doanh nghiệp không tính toán trước những điều trớ trêu đơn giản, doanh nghiệp có thể phải gánh chịu hậu quả nặng nề. Thông thường một hợp đồng sẽ có những rủi ro tương ứng đối với từng giai đoạn

cụ thể: giai đoạn giao kết hợp đồng; giai đoạn thực hiện hợp đồng và giai đoạn giải quyết tranh chấp hợp đồng. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi nêu một số vấn đề trong giai đoạn giao kết và thực hiện hợp đồng để phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra.

Giao kết hợp đồng

Trước khi quyết định giao kết hợp

đồng với đối tác, doanh nghiệp cần xem xét các điều kiện để không gặp rủi ro khi ký kết, bao gồm:

Thứ nhất, về hình thức hợp đồng

Hợp đồng có thể được thể hiện dưới hình thức bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương. Tuy nhiên, có một số trường hợp pháp luật quy

định phải tuân thủ theo hình thức nhất định. Một số rủi ro về hình thức hợp đồng thường hay gặp gồm có: hợp đồng phải được lập thành văn bản nhưng các bên xác lập dưới hình thức lời nói, hành vi; hợp đồng phải được công chứng, chứng thực nhưng các bên không thực hiện thủ tục này; hợp đồng được xác lập bằng hình thức dữ liệu điện tử, nhưng nếu các bên không thống nhất về phương thức giao tiếp, trao đổi dữ liệu có thể dẫn đến phát sinh tranh chấp sau này. Do đó, hình thức hợp đồng nên được thể hiện dưới dạng văn bản, cũng như đáp ứng các điều kiện về hình thức đối với một số loại giao dịch đặc biệt. Ngôn ngữ trong hợp đồng phải mạch lạc, rõ ràng, tránh những từ mang nghĩa “bóng”, hàm ý, dễ hiểu lầm, hiểu sai hoặc các từ viết sai chính tả dẫn đến sai nghĩa. Và hơn hết, các bên nên đọc, soạn thảo kỹ lưỡng từng câu, từng chữ trong hợp đồng để có thể phát hiện sớm những rủi ro tiềm ẩn.

Thứ hai, về chủ thể giao kết hợp đồng

Rủi ro liên quan đến chủ thể khi giao kết hợp đồng, bao gồm các trường hợp sau đây: người ký là đại diện theo pháp luật nhưng không có thẩm quyền quyết định việc giao kết (đối với trường hợp điều lệ doanh nghiệp quy định những giao dịch lớn phải do hội đồng cổ đông/hội đồng thành viên quyết định); người ký không phải là người đại diện theo pháp luật nhưng không có ủy quyền hoặc được ủy quyền nhưng ký vượt quá phạm vi ủy quyền; đối tác là chi nhánh không được pháp nhân ủy quyền; đối tác không có chức năng kinh doanh

mặt hàng thuộc đối tượng của hợp đồng; đối tác không đủ năng lực để thực hiện đúng nội dung hợp đồng.

Để phòng ngừa các rủi ro nêu trên, các bên cần kiểm tra giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của đối tác và đối chiếu với thông tin trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để chứng minh tư cách người đại diện theo pháp luật của người giao kết; hoặc kiểm tra giấy ủy quyền, kiểm tra kỹ về phạm vi, thời hạn ủy quyền đối với người giao kết là người đại diện theo ủy quyền hoặc chi nhánh của pháp nhân. Đồng thời, các bên cần kiểm tra điều lệ của đối tác để chắc chắn rằng người giao kết hợp đồng không giao kết vượt quá thẩm quyền cho phép.

Đối với việc thẩm định năng lực thực hiện hợp đồng của đối tác, các bên cần đánh giá kinh nghiệm, quy mô các hợp đồng trước đó của đối tác, yêu cầu đối tác giải trình về khả năng thực hiện hợp đồng; kiểm tra xem doanh nghiệp có thuộc trường hợp đang giải quyết phá sản hay không để chắc chắn rằng đối tác có khả năng thực hiện hợp đồng, tránh xảy ra tranh chấp có thể gây thiệt hại cho doanh nghiệp cả về thời gian và tiền bạc, cũng như uy tín đối với bên thứ ba.

Thứ ba, rủi ro do vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội

Khi giao kết hợp đồng, các bên cần nắm được các quy định đặc thù của pháp luật đối với giao dịch đó, nhằm tránh việc các bên đưa ra thỏa thuận bị xem là vi phạm điều cấm của pháp luật, dẫn đến giao dịch bị

vô hiệu. Một số rủi ro liên quan đến vấn đề này mà các bên thường hay mắc phải như: vấn đề thanh toán bằng ngoại hối; đối tượng hợp đồng bị cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh; mục đích, nội dung hợp đồng trái đạo đức xã hội.

Thứ tư, về các điều khoản cơ bản của hợp đồng

Các bên cần dự liệu những tình huống khác nhau có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng và các cơ chế để xử lý và khắc phục hậu quả; tránh đưa vào hợp đồng các điều khoản mơ hồ, gây nhầm lẫn. Một số điều cơ bản mà các bên cần lưu ý khi giao kết hợp đồng bao gồm:

Những tranh chấp về đối tượng hợp đồng bao gồm: hàng hóa không đúng đối tượng đã thỏa thuận; tiêu chuẩn hàng hóa; đơn vị tính. Ngoài ra, cần lưu ý đến trường hợp từ thời điểm giao kết, đối tượng hợp đồng đã không thể thực hiện được.

Những tranh chấp về giá cả, thanh toán bao gồm: tranh chấp về giá khi thị trường biến động; tranh chấp về đồng tiền làm phương thức thanh toán; tranh chấp về chi phí bốc dỡ, vận chuyển, lưu kho bãi; tranh chấp về cách thức giao nhận tiền; tranh chấp về hình thức bảo đảm hợp đồng.

Điều khoản về bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm: các bên cần phải xác định rõ hợp đồng của các bên là hợp đồng dân sự hay hợp đồng kinh doanh thương mại để áp dụng pháp luật điều chỉnh cho phù hợp. Về nguyên tắc, các bên chỉ được phạt vi phạm khi có quy định về phạt vi phạm trong hợp đồng, nếu không có

phạt vi phạm, bên bị vi phạm chỉ được bồi thường thiệt hại nếu chứng minh được thiệt hại xảy ra. Hiện nay, Luật Thương mại 2005 quy định mức phạt vi phạm tối đa là 8% phần giá trị nghĩa vụ vi phạm của hợp đồng; mức phạt này ở Luật Xây dựng là không quá 12% (đối với công trình sử dụng vốn Nhà nước). Bộ luật Dân sự 2015 không giới hạn mức phạt vi phạm, tuy nhiên, nếu các bên có thỏa thuận phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm.

Thực hiện hợp đồng

Sau khi đã giao kết hợp đồng, các bên buộc phải tuân theo các cam kết mà các bên đã thỏa thuận. Vì vậy, giám sát việc thực hiện hợp đồng không chỉ là xác định phần vi phạm nghĩa vụ của đối tác, mà còn là để phòng tránh việc chính doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ với đối tác.

Tùy vào quy mô và cách thức vận hành của doanh nghiệp mà doanh nghiệp có phương án giám sát thực hiện hợp đồng riêng. Thông thường, những doanh nghiệp quy mô nhỏ không phải đối mặt với những vấn đề này vì người quản lý luôn giám sát chặt chẽ quá trình thực thi hợp đồng, nhưng một doanh nghiệp có quy mô lớn số lượng hợp đồng lớn thì rất cần thiết lập một quy trình chặt chẽ. Doanh nghiệp có thể chia ra cho các phòng ban và sẽ có những người thực hiện chính trong từng giai đoạn khác nhau, nhưng cũng rất cần một người duy nhất giám sát toàn bộ quá trình từ khi bắt đầu đến khi kết thúc. Quan trọng nhất là phải bảo đảm giám sát

tất cả các khía cạnh của hợp đồng, từ nhắc nhở đối tác thực hiện đúng nghĩa vụ, đến phối hợp giữa các bộ phận liên quan để thực hiện đúng nghĩa vụ của mình với đối tác, xử lý nhanh chóng các vấn đề phát sinh khi thực hiện hợp đồng và rút kinh nghiệm cho các hợp đồng sau. Việc hiểu rõ những rủi ro thường gặp trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ giúp doanh nghiệp giám sát vấn đề này tốt hơn, giúp hạn chế tốt nhất thiệt hại xảy ra.

Thứ nhất, rủi ro do đối tác vi phạm nghĩa vụ hợp đồng

Khi đối tác vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, tức không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ phần nghĩa vụ mà mình có trách nhiệm phải thực hiện trong hợp đồng, thì doanh nghiệp cần rà soát các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng đối với các vi phạm tương ứng, hiểu được hậu quả pháp lý của mỗi hành vi vi phạm, từ đó có hành động thích hợp để giải quyết vấn đề.

Bộ luật Dân sự 2015 quy định các chế tài khi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng bao gồm: cầm giữ tài sản, buộc thực hiện đúng hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, hủy bỏ hợp đồng, bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm, lãi suất chậm trả. So với Bộ luật Dân sự 2015 thì Luật Thương mại 2005 không có chế tài đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, mà thay vào đó là chế tài đình chỉ hợp đồng và bổ sung thêm chế tài tạm ngừng thực hiện hợp đồng để các bên linh động thực hiện. Tương ứng với mỗi chế tài,

pháp luật quy định các trường hợp áp dụng khác nhau, vì vậy khi áp dụng, các bên phải nắm rõ các quy định pháp luật để lựa chọn chế tài phù hợp và có lợi nhất, hoặc các bên phải quy định rõ điều kiện để áp dụng các chế tài trong hợp đồng. Đồng thời, khi áp dụng thì doanh nghiệp phải thông báo đối với bên vi phạm, tránh tình trạng doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ thông báo đối với bên đã vi phạm trước đó.

Thứ hai, thời điểm chuyển rủi ro trong hợp đồng

Một vấn đề quan trọng trong quá trình thực hiện hợp đồng là việc xác định thời điểm chuyển rủi ro. Nghĩa là xác định trong thời điểm nào bên bán phải chịu những mất mát, hư hỏng của hàng hóa, từ thời điểm nào những hư hỏng, mất mát đó được chuyển cho bên mua. Trừ trường hợp các bên thỏa thuận về thời điểm chuyển rủi ro cụ thể trong hợp đồng, thông thường thời điểm này chính là thời điểm các bên giao nhận hàng hóa.

Theo quy định tại Điều 441 Bộ luật Dân sự 2015, thời điểm chuyển rủi ro là thời điểm giao nhận tài sản, hoặc là thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu. Ngoài ra, Luật Thương mại quy định chi tiết hơn trong từng trường hợp, đối với hợp đồng không có địa điểm giao hàng cụ thể, thì thời điểm chuyển rủi ro là thời điểm hàng hóa được giao cho người vận chuyển đầu tiên. Trường hợp hàng hóa được giao cho người nhận hàng để giao mà không phải là người vận chuyển, rủi ro được chuyển cho bên mua trong các trường

hợp bên mua nhận được chứng từ sở hữu hoặc bên mua xác nhận quyền chiếm hữu hàng hóa và một số trường hợp đặc biệt khác.

Tuy nhiên, Luật Thương mại cũng quy định trách nhiệm của các bên trong một số trường hợp mà không phụ thuộc vào thời điểm chuyển rủi ro như: trường hợp khiếm khuyết của hàng hóa phát sinh trước thời điểm chuyển rủi ro, nếu bên mua đã biết hoặc phải biết về khiếm khuyết đó thì bên mua phải chịu trách nhiệm, trừ trường hợp bên mua không biết hoặc không phải biết thì bên bán phải chịu trách nhiệm đối với khiếm khuyết này, nhưng bên mua chỉ có một thời gian 3, 6 hoặc 9 tháng (tùy trường hợp) để khiếu nại đối với khiếm khuyết của hàng hóa, ngoài thời hạn khiếu nại này, bên bán được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp khiếm khuyết của hàng hóa phát sinh sau thời điểm chuyển rủi ro, nhưng nguyên nhân do bên bán vi phạm hợp đồng thì bên bán phải chịu trách nhiệm.

Thứ ba, rủi ro do sự kiện bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015, trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Trên thực tế, trừ trường hợp các bên

thỏa thuận mặc nhiên một sự kiện xảy ra là bất khả kháng, thì việc chứng minh một sự kiện có phải là sự kiện bất khả kháng hay không rất dễ xảy ra tranh chấp vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của các bên. Ví dụ như, một vụ hỏa hoạn xảy ra nếu xuất phát từ sự thiếu trách nhiệm của con người, do doanh nghiệp không đáp ứng được các điều kiện về phòng cháy chữa cháy, thì sự kiện này không phải là sự kiện bất khả kháng vì xuất phát từ nguyên nhân chủ quan và là hậu quả trực tiếp từ ý thức phòng ngừa kém.

Trường hợp khác, nếu bên vi phạm nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng nhưng không thực hiện nghĩa vụ thông báo cho bên bị vi phạm, thì bên vi phạm vẫn phải chịu trách nhiệm đối với bên bị vi phạm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Trường hợp một bên vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng do bên thứ ba vi phạm nghĩa vụ vì sự kiện bất khả kháng. Bên thứ ba thường là bên cung cấp nguyên liệu, hàng hóa, hoặc doanh nghiệp logistic. Hiện nay pháp luật Việt Nam không quy định bên vi phạm nghĩa vụ được miễn trừ trách nhiệm do bên thứ ba vi phạm nghĩa vụ vì sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, đây lại là vấn đề các doanh nghiệp thường hay gặp phải vì quan hệ kinh doanh hiện nay là theo chuỗi cung ứng và các bên chỉ là một mắt xích trong đó, và đặc biệt là trong các mối quan hệ độc quyền, doanh nghiệp không thể tìm phương án thay thế.

Vì vậy, liên quan đến vấn đề miễn

trách nhiệm, các doanh nghiệp nên soạn thảo kỹ lưỡng các điều khoản miễn trách, dự liệu trường hợp thực tế có thể xảy ra, thỏa thuận một cách rõ ràng, chi tiết nhằm giảm thiểu tối đa tranh chấp phát sinh thay vì trông đợi hoàn toàn vào pháp luật.

Thứ tư, rủi ro do sự thay đổi hoàn cảnh cơ bản

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đặc biệt là các hợp đồng dài hạn, sẽ có trường hợp các bên không thể dự liệu được những tình huống, mà khi xảy ra nó làm thay đổi căn bản quyền và nghĩa vụ của các bên. Mặc dù nguyên tắc của hợp đồng là các bên phải “tuân theo sự thỏa thuận”, nhưng nếu thực hiện thì một bên có thể bị thiệt hại nghiêm trọng, mất đi thế cân bằng của hợp đồng và không đạt được mục đích ban đầu.

Hiện nay, Điều 420 Bộ luật Dân sự 2015 đã quy định về các điều kiện để áp dụng hoàn cảnh thay đổi cơ bản như sau: do nguyên nhân khách quan; các bên không thể lường trước; hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu biết trước các bên sẽ không giao kết hoặc giao kết với nội dung hoàn toàn khác; việc tiếp tục thực hiện sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhưng không thể ngăn chặn hoặc giảm thiểu ảnh hưởng. Trường hợp này, pháp luật cho phép bên bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng, nếu các bên không thể thỏa thuận để sửa đổi hợp đồng, các bên có thể yêu cầu tòa án chấm dứt hợp đồng hoặc sửa đổi nội dung hợp đồng để cân bằng quyền lợi của các bên. ♦

Cần làm rõ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

DƯƠNG TẤN THANH

Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định về thẩm quyền của hội đồng xét xử như sau:

“2. Hội đồng xét xử có quyền quyết định:

b) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu

có); buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; đồng thời kiến nghị cách thức xử lý đối với quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy”.

Từ quy định này có thể thấy, hội đồng xét xử có quyền quyết định chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần

hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có). Quy định này của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 là điểm mới so với quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2010. Quy định này đã tháo gỡ được bất cập trước đây là trong trường hợp người khởi kiện chỉ khởi kiện yêu cầu tòa án hủy quyết định hành chính mà không yêu cầu

tòa án hủy quyết định giải quyết khiếu nại. Từ đó, dẫn đến việc mặc dù quyết định hành chính bị khiếu kiện đã bị tòa án hủy nhưng quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn còn hiệu lực trong thực tế. Tuy nhiên, trong thực tiễn hiện nay thì thẩm quyền của hội đồng xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 vẫn còn quan điểm khác nhau về việc ngoài tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính bị kiện, quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có) thì hội đồng xét xử có quyền tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện không, nếu người khởi kiện không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quan điểm thứ nhất cho rằng:

Ngoài thẩm quyền tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật thì hội đồng xét xử còn có quyền tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có). Quyết định hành chính trái pháp luật ở đây được hiểu chỉ là quyết định hành chính bị kiện. Còn đối với các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện, cho dù có trái pháp luật thì hội đồng xét xử cũng không được quyền tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ các quyết định hành chính khác có liên quan này. Vì các quyết định hành chính khác có liên quan không phải là đối tượng khởi kiện trong vụ án.

Quan điểm thứ hai cho rằng:

Cụm từ “quyết định hành chính



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có)” phải được hiểu là bao gồm các quyết định hành chính bị kiện, quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện (nếu có) và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có). Cho nên hội đồng xét xử có quyền tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính bị kiện, quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện (nếu có) và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có). Mục đích là để giải quyết triệt để vụ án. Thực tế phần lớn các tòa án hiện nay khi giải quyết các vụ án hành chính cũng theo quan điểm thứ hai.

Theo tác giả, mỗi quan điểm nêu trên đều có tính hợp lý nhất định. Nếu người khởi kiện không yêu cầu tòa án hủy quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện mà tòa án lại tuyên hủy các quyết định hành chính khác có liên quan thì mâu thuẫn với quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của người khởi kiện tại Điều 8 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (*Cơ quan, tổ chức, cá nhân có*

quyền quyết định việc khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ án hành chính khi có đơn khởi kiện của người khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, người khởi kiện có quyền thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, thực hiện các quyền tố tụng khác của mình theo quy định của Luật này). Tuy nhiên, nếu tòa án không tuyên hủy các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện trái pháp luật thì không giải quyết triệt để vụ án. Việc khởi kiện sẽ kéo dài trong nhiều vụ án khác nhau. Vì vậy, vấn đề này đòi hỏi thẩm phán khi xây dựng hồ sơ vụ án cần phải giải thích và hướng dẫn cho đương sự khởi kiện yêu cầu tòa án hủy tất cả các quyết định hành chính mà thẩm phán thấy rằng cần phải xét xem xét, giải quyết nhằm bảo đảm giải quyết triệt để vụ án.

Vướng mắc nêu trên xuất phát từ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 chưa thật sự rõ ràng. Rất cần Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn cụ thể hơn để việc áp dụng pháp luật được thống nhất. ♦

Mỹ đối phó với tình trạng quá tải tù nhân



Nhà tù ở Mỹ.

Ảnh: Crimemagazin.com

 **LÊ HÙNG** (theo Crimemagazin)

Khoảng 50% số người bị kết án tù ở Mỹ có tội liên quan đến ma túy. Hầu hết trong số đó không phải là những người buôn bán ma túy chuyên nghiệp, mà là người dùng hoặc bán lẻ để kiếm tiền.

Mỹ chỉ chiếm 5% dân số nhưng đang chiếm 25% số người bị giam giữ trên thế giới, khoảng hơn 2 triệu người, đây là con số lớn nhất trong các quốc gia. Điều này làm cho nhà chức trách nước Mỹ phải đặt ra các câu hỏi: Tại sao có quá nhiều tù nhân ở một trong những quốc gia phát triển nhất thế giới? Có phải nước Mỹ đang nuôi dạy con cái thành tội phạm? Có phải nước Mỹ giữ đường cơ sở đạo đức ở một tiêu chuẩn thấp hơn, hoặc có lẽ, nước Mỹ đang kết án quá mức các tội phạm không đáng của quốc gia?

Tuy nhiên, số người bị giam giữ ở Mỹ không phải lúc nào cũng cao như vậy. Trước khi chính quyền Nixon bắt đầu “Cuộc chiến chống ma túy” vào giữa những năm 1970 và chính quyền Reagan đã mở rộng đáng kể vào đầu những năm 1980, số người bị giam giữ vì các tội phạm liên quan đến ma túy không bạo lực dao động dưới 50.000.

Nhưng sau khoảng thời gian trên, số tù nhân có thời hạn của loại tội phạm này đã tăng vọt. Vào cuối năm 2013, gần 98.200 người trong hệ thống nhà tù liên bang đã bị giam giữ vì các tội liên quan đến ma túy. Phần lớn những người này là tội nhẹ và là lần đầu tiên.

Việc hình sự hóa các tội phạm ma túy không nghiêm trọng đã góp phần đáng kể vào vấn đề quá tải, ảnh hưởng đến quy mô của các nhà tù và chuyên ngân sách chính phủ từ cải tạo sang mở rộng. Vấn đề này không đem lại lợi ích thực sự cho xã hội bởi vì hơn 90% tù nhân cuối cùng cũng sẽ

được thả ra và trở lại xã hội. Tội phạm ma túy không nghiêm trọng có thời gian ở tù ngắn, do đó cần các biện pháp thay thế cho việc tống giam.

Theo một nghiên cứu của Văn phòng Trách nhiệm Chính phủ Mỹ (GAO) công bố vào đầu năm 2012, số tù nhân được quản lý bởi Cục Nhà tù đã cao hơn 39% so với sức chứa. Trong các nhà tù an ninh cao, con số này đã tăng vọt lên tới 55%. Tình trạng quá tải nhà tù dự kiến sẽ tiếp tục là một vấn đề nan giải cho Chính phủ Mỹ, ước tính mức tăng lên hơn 45% so với khả năng vào cuối thập kỷ.

Một số các nhà tù đã áp dụng các biện pháp cần thiết để đối phó với tình trạng quá tải này, một trong số đó là nhồi nhét các tù nhân vào các phòng vốn dành cho một người thành hai hoặc ba giường. Nó chỉ đáp ứng không gian tối thiểu theo quy định của Chính phủ Mỹ cho người bị giam giữ. Hay như việc trung dụng các khu vực dùng chung, chẳng hạn như phòng tập thể dục để xếp các giường tầng cho các tù nhân.

Sự thiếu riêng tư đẩy một số tù nhân đến sự bộc phát bạo lực, đó là một thực tế được các quan chức nhà tù rất lưu ý. Một quan chức nhà tù cho biết, việc nhồi nhét ngày càng nhiều người vào một không gian hạn chế nảy sinh rất nhiều căng thẳng, đôi lúc bùng nổ thành sự cố bạo lực nghiêm trọng.

Để đảm bảo an toàn cho tù nhân và cả các nhân viên trại giam, các quan chức nhà tù buộc phải hạn chế số lượng người ở các khu vực chung như nhà ăn, sân giải trí, phòng truyền

hình và trung tâm học tập. Với số lượng quá đông, những tù nhân bị giam giữ hầu như không có thời gian thoát khỏi một không gian đông đúc. Đây là lý do một nghiên cứu gần đây được của Cục Nhà tù Mỹ (BOP) cho thấy sự gây hấn của tù nhân đang gia tăng và có mối liên quan mật thiết với tình trạng quá tải tù nhân.

Chi phí tăng

Một vấn đề khác phát sinh khi ngày càng nhiều tù nhân bị giam giữ là chi phí cho các nhà tù liên bang và tiểu bang ở Mỹ. Từ năm 2006 đến 2011, BOP đã xây dựng 5 nhà tù mới để giúp giảm bớt tình trạng quá tải tại các cơ sở đang có. Những nhà tù mới này nhằm mục đích đáp ứng sự gia tăng số lượng tù nhân ước tính khoảng 7%. Tuy nhiên, sự gia tăng trên thực tế là khoảng 9,5%.

Ngoài việc phải xây mới nhà tù, nhà chức trách Mỹ cũng cho biết chi phí cho một tù nhân đã tăng đáng kể từ mức trung bình 21.603 đô la năm 2000 lên 29.291 đô la vào năm 2013. Đồng thời, trong cùng khoảng thời gian đó, các khoản chi phí dành cho BOP đã tăng từ 3,668 tỷ đô la lên 6,445 tỷ đô la. Nhưng thực sự đó chỉ là những khoản chi phí thiết yếu để mở rộng nhà tù, sửa chữa cơ sở hạ tầng cần thiết không thể thiếu.

Ảnh hưởng tới việc cải tạo, phục hồi nhân phẩm cho tù nhân

Ngân sách hàng năm của Chính phủ Mỹ được chuyển sang xây dựng các nhà tù mới, cải tạo sửa chữa nhà tù cũ và thanh toán cho số lượng

nhân viên nhà tù tăng thêm nên ngày càng ít tiền được sử dụng cho các chương trình cải tạo cần thiết. Các nhà tù quá đông có xu hướng cung cấp ít hơn các chương trình đào tạo nghề, giáo dục và điều trị, cai nghiện ma túy. Tất nhiên điều này làm ảnh hưởng lớn tới các tù nhân khi họ được trả tự do.

Khoảng 53,5% tù nhân có bản án dưới 10 năm tù không được đào tạo nghề, các chương trình giáo dục và các đợt điều trị ma túy. Điều này gây ra một vấn đề đáng kể cho nền kinh tế của Hoa Kỳ. Trở lại xã hội sau nhiều năm ngồi sau song sắt có thể đã đủ khó khăn, nhưng bước vào một nền kinh tế với tiền án và không có kỹ năng công việc tối thiểu khiến một phần đáng kể tội phạm được thả ra khó có thể hòa nhập xã hội. Gần một phần ba những người bị kết án bị bắt trở lại nhà tù do vi phạm nguyên tắc tạm tha hoặc đã phạm tội khác.

Giải pháp thiết thực: Chương trình điều trị cai nghiện

Rõ ràng là một giải pháp khả thi để giảm đáng kể số người bị bỏ tù và số người bị bắt trở lại là triển khai các chương trình thay thế cho việc bỏ tù đối với các tội không nghiêm trọng.

Khoảng 50% cá nhân bị kết án tù là vì các tội liên quan đến ma túy. Nhiều người trong số họ không phải là những người buôn ma túy chuyên nghiệp mà là người dùng hoặc buôn bán nhỏ để kiếm tiền. Hai nhóm này sẽ được hưởng lợi từ việc tham gia các chương trình thay thế, thay vì tống vào tù.

Các chương trình xử lý trước khi xét xử là một cách để giảm số tạm giam trong hệ thống nhà tù. Thông thường, các cá nhân được dự kiến hầu tòa sẽ trả một số tiền nhất định để tại ngoại trước khi bị truy tố. Chương trình xử lý trước khi xét xử nhằm mục đích xem xét khả năng cá nhân trong việc kiểm tiền bảo lãnh dựa trên tình trạng tài chính, mối quan hệ gia đình và công việc. Chương trình này cũng nhằm mục đích duy trì các cá nhân làm việc trong lực lượng lao động, giúp giảm bớt cả chi phí cho bị cáo và chi phí cho cơ sở giam giữ trong khi họ chờ xét xử. Mặc dù vậy, đối với nhiều người, gánh nặng tài chính này vượt quá khả năng và họ dành thời gian chờ đợi này trong một phòng giam.

Khoảng 65% những người bị giam giữ vì các tội liên quan đến ma túy là người nghiện. Sự tập trung cao độ của những người nghiện trong hệ thống nhà tù không có lợi cho những người thực sự cố gắng thay đổi cuộc sống của mình. Tuy nhiên, các chương trình giáo dục ma túy cả trong và ngoài nhà tù đã được chứng minh là có ảnh hưởng đáng kể và cần được đầu tư kỹ lưỡng hơn.

Theo nghiên cứu trước đây của nhà chức trách Mỹ, trong khi ở tù, chỉ có khoảng 11% tù nhân nghiện ngập thực sự được điều trị. Nhưng con số này bắt đầu thay đổi gần đây, cứ sau 4 phút lại có người được đưa đi điều trị ma túy trong tù. Các chương trình điều trị ma túy đã được chứng minh là làm giảm số người tái nghiện. Những người được điều trị cai nghiện có ít hơn 74% khả năng liên quan đến

sử dụng ma túy hoặc hành vi sai trái trong khoảng thời gian 14 tháng khi so sánh với nhóm đối chứng, khiến đây là một lựa chọn đầy hứa hẹn cho những người phạm tội lần đầu.

Các chương trình này thường cung cấp cả dịch vụ nội trú và ngoại trú cho người nghiện. Giải quyết tận gốc lý do nghiện ngập và nguyên nhân tâm lý gốc rễ sau nó. Giúp cho bệnh nhân học cách đánh bại cơn nghiện và tránh xa ma túy trong tương lai. Hơn nữa, chương trình cung cấp một hệ thống hỗ trợ và tư vấn lành mạnh giúp xây dựng nền tảng cho một tương lai thành công hơn.

Các chương trình điều trị ma túy đã được chứng minh là có tác động làm giảm đáng kể chi tiêu của Cục Nhà tù Mỹ. Mỗi đô la chi cho các trung tâm tiếp cận cộng đồng và giáo dục, điều trị ma túy dẫn tới giảm gần 18 đô la cho nhu cầu giam giữ trong hệ thống nhà tù.

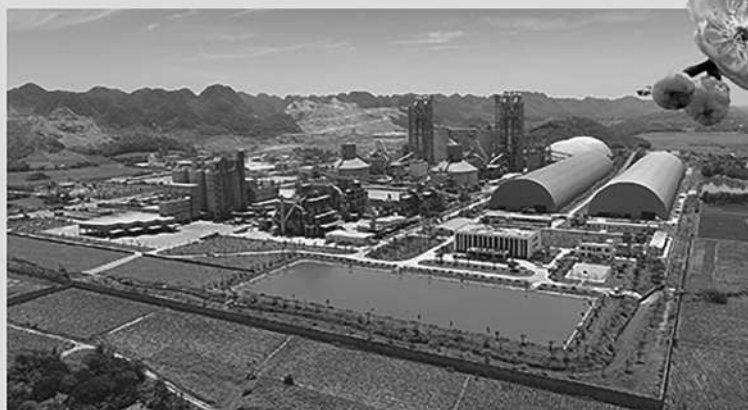
Các chương trình này có tỷ lệ thành công cao hơn nhiều, khoảng 60%. Triển khai chúng rộng rãi hơn như là một cách thay thế cho việc giam giữ sẽ làm giảm đáng kể số người trong một hệ thống nhà tù quá đông. Điều này, đến lượt nó, sẽ giảm bớt các tác động tâm lý của quá tải. Ngoài ra, nó sẽ cho phép các cơ quan chức năng Hoa Kỳ đầu tư ít tiền hơn vào việc mở rộng hệ thống nhà tù và nhiều tiền hơn để cải thiện các dịch vụ phục hồi chức năng, điều này sẽ làm giảm tỷ lệ tái phạm tội và tăng số lượng tù nhân có thể hòa nhập xã hội một cách thành công. ♦



Xi măng Long Sơn mở rộng xây dựng dây chuyền 3 và 4 bước tiến đột phá trên chặng đường phát triển.

Sau hơn 2 năm gia nhập thị trường Xi măng Việt Nam, Xi măng Long Sơn không chỉ khẳng định được chất lượng của mình mà còn khẳng định về vị thế “khủng” về sản lượng. Cụ thể, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý bổ sung giai đoạn II Nhà máy xi măng Long Sơn, tỉnh Thanh Hóa với 2 dây chuyền (dây chuyền số 3 và số 4), mỗi dây chuyền có công suất là 2,3 triệu tấn xi măng/năm kết hợp xử lý rác thải bảo vệ môi trường và tạo ra các sản phẩm xi măng chất lượng cao, xi măng chịu mặn bền sunfat phục vụ xây dựng các công trình ven biển và hải đảo vào Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030.

Được biết, Xi măng Long Sơn đã đưa vào hoạt động thành công dây chuyền 1 và dây chuyền 2 trong hai năm liên tiếp 2016 và 2017. Tổng sản lượng 2 dây chuyền đạt mức 7,5 triệu tấn/năm. Hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty Long Sơn không ngừng phát triển, cung cấp ra thị trường sản phẩm Xi măng Long Sơn đạt chất lượng cao và tuyệt đối ổn định, được người tiêu



dùng đánh giá cao.

Tiếp nối với mong muốn cung cấp ra thị trường ngày càng nhiều hơn nữa sản phẩm Xi măng Long Sơn để phục vụ người tiêu dùng, Công ty Xi măng Long Sơn đã tiếp tục xây dựng dự án dây chuyền 3 và 4 và đã được Thủ tướng thông qua. Đây chính là mốc son đánh dấu bước trưởng thành của Công ty Xi măng Long Sơn, khẳng định rằng Xi măng Long Sơn sẽ còn lớn mạnh hơn nữa trong ngành Xi măng Việt Nam.

Dự kiến thời gian đưa vào vận hành dây chuyền số 3 trong năm 2020 và dây chuyền số 4 trong năm 2021.

Bộ Xây dựng tích hợp giai đoạn II Nhà máy xi măng Long Sơn vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phó Thủ tướng giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Thanh Hóa giám sát Dự án giai đoạn II Nhà máy xi măng Long Sơn, tỉnh Thanh Hóa (dây chuyền số 3 và số 4) thực hiện theo đúng quy định về đầu tư, xây dựng, môi trường, sản phẩm và các quy định có liên quan.

Một điểm nhấn quan trọng của dây chuyền 3, 4 Xi măng Long Sơn giúp cho dự án nhận được đánh giá cao của Thủ tướng đó chính là hệ thống xử lý rác thải bảo vệ môi trường kết hợp với việc tạo ra các sản phẩm xi măng chất lượng cao, xi măng chịu mặn bền sunfat phục vụ xây dựng các công trình ven biển và hải đảo.

CÔNG TY THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 18 đường Hồ Nguyên Trừng - Phường Hòa Cường Nam
 Quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng
 Điện thoại: 0236.3621 530

Chúc Mừng
 Năm Mới
 HAPPY NEW YEAR
 2020

AN KHANG - THỊNH VƯƠNG - HẠNH PHÚC - BÌNH AN

Phát huy vai trò của các đồng bào dân tộc thiểu số trong xây dựng và phát triển thành phố Thái Nguyên

Thưa quý vị và các bạn! Hiện nay, trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đồng bào dân tộc thiểu số có gần 10.000 hộ dân với trên 29.000 nhân khẩu, bao gồm 17 dân tộc thiểu số trong đó có các dân tộc chủ yếu: Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chay, Hoa, Dao, Mường. Trong nhiều năm qua, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, Cấp ủy Đảng, Chính quyền từ Thành phố đến cơ sở đã làm tốt công tác chăm lo và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc trong đồng bào dân tộc thiểu số để chung tay xây dựng thành phố Thái Nguyên ngày càng phát triển văn minh, hiện đại.

Xác định, đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Thái Nguyên là phần tất yếu quan trọng không thể tách rời trong công đồng nhân dân các dân tộc của Thành phố, vì vậy, Đảng bộ, Chính quyền Thành phố luôn dành nhiều quan tâm đặc biệt đến công đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn. Các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc, miền núi đã được triển khai có hiệu quả góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm theo đúng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố đêra qua các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu và các chỉ số phát triển của thành phố Thái Nguyên - Trung tâm kinh tế, chính trị của cả Tỉnh và là trung tâm vùng Việt Bắc.

Xã Tân Cương - một trong những địa phương tập trung khá đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống có các dân tộc chủ yếu là Tày, Ngái, Nùng. Dưới sự lãnh đạo của Cấp ủy Thành phố, Tân Cương đã tích cực triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số gắn với đặc thù của địa phương. Là vùng chè nổi tiếng Thái Nguyên "Đẻ nhất danh trà", Tân Cương đã có bước phát triển mạnh mẽ, nhất là trong lĩnh vực phát triển kinh tế với cơ cấu, ngành nuôi trồng, trồng chè chủ đạo là phát triển cây chè. Cùng với đồng bào là người dân tộc kinh, người dân tộc thiểu số ở Tân Cương đã chung tay cùng địa phương ra sức thi đua phát triển kinh tế - xã hội, gìn giữ và phát huy thế mạnh của cây chè, đồng góp sức người và tiền của để hoàn thành chương trình xây dựng Nông thôn mới. Hiện nay, tỷ lệ hộ nghèo trên địa xã Tân Cương còn dưới 2%. Nhiều năm trở lại đây, nhất là trong 5 năm qua, trên địa bàn xã đã xuất hiện nhiều người dân tộc thiểu số là tìm gương điển hình trong sản xuất giỏi, vượt khó thoát nghèo, mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, làm giàu tại địa phương. Nữ bät là các mô hình trồng và chế biến chè an toàn ứng dụng công nghệ cao theo tiêu chuẩn VietGAP. Điển hình như hộ gia đình ông Lê Quang Nghĩa - dân tộc Ngái ở xóm Hống Thái II. Với diện tích trồng chè lớn gần 1ha, hiện nay gia đình ông là một trong những hộ dân có đời sống khá giả, thu hút nhiều khách đến thăm quan và học tập kinh nghiệm. Nhờ cẩn có chăm chỉ, lại biết ứng dụng khoa học công nghệ vào trồng, chăm sóc và chế biến chè nên sản phẩm chè của gia đình ông luôn có chất lượng tốt và bán được giá. Không chỉ vậy, ông còn mạnh dạn đầu tư xây dựng, thiết bị hiện đại để sản xuất ra bột chè mịn và đẳng cho ngành sản xuất mỹ phẩm và các sản phẩm đồ uống tốt như cà phê sữa đá, ngoài chủ trương đến chất lượng, giá cả còn chú trọng vào mẫu mã, bao bì sản phẩm để đáp ứng tốt nhu cầu tiêu thụ đa dạng của khách hàng trong và ngoài nước. Hiện nay, trừ chi phí, bình quân mỗi năm gia đình ông thu về trên 1 tỷ đồng từ cây chè. Không chỉ làm kinh tế giỏi, còn là gia đình gương mẫu trong thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương. Tích cực tham gia các hoạt động ở địa phương, trong đó có việc hiến hàng tằm để làm đường, xây dựng nông thôn mới. Bản thân gia đình ông có cuộc sống hạnh phúc với 2 con gái đều chăm ngoan, học giỏi.

Phát huy vai trò người con ưu tú trong đồng bào dân tộc thiểu số trên các mặt của đời sống xã hội là một trong những chính sách đã và đang thực hiện có hiệu quả tại các vùng có đồng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố. Trong những năm qua người con ưu tú đã thực sự là lực lượng nòng cốt là cầu nối quan trọng giữa cấp ủy chính quyền với nhân dân và có nhiều đóng góp thiết thực trong các phong trào thi đua yêu nước và vận động quần chúng, đồng bào các dân tộc chấp hành tốt và bán được giá. Không chỉ vậy, ông còn mạnh dạn đầu tư xây dựng, thiết bị hiện đại để sản xuất ra bột chè mịn và đẳng cho ngành sản xuất mỹ phẩm và các sản phẩm đồ uống tốt như cà phê sữa đá, ngoài chủ trương đến chất lượng, giá cả còn chú trọng vào mẫu mã, bao bì sản phẩm để đáp ứng tốt nhu cầu tiêu thụ đa dạng của khách hàng trong và ngoài nước. Hiện nay, trừ chi phí, bình quân mỗi năm gia đình ông thu về trên 1 tỷ đồng từ cây chè. Không chỉ làm kinh tế giỏi, còn là gia đình gương mẫu trong thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương. Tích cực tham gia các hoạt động ở địa phương, trong đó có việc hiến hàng tằm để làm đường, xây dựng nông thôn mới. Bản thân gia đình ông có cuộc sống hạnh phúc với 2 con gái đều chăm ngoan, học giỏi.

xóm và hiện nay ông đang là thành viên Ban công tác mặt trận của xóm. Bản thân ông luôn đi đầu trong việc tích cực tham gia nhiều nội dung trong chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương. Ngoài tích cực phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con cháu trưởng thành, gia đình ông còn là hộ đi tiên phong trong xóm Đồng Tâm thực hiện hiến và vận động anh em ruột thịt, nhân dân trong xóm cùng đất để mở rộng đường bê tông liên xóm, đồng góp công sức và tiền của để xây dựng nhà văn hóa và các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu phát triển của xóm. Gia đình ông còn sẵn sàng hỗ trợ về giống cây trồng và vốn để vận động đồng bào trong xóm tích cực tham gia phát triển sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo. Đến nay, cả xóm chỉ còn 2 hộ nghèo. Xóm Đồng Tâm liên tục là xóm văn hóa tiêu biểu của Xã. Nhờ luôn thực hiện việc nói đi đôi với làm mà ở xóm Đồng Tâm, ông Cường là người rất có uy tín với bà con.

Tính hiếu nham của các lễ hội truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo trong đồng bào dân tộc thiểu số luôn được thành phố quan tâm chỉ đạo các cấp ngành nhất là những đơn vị có đồng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, qua đó tạo không khí vui tươi, phấn khởi đoàn kết phát huy giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc Đây là một buổi sinh hoạt tại câu lạc bộ hát song có tại xóm Thanh Trà 2 xã Sơn Cẩm. Là bí thư chi bộ xóm, đồng thời là thành viên trong câu lạc bộ hát song có của xã, bà Ngô Thị Năm đã tích cực cùng các thành viên trong câu lạc bộ thường xuyên tham gia tập luyện để duy trì, gìn giữ và phát triển văn hóa hát song có của dân tộc mình. Bằng uy tín của mình, bà Năm luôn phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của bản thân trong việc vận động bà con trong xóm thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, đoàn kết và tích cực tham gia xây dựng gia đình, địa phương ngày càng phát triển. Không chỉ vậy, bà còn cùng với Ban chấp hành câu lạc bộ đến vận động đồng bào phát triển kinh tế và đồng viên người thân, con em của gia đình tham gia sinh hoạt câu lạc bộ để duy trì truyền thống và bản sắc văn hóa của dân tộc Sán Dìu trên địa bàn xã Sơn Cẩm. Hiện nay câu lạc bộ hát song có của xã Sơn Cẩm có gần 120 thành viên, thi năng xóm Thanh Trà 2 đã có gần gần 50 thành viên thường xuyên tham gia sinh hoạt và duy trì loại hình văn hóa truyền thống này.

Với các chính sách phù hợp của Đảng, Nhà nước cùng sự quan tâm thường xuyên của Đảng bộ, Chính quyền thành phố Thái Nguyên trong nhiều năm qua đã giúp cho cuộc sống của đại bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn được ấm no, bình đẳng và phát triển toàn diện, đặc biệt là trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục. Anh Vi Tân Cảnh, sinh năm 1981, người dân tộc Tày hiện đang là Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND phường Chùa Hang là một trong những cán bộ trẻ người dân tộc thiểu số được Cấp ủy, Chính quyền Thành phố quan tâm có học tập, bồi dưỡng chính trị, tinh thần chuyên cần, học hỏi chuyên môn, nghiệp vụ để cùng với cấp ủy phường Chùa Hang thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ mà Đảng bộ, Chính quyền Thành phố đã giao cho. Cũng vì là cán bộ trẻ nên anh luôn mạnh dạn phát huy và cống hiến hết mình trong các lĩnh vực công việc cũng như cấp ủy xây dựng các mục tiêu cụ thể, lựa chọn những nội dung cấp bách có tính chiến lược lâu dài để thực hiện. Ví dụ như trong lĩnh vực các cách hành chính và trật tự xây dựng, mỹ quan đô thị. Nhờ đó đã thực hiện các giải pháp nên những năm qua, phường Chùa Hang trở thành một trong những đơn vị dẫn đầu Thành phố về lĩnh vực các cách hành chính và trật tự xây dựng mỹ quan đô thị. Bản thân đồng chí Vi Tân Cảnh cũng đã được nhiều cấp, ngành khen thưởng.

Có thể thấy, từ sự quan tâm thực hiện các chính sách dân tộc đồng bào dân tộc thiểu số của Đảng và Nhà nước nơi chúng và Đảng bộ, chính quyền thành phố Thái Nguyên nói riêng mà đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn luôn luôn đoàn kết, đò song vận động phát triển của đồng bào không ngừng được nâng cao. Hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vùng dân tộc thiểu số được chăm lo, củng cố an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Năm 2019, là năm thành phố Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số thành phố Thái Nguyên lần thứ IV với những mục tiêu và nhiệm vụ rõ ràng, phấn đấu cũng cố và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc các cấp, các ngành, nhân dân các dân tộc trên địa bàn thành phố nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố nói riêng ngày càng mạnh mẽ của Đảng và nhân dân vào sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng để chung tay thi đua ra sức xây dựng thành phố Thái Nguyên ngày càng phát triển giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Hương Mai - Việt Dũng

Những khởi sắc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Nghệ An



Lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và tỉnh tham quan mô hình trồng rau sạch ở xã Nam Anh (huyện Nam Đàn). Ảnh: Xuân Hoàng

70

Trong 10 năm xây dựng nông thôn mới, Nghệ An đã huy động được trên 56 nghìn tỷ đồng để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất... Đến nay, toàn tỉnh đã có 226/431 xã đạt 19/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, trong đó có 218 xã đã có quyết định đạt chuẩn nông thôn mới.

Thực hiện Quyết định số 491 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 31/8/2010 Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ra Quyết định số 3875 về phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010-2020. Theo đó, mục tiêu chung về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 là xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại;

cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, gắn phát triển nông thôn với đô thị theo kế hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa xứ Nghệ...

10 năm qua, Nghệ An đã huy động được hơn 56 nghìn tỷ đồng từ ngân sách của Trung ương, của các địa phương, các chương trình, dự án, các đơn vị, doanh nghiệp và sự đóng

góp của người dân... để thực hiện Chương trình này. Với sự chỉ đạo quyết liệt từ tỉnh đến cơ sở, sự đầu tư nguồn lực đúng trọng tâm, trọng điểm, phù hợp trong từng giai đoạn, Nghệ An đã đạt được những kết quả khả quan, tạo nên sự thay đổi sâu sắc bộ mặt nông thôn tinh nhà. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến nay ước đạt trên 28,5 triệu đồng/năm (năm 2010 là 12 triệu đồng/năm); tỷ lệ hộ nghèo đến nay còn khoảng 4% (năm 2011 là 18,79%), ước cuối năm 2020 giảm còn 3%; tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn tại Quyết định số 2570 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến nay đạt 84,5%; nước sạch theo QCVN 02/2009/BYT đạt 45%; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt gần 89,79%, tăng 8,4% so với cuối năm 2015...

“Hiện nay, bình quân toàn tỉnh đạt gần 16 tiêu chí/xã và không còn xã dưới 5 tiêu chí. Ngoài 3 đơn vị cấp huyện, 226 xã và 674 thôn bản đạt chuẩn nông thôn mới, Nghệ An hiện có thêm 1 huyện (Yên Thành) và 35 xã hoàn thành 19/19 tiêu chí; khả năng đạt và vượt mục tiêu có 61,5% số xã đạt chuẩn trong năm 2029 - về đích trước 1 năm so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao”, ông Hoàng Nghĩa Hiếu - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An) cho biết.

Nhờ có những chính sách mang tính đột phá, hàng trăm mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp được triển khai thành công, tạo ra nhiều nông



Ông Thái Thanh Quý - Chủ tịch UBND tỉnh phát biểu tại hội nghị.

sản hàng hóa mới, góp phần mang lại nguồn thu nhập cao cho các hộ dân trên địa bàn Nghệ An trong những năm qua.

Bên cạnh đó, Nghệ An cũng tiên phong xây dựng đề án xây dựng nông thôn mới ở khu vực biên giới. Năm 2018, Đề án xây dựng nông thôn mới được thực hiện trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới tỉnh Nghệ An được Chính phủ phê duyệt. 27 xã trong đề án gồm: Nậm Cắn, Tà Cạ, Bắc Lý, Mỹ Lý, Na Loi, Đoạc Mạ, Keng Đu, Mường Típ, Mường Ải, Na Ngoi, Nậm Càn (Kỳ Sơn); Tam Quang, Tam Hợp, Nhôn Mai, Mai Sơn (Tương Dương); Môn Sơn, Châu Khê (Con Cuông); Thông Thu, Hạnh Dịch, Tri Lễ, Nậm Giải (Quế Phong); Phúc Sơn (Anh Sơn); Hạnh Lâm, Thanh Thủy, Thanh Đức, Thanh Sơn, Ngọc Lâm (Thanh Chương). Nghệ An tiếp tục phấn đấu năm 2020 có thêm 25 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn của toàn tỉnh lên trên 65%.

Ông Thái Thanh Quý, Ủy viên dự

khuyết BCH Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An khẳng định, những kết quả 10 năm xây dựng nông thôn mới đã thể hiện rõ sự quyết tâm, đồng lòng, nỗ lực phấn đấu của cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh nhà. Để đạt mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2020 và giai đoạn 2020-2025, các cấp, các ngành, các địa phương cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt 8 nhiệm vụ trọng tâm. Trong đó, chú trọng tập trung cao độ hoàn thành các nhiệm vụ còn lại của năm 2019 và giai đoạn 2016-2020; chủ động xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Việc xây dựng mục tiêu cho giai đoạn tới phải sát với tình hình thực tế; bên cạnh mục tiêu nâng số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó cần phải tăng cường chỉ đạo ưu tiên nguồn lực cho các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới... **P.V**

Lẽ công bằng thời nay

 TÂN TRÀO

Bài viết “*Tân mạn về lẽ công bằng*” của tác giả Nguyễn Minh Tâm đăng tải trên Tạp chí Luật sư Việt Nam số 9/2019 có nội dung khá hấp dẫn, lôi cuốn bạn đọc.

Tác giả cho rằng: Không phải ngẫu nhiên mà văn học pháp đình thế giới xây dựng được một nhân vật Bao Công từ một nguyên mẫu có thực là Bao Chửng từ đời Tống bên Trung Quốc. Hình ảnh Bao Công là tượng trưng cho quyền lực nhà nước trong phán xét số phận con người... trong sứ mệnh diệt trừ cái ác bằng những lời kết tội thấu tình, đạt lý...

Theo tác giả: Hình ảnh Bao Công là biểu tượng của lẽ công bằng.

Bao Công là phán quan kỳ tài thực hiện điều tra, xét xử thành công; phá nhiều án oan, được người đời xưa ca tụng. Thời phong kiến đời nhà Tống, Bao Công đã xây dựng một nền tư pháp công bằng, nổi danh khắp nơi.

Nền dân chủ thời nay đề cao lẽ công bằng công lý



Hình ảnh Bao Công là biểu tượng của lẽ công bằng.

không tập trung ở cá nhân mà kiến tạo từ nguyên tắc tam quyền phân lập. Lẽ công bằng tuân thủ quy định: khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Bao Công là công bộc của triều đình nhà Tống, toàn quyền quyết định xét xử vụ án.

Ngày nay quyền con người được hiến pháp ghi nhận. Nếu Bao Công có

“tái thế”, thì xử án cũng phải căn cứ vào quy định pháp luật. Giải quyết án theo quan điểm cá nhân, độc tôn là vi phạm tố tụng dù dư luận “khẩu phục, tâm phục”, đề cao!

Xu thế công bằng, dân chủ đòi hỏi phải tuân thủ quy định pháp luật triệt để. Lẽ công bằng và nền dân chủ pháp trị phối hợp để công lý sáng tỏ.

Nữ văn hào người Pháp Staël đã viết: Ôi tự do, hỡi tự do, nhân danh mi mà người ta phạm biết bao nhiêu tội lỗi!

Qua bao thăng trầm lịch sử, loài người đánh đổi “máu và nước mắt” tạo lập sự công bằng, tự do, dân chủ. Nền dân chủ pháp trị cần được tôn sùng!

Với nhận thức, định hướng lớn của cải cách tư pháp là lấy tòa án làm trung tâm..., qua đó việc xét xử là khâu then chốt trong hoạt động tư pháp. Giả sử Bao Công là chủ tọa phiên xử “đại án nhận hối lộ...” cũng phải tuân hành nguyên tắc “Hội đồng xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”. Ngày xưa Bao Công xử lý các vụ án “cậy chúng, hiếp cô” thời phong kiến, cùng lúc thực hiện điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án! Ngày nay Bao Công không thể “độc diễn” theo cách nói “ta là chân lý”!

Để tránh sai lầm, các “Bao Công thời nay” cần vận dụng nguyên tắc phân nhiệm, phân quyền, minh bạch! ♦

Giáo dục trong thời đại toàn cầu hóa

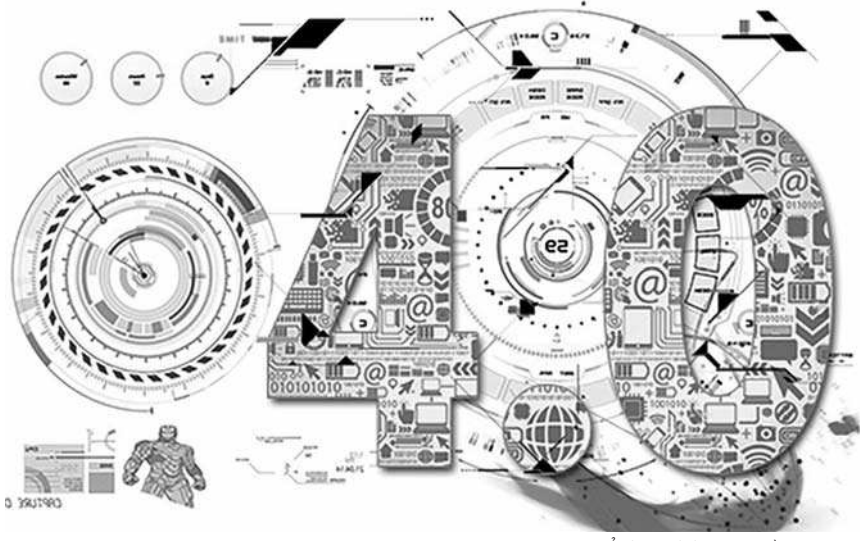
 ĐÌNH THÀNH TRUNG

Trong thời đại hội nhập quốc tế sâu rộng, tất cả các ngành kinh tế và xã hội đều chịu tác động lớn, ảnh hưởng căn bản đến cấu trúc và sự phát triển. Với nền giáo dục của Việt Nam, chúng ta phải đối mặt với thách thức không nhỏ.

Tiếp cận tư tưởng giáo dục tiên tiến

Chúng ta đã đạt được những kết quả tốt, những thành tựu nổi bật, nhưng đó không đủ để khóa lập đi được những tồn tại trong thời đại hội nhập. Như chúng ta đã biết, khoa học công nghệ phát triển, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xóa nhòa khoảng cách giữa con người với nhau, cho phép nước này có thể học tập thành tựu của nước kia. Trong lĩnh vực giáo dục, sự ra đời của các phương pháp giảng dạy tận dụng thành tựu khoa học công nghệ là xu thế của thời đại mới. Tuy nhiên, chúng ta chưa đầu tư đúng mức và chưa có sự quan tâm trên bình diện vĩ mô, chỉ có một số mô hình nhỏ lẻ.

Phương pháp giảng dạy cũng là điều đáng bàn, khi chất lượng của đào tạo đại học cũng được báo chí truyền thông khai thác khá nhiều. Đặc biệt, việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vẫn chưa ở mức rộng rãi. Bản thân người học chưa hiểu đúng, từ đó chưa có ý thức đúng về việc học để phục vụ cho thời đại mới.



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Điều cần phải đổi mới đầu tiên là tư duy làm giáo dục. Toàn cầu hóa làm chúng ta có thể nhìn nhận điểm ưu việt của các nền giáo dục phát triển. Triết lý giáo dục của chúng ta vẫn còn đặt nặng thành tích, từ đó tạo áp lực cho cả người dạy và người học. Tư tưởng đó dần bộc lộ những thiếu sót nếu so sánh với tư tưởng của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, khi họ khuyến khích sự sáng tạo, tìm tòi, khám phá để xây dựng nên nền tảng kiến thức vững chắc cho bản thân. Quan trọng hơn, tư duy giáo dục hiện đại tạo cho người học sự ham thích nghiên cứu, vượt qua các lực cản để tăng tiến tri thức của mỗi người. Ví dụ ở Mỹ, sinh viên có thể tự tìm đề tài nghiên cứu và giảng viên phải hỗ trợ hết sức, không bị bó buộc trong các khuôn tắc của trường. Giảng viên có nghĩa vụ giải đáp mọi thắc mắc của sinh viên, mỗi tuần dành ra một buổi để trò chuyện với sinh viên.

Trong khoảng chục năm trở lại đây, nền giáo dục nước ta, nhất là giáo dục đại học đã từng bước học theo và phát triển triết lý giáo dục tự do cho người học. Ngoài việc môn học được sắp xếp thoải mái hơn, sinh viên được khuyến khích tham gia nghiên cứu. Tuy vậy, cái chúng ta còn thiếu là ý thức đột phá của chính sinh viên và giảng viên. Với việc được hưởng nền giáo dục rập khuôn từ phổ thông, sinh viên sẽ khó có thể chủ động dần thân vào những nghiên cứu khó, từ đó cho ra sản phẩm mang tính đột phá. Đến kỳ phải làm tiểu luận hay luận văn tốt nghiệp, một bộ phận không nhỏ sinh viên đi tìm kiếm và sao chép ý tưởng của người khác, không tìm tòi, sáng tạo nên ý tưởng mới. Bản thân sự kiểm tra cũng như khuyến khích của giảng viên không đủ để số sinh viên đó chịu tìm tòi, vì thế các đề tài đó cũng chỉ làm đề đối phó, để “qua” môn, để tốt nghiệp.

Tăng tính đấu tranh cho hoạt động giáo dục

Một vấn đề quan trọng của việc thay đổi tư tưởng giáo dục chính là ý thức xã hội. Giáo dục phổ thông trung học và đại học chính là thời gian cốt lõi để hình thành nên tính cạnh tranh của mỗi người khi gia nhập vào xã hội, tức là làm việc. Trong một hệ thống giáo dục mà người học không được dạy để ra đời sống thế nào, làm việc thế nào, xử lý tình huống trong công việc thế nào, cũng tức là họ sẽ phải học lại từ đầu. Cả 12 năm học và 4-5 năm đại học mà ra trường đi làm sinh viên thường rất bỡ ngỡ. Thời gian thực tập không hiệu quả cũng là nguyên nhân khiến sinh viên không được trang bị kiến thức đầy đủ, cũng như chỉ là cái bóng trong môi trường làm việc.

Tính cạnh tranh chính là điều cốt yếu để một thể hệ làm việc có thể tồn tại, đưa đất nước đi lên và cạnh tranh sòng phẳng được trên thế giới. Hội nhập tạo điều kiện giao lưu, kết nối nhiều hơn nhưng cũng phải cạnh tranh nhiều hơn. Chúng ta cần nghiên cứu nhiều hơn để đưa ra được những chương trình giáo dục khuyến khích cho người học phát huy tối đa sở trường của mình. Đặc biệt, phải tạo ra môi trường cho người học có thể phát huy năng lực để sau này làm việc có trách nhiệm hơn, từ đó đạt hiệu quả tối đa, có thể cạnh tranh sòng

phẳng trong thời đại khoa học công nghệ.

Chúng ta cần tăng cường tính thực tiễn của hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường đại học, từ đó tăng tính tìm tòi sáng tạo, tiến đến xây dựng tiêu chuẩn hệ thống đào tạo sáng tạo. Đầu ra của đào tạo khoa học công nghệ chính là thứ cần làm để tạo thành một chuỗi đào tạo cho phù hợp với thời đại. Chương trình đào tạo phải tham khảo, chọn lọc với nền giáo dục của các nước tiên tiến, chú trọng vào những ngành nghề công nghệ cao. Như vậy, nguồn nhân lực đào tạo ra sẽ có đủ khả năng cạnh tranh trên toàn cầu.

Một vấn đề khác phải quan tâm là tích cực liên kết với các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp công nghệ cao. Nếu không làm tốt công tác này thì các trường đại học sẽ bị mất phương hướng, không biết đào tạo thế nào cho kịp thời đại 4.0, để có được những sinh viên tốt nghiệp thích nghi tốt với yêu cầu hội nhập quốc tế. Việc quốc tế hóa giáo dục đã được nhiều trường đại học triển khai có kết quả, nhưng vẫn cần phải học hỏi theo những chuẩn mực quốc tế, toàn diện và mạnh mẽ hơn để đào tạo nên thế hệ người Việt Nam giỏi về kiến thức và mạnh về kỹ năng sống, cạnh tranh và tồn tại tốt hơn trong thời đại hội nhập. ♦

Người thầy, không chỉ là dạy kiến thức văn hóa mà còn dạy cho học trò đạo lý, nhân cách làm người, chính vì vậy mà thời nào cũng vậy, người thầy luôn được tôn quý, đạo thầy trò luôn được khắc ghi...

Ngay từ những năm kháng chiến chống Pháp, Công đoàn Giáo dục Việt Nam đã có quan hệ với FISE (Tổ chức quốc tế các nhà giáo tiến bộ được thành lập đầu năm 1946 ở Paris - Liên hiệp quốc tế các Công đoàn giáo dục) để tranh thủ sự ủng hộ của toàn thể giáo viên trên thế giới đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta. Năm 1957, Hội nghị FISE với 57 nước tham dự, trong đó có Việt Nam, đã quyết định lấy ngày 20/11 làm Ngày Quốc tế hiến chương các nhà giáo. Ngày 20/11/1958, lần đầu tiên Ngày Quốc tế hiến chương các nhà giáo được tổ chức trên toàn miền Bắc. Từ năm 1982, Ngày Quốc tế hiến chương các nhà giáo cũng là Ngày Nhà giáo Việt Nam. Ngày này không chỉ có ý nghĩa quan trọng với học sinh, sinh viên và thầy cô giáo, mà còn trở thành ngày của cả cộng đồng - xã hội bày tỏ lòng biết ơn, kính trọng đến với đội ngũ nhà giáo. Đây cũng là dịp để các thế hệ người Việt Nam tỏ lòng biết ơn sâu sắc với những người đã góp công sức, tâm huyết cho sự nghiệp “trồng người” cao cả.

Trong cuộc sống, mỗi người một nghề và nghề nào cũng có khó khăn, vất vả riêng. Song với những người thực sự tâm huyết, gắn bó với công việc, họ sẽ đạt được niềm vui hạnh phúc mà nghề nghiệp mang lại. Dạy học là một nghề cao quý, mang lại những hy vọng, ước mơ và tri thức tới nhiều thế hệ. Gắn bó với công việc, những người giáo viên đã dạy cho học trò của mình biết yêu thương cha mẹ, ông bà, anh chị em, bạn bè; yêu quê hương đất nước, biết ứng xử, để ngay từ tuổi thơ các em đã tin vào sự tốt đẹp

Nghề cao quý

 **LS TRẦN VĂN CHƯƠNG**

của cuộc sống ngày mai, tin vào những cố gắng của bản thân, vững bước vào đời.

Dân tộc Việt Nam có truyền thống “tôn sư trọng đạo”. Sinh thời, Bác Hồ rất quan tâm đối với đội ngũ những người làm nghề dạy học, Người cho rằng: “Nhiệm vụ giáo dục là rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục”. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã từng nói: “Nghề dạy học là nghề cao quý bậc nhất trong các nghề cao quý. Nghề dạy học là một nghề sáng tạo bậc nhất trong các nghề sáng tạo vì nó sáng tạo ra những con người sáng tạo”. Người thầy, không chỉ là dạy kiến thức văn hóa mà còn dạy cho học trò đạo lý, nhân cách làm người, chính vì vậy mà thời nào cũng vậy, người thầy luôn được tôn quý, đạo thầy trò luôn được khắc ghi. Tuy nhiên, đây cũng là một nghề lắm gian truân, vất vả, nhất là đối với những người dạy học trong môi trường đặc biệt, dạy học ở vùng sâu, vùng xa, dạy người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Những ngày này, cùng với những bó hoa tươi thắm trên khắp mọi ngã đường để học sinh gửi tặng thầy cô, chúng ta còn được nghe trên các phương tiện thông tin đại chúng nói về những tấm gương giáo viên hết lòng vì nghề, vì học sinh thân yêu trên khắp mọi miền Tổ quốc. Đặc

biệt là những tấm gương của các thầy cô ở các vùng cao, nơi đồng bào dân tộc thiểu số còn rất nhiều khó khăn về kinh tế. Nơi đây, những lớp học nằm hẻo lánh, chon von trên núi cao, đường sá gập ghềnh, ngoài việc dạy chữ, thầy cô còn phải làm thay cả những công việc của người cha, người mẹ, vận động các em đến lớp, nuôi nấng các em ăn, ngủ, sinh hoạt hàng ngày. Nhiều giáo viên phải dạy học cách nhà hàng trăm cây số, đi lại khó khăn, nguy hiểm, nhất là vào mùa mưa lũ.

Thật cảm phục khi truyền hình VTV1 (ngày 18/11) nói về cô giáo Trần Thị Bá Tiên, Trường phổ thông Dân tộc bán trú tiểu học Hà Đông huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai. Nhà cách trường 130 km, ngày 10/9/2019, trên đường đến lớp khi cách trường 10 km cô bị xe tải ngược chiều xô ngã, bánh xe đè lên, chà nát toàn bộ cánh tay trái. Sau vụ tai nạn thương tâm đó, cô Tiên phải cắt bỏ cánh tay trái; hơn hai tháng điều trị, đến nay cô đã đến được lớp, tiếng hát của cô cùng các em học sinh lại vang lên, hòa quyện làm lòng ta xúc động. Ở những huyện vùng cao phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, nhiều giáo viên phải trụ hẳn lại các điểm trường cheo leo trên vùng núi, xa khu dân cư, xa đường tiếp tế lương thực, khó khăn về thông tin...

Trên con đường đi gieo chữ của

giáo viên vùng cao, đôi khi phải đối mặt với những khó khăn không thể lường trước. Còn nhớ trận lũ lịch sử năm 2018, xã An Lương (huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái) bị cô lập trong nước lũ; giáo viên phải gửi từng cân gạo, gói ghém từng túi muối, dầu ăn đi bộ lên trường cho mình và cho học sinh. Nhiều tấm gương cao cả của các nhà giáo, mà không có từ ngữ nào có thể diễn tả hết được. Những giáo viên cắm bản làng, đôi khi phải bất chấp nguy hiểm cả tính mạng. Đau xót biết bao khi ta nhớ lại, hai cô giáo Nguyễn Thị Yến (SN 1980) và Nguyễn Thị Hằng Nga (SN 1990) Trường Tiểu học Kông Long Khong, K’bang, Gia Lai, vào cuối năm 2014, trên đường đến lớp với học sinh, cô Yến đi trước, vừa đi được đến giữa con đập tràn thì lũ ồng ào về cuốn đi; bất chấp nguy hiểm cô Nga đã dũng cảm lao xuống cứu bạn; nhưng do nước xoáy quá mạnh đã cuốn các cô đi mãi mãi. Sự ra đi của họ khiến đồng nghiệp, học sinh và nhân dân cả nước tiếc thương. Hai cô là những giáo viên giỏi, yêu thương học trò và tận tâm, tận lực với nghề. Cô giáo Nga ra đi trước ngày cưới của mình không xa, cô Yến ra đi để lại hai đứa con thơ dại, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn. Ngày nay, nhân dân vùng Tây Nguyên coi hình ảnh thầy cô giáo băng rừng, lội suối, vượt bộ hàng chục cây số để đến trường là những hình ảnh đẹp đẽ, tiêu biểu cho

sự hy sinh cao cả của các nhà giáo.

Đi học, đến trường và dạy học không hề đơn giản với giáo viên và học sinh ở những nơi xa xôi, hẻo lánh; việc được đến trường, được đi học, đi dạy là niềm mơ ước, khát khao của cả học sinh và thầy cô giáo. “Được học - Được dạy” là chủ đề của buổi gặp gỡ giữa tác giả Nguyễn Bích Lan - dịch giả của 35 cuốn sách, với 15 thầy cô giáo cảm bản ở Điện Biên cho ta thấy mỗi thầy cô là một câu chuyện về tình yêu thương với học sinh, với nghề nghiệp, họ đã gắn bó cả tuổi thanh xuân ở những nơi khó khăn nhất...

Cô giáo Nguyễn Thị Ngọc Tâm (xã Yên Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định) mắc căn bệnh xương thủy tinh bẩm sinh, song để giúp ích cho đời và thực hiện ước mơ của mình, Tâm quyết định mở lớp học tại nhà để kèm cặp các em học sinh từ lớp 1 đến lớp 8. Lớp học của cô không phấn, không bảng, không bục giảng và không học phí, nhưng luôn đầy ắp tình yêu thương. Câu chuyện về cô giáo Tâm và chặng đường 13 năm dạy học miễn phí đã lấy đi nước mắt của nhiều khán giả xem truyền hình. Tác phẩm truyền hình “Cô giáo xương thủy tinh” vinh dự nhận giải Bạc, hạng mục phóng sự tại Liên hoan Truyền hình toàn quốc lần thứ 38.

Không chỉ ở vùng cao xa xôi hẻo lánh, hiện nay, khắp các địa phương trên cả nước, những trường chuyên biệt với những cái tên thật thân thương, cảm động: Tình thương, Hy vọng, Nhân hậu, Hạnh phúc, Niềm tin... đã tiếp nhận và dạy các em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó

khăn học chữ, học nghề. Những công việc nơi đây, không phải ai cũng có thể làm được, bởi ngoài kiến thức sư phạm, còn cần có trái tim nhân hậu, tính kiên trì, nhẫn nại, yêu nghề và yêu người, biết chịu đựng để vượt qua mọi thử thách. Rất nhiều thầy cô còn tiết kiệm, dành dụm tiền của mình để giúp các em ăn học, tiền để tự mình đi học thêm về giáo dục đặc biệt... để có thể gắn bó với nghề. Còn biết bao những con người, những người “thầy không bục giảng” với trái tim nhân hậu, tự mở lớp dạy chữ, dạy nghề, cuu mang cho trẻ em gặp những hoàn cảnh khó khăn.

Trong thời gian vừa qua, ở một số địa phương có xảy ra các vụ việc giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh nhà giáo, gây bức xúc trong dư luận. Tuy nhiên, đây chỉ là những “con sâu làm rầu nồi canh”, không thể làm xói mòn truyền thống tôn sư trọng đạo của người Việt Nam, bởi lẽ chúng ta còn có hàng triệu giáo viên đã và đang thầm lặng cống hiến, hy sinh cho sự nghiệp giáo dục trên khắp mọi miền Tổ quốc. Cùng với chính sách xã hội hóa giáo dục của Nhà nước, số trường lớp, chất lượng giáo viên ở nước ta không ngừng được nâng cao phù hợp với yêu cầu của xã hội. Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đặc biệt đến đội ngũ giáo viên. Hiện nay, bậc lương của nhà giáo là một trong những thang, bậc lương cao nhất trong hệ thống thang, bậc lương hành chính sự nghiệp. Ngày 05/11 vừa qua, Bộ Nội vụ chính thức có công văn gửi ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc ưu tiên tuyển dụng đặc

cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước.

Xã hội ngày một phát triển, nhu cầu học tập và giảng dạy của giáo viên cũng phải nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức. Giáo viên ngày nay không chỉ chịu áp lực về giảng dạy kiến thức mà còn phải chịu đựng áp lực rất lớn từ phía xã hội, của ngành, của phụ huynh và thậm chí là của học sinh. Nhiều phụ huynh do mãi mê với công việc mà giao phó toàn bộ việc dạy dỗ con em cho giáo viên; trong khi đó, thầy cô ít khi nhận được sự phối hợp, phản hồi thấu cảm, chia sẻ từ phía phụ huynh trong việc quản lý và giáo dục con em.

Ngành giáo dục Việt Nam đang tiếp tục có những cải cách mạnh mẽ để giảm tải những công việc hành chính của giáo viên để các thầy, các cô tập trung vào công việc chính là hướng dẫn, tư vấn, cố vấn giảng dạy cho học sinh và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giáo viên thực hiện nhiệm vụ. Kỷ niệm 37 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam, lại là dịp cộng đồng xã hội, các thế hệ học sinh, tôn vinh thể hiện sự trân trọng đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, lòng tri ân sâu sắc đến các thế hệ thầy cô giáo, những người không ngại khó khăn, gian khổ suốt đời hy sinh thầm lặng vì sự nghiệp giáo dục, vì học sinh thân yêu. Xin trân trọng gửi tới các thế hệ những người đã, đang công tác trong ngành giáo dục sự biết ơn, lòng tri ân sâu sắc và những lời chúc tốt đẹp nhất. ♦